

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI**

**VŨ THỊ PHƯƠNG THÚY**

**ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN  
HUYỆN THẠCH THẮT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ NHÂN LỰC**

**HÀ NỘI – 2019**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO    BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI**

**VŨ THỊ PHƯƠNG THÚY**

**ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN  
HUYỆN THẠCH THẮT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**Chuyên ngành: Quản trị nhân lực**

**Mã số                    :8340404**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ NHÂN LỰC**

**CÁN BỘ HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: PGS.TS NGUYỄN NAM PHƯƠNG**

**HÀ NỘI – 2019**



## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi dưới sự hướng dẫn của PGS. TS Nguyễn Nam Phương. Các số liệu, kết quả nghiên cứu nêu trong Luận văn là trung thực, đảm bảo tính khách quan, khoa học và chưa được ai công bố trong công trình nghiên cứu nào. Các tài liệu tham khảo, những thông tin trích dẫn trong luận văn đều có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng.

**TÁC GIẢ LUẬN VĂN**

**Vũ Thị Phương Thúy**

## MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN.....	i
MỤC LỤC.....	ii
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT .....	v
DANH MỤC CÁC BẢNG.....	vi
DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ.....	viii
MỞ ĐẦU .....	1
<i>1. Lý do chọn đề tài.....</i>	<i>1</i>
<i>2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài .....</i>	<i>2</i>
<i>3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....</i>	<i>5</i>
3.1. Mục đích nghiên cứu.....	5
3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu .....	5
<i>4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu .....</i>	<i>6</i>
4.1. Đối tượng nghiên cứu .....	6
4.2. Phạm vi nghiên cứu.....	6
<i>5. Phương pháp nghiên cứu .....</i>	<i>6</i>
5.1. Nguồn số liệu.....	6
5.2. Phương pháp phân tích số liệu.....	7
5.3. Phương pháp xử lý số liệu.....	8
5.4. Phương pháp phỏng vấn sâu.....	8
<i>6. Những đóng góp mới của luận văn .....</i>	<i>9</i>
<i>7. Kết cấu của luận văn .....</i>	<i>9</i>
<b>Chương 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN TRÊN ĐỊA BÀN CẤP HUYỆN .....</b>	<b>10</b>
<i>1.1. Một số khái niệm có liên quan tới vấn đề nghiên cứu .....</i>	<i>10</i>
<i>1.2. Đặc điểm lao động nông thôn .....</i>	<i>13</i>
<i>1.3. Thực trạng thực hiện các nội dung đào tạo nghề cho lao động nông thôn ở cấp huyện.....</i>	<i>15</i>
1.3.1. Vai trò của các chủ thể tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn ở cấp huyện.....	15
1.3.2. Nội dung của công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn ở cấp huyện....	17
<i>1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến đào tạo nghề cho lao động nông thôn.....</i>	<i>27</i>

1.4.1. Yếu tố vĩ mô .....	27
1.4.2. Yếu tố vi mô .....	29
<b>1.5. Kinh nghiệm đào tạo nghề cho lao động nông thôn ở một số địa phương</b> ....	<b>30</b>
1.5.1. Kinh nghiệm đào tạo nghề ở huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội .....	30
1.5.2. Kinh nghiệm đào tạo nghề cho người lao động ở huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội .....	32
1.5.3. Kinh nghiệm đào tạo nghề cho lao động nông thôn ở huyện Kỳ Sơn tỉnh Hòa Bình.....	33
1.5.4. Bài học kinh nghiệm rút ra đối với đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Thạch Thất .....	34
<b>Chương 2. THỰC TRẠNG ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN HUYỆN THẠCH THẮT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI</b> .....	<b>35</b>
<b>2.1. Khái quát về vị trí địa lý, điều kiện kinh tế xã hội huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội</b> .....	<b>35</b>
2.1.1. Vị trí địa lý huyện Thạch Thất.....	35
2.1.2. Tình hình phát triển kinh tế, xã hội huyện Thạch Thất.....	35
<b>2.2. Đặc điểm dân cư, nguồn lao động huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội</b> .....	<b>36</b>
<b>2.3. Tình trạng việc làm của người lao động huyện Thạch Thất</b> .....	<b>38</b>
<b>2.4. Chất lượng lao động huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội</b> .....	<b>44</b>
<b>2.5. Thực trạng thực hiện các nội dung đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Thạch Thất</b> .....	<b>47</b>
2.5.1. Vai trò của các chủ thể trong thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Thạch Thất .....	47
2.5.2. Nội dung công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Thạch Thất .....	49
2.5.3. Đánh giá hiệu quả và chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Thạch Thất .....	69
<b>2.6. Những yếu tố có ảnh hưởng tới đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Thạch Thất</b> .....	<b>75</b>
<b>2.7. Đánh giá chung về công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Thạch Thất giai đoạn 2014 -2018</b> .....	<b>76</b>
2.7.1. Kết quả đạt được .....	76
2.7.2. Một số hạn chế còn tồn tại.....	82
2.7.3. Nguyên nhân của những hạn chế.....	85

<b>Chương 3. GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN HUYỆN THẠCH THẮT .....</b>	<b>87</b>
<b><i>3.1. Định hướng phát triển kinh tế xã hội huyện Thạch Thất thành phố Hà Nội</i></b>	<b>87</b>
3.1.1. Định hướng phát triển kinh tế xã hội .....	87
3.1.2. Định hướng phát triển nguồn nhân lực của huyện Thạch Thất.....	88
<b><i>3.2. Mục tiêu đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Thạch Thất thành phố Hà Nội.....</i></b>	<b>92</b>
<b><i>3.3. Một số giải pháp phát triển đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Thạch Thất.....</i></b>	<b>93</b>
3.3.1. Đổi mới hình thức tuyên truyền nâng cao nhận thức về đào tạo nghề cho người lao động và chính quyền các cấp.....	94
3.3.2. Làm tốt công tác điều tra, khảo sát và dự báo nhu cầu học nghề của người lao động theo yêu cầu của thị trường lao động.....	95
3.3.3. Đổi mới nội dung, chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội của địa phương.....	97
3.3.4. Phát triển đội ngũ giáo viên dạy nghề và đầu tư hệ thống cơ sở vật chất phục vụ đào tạo nghề.....	99
3.3.5. Tăng cường vai trò kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước trong đào tạo nghề cho lao động nông thôn .....	100
3.3.6. Đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm cho người lao động.....	100
<b>KẾT LUẬN.....</b>	<b>102</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>	<b>103</b>
<b>PHỤ LỤC 1.....</b>	<b>106</b>
<b>PHỤ LỤC 2.....</b>	<b>108</b>
<b>PHỤ LỤC 3.....</b>	<b>111</b>
<b>PHỤ LỤC 4.....</b>	<b>114</b>

**DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT**

<b>TỪ VIẾT TẮT</b>	<b>NỘI DUNG ĐẦY ĐỦ</b>
KTXH	Kinh tế xã hội
LĐT BXH	Lao động Thương binh và Xã hội
LĐNT	Lao động nông thôn
UBND	Ủy ban nhân dân



## **DANH MỤC CÁC BẢNG**

Bảng 2.1: Quy mô dân số huyện Thạch Thất giai đoạn 2014 - 2018 .....	37
Bảng 2.2: Tình trạng việc làm của người lao động huyện Thạch Thất giai đoạn 2014 – 2018 .....	39
Bảng 2.3: Lao động thất nghiệp chia theo độ tuổi và giới tính huyện Thạch Thất giai đoạn 2014 - 2018.....	41
Bảng 2.4: Lao động có việc làm chia theo ngành kinh tế huyện Thạch Thất giai đoạn 2014 – 2018 .....	42
Bảng 2.5: Lao động qua đào tạo huyện Thạch Thất giai đoạn 2014 – 2018... ..	45
Bảng 2.6: Nhu cầu và Kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Thạch Thất giai đoạn 2014 – 2018 (ĐVT: người) .....	52
Bảng 2.7: Danh mục các cơ sở tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Thạch Thất từ năm 2014 đến 2018 .....	60
Bảng 2.8: Ngân sách chi cho đào tạo nghề huyện Thạch Thất giai đoạn 2014 – 2018.....	64
Bảng 2.9: Kết quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Thạch Thất giai đoạn 2014 – 2018 .....	66
Bảng 2.10. Kết quả đào tạo so với nhu cầu đào tạo .....	68
Bảng 2.11: Đánh giá kết quả đào tạo của giáo viên với học viên .....	71
Bảng 2.12: Đánh giá từ phía học viên đối với chương trình học, cách thức giảng dạy của giảng viên, hiệu quả đào tạo.....	72
Bảng 2.13: Đánh giá của doanh nghiệp và người lao động về mức độ sử dụng kiến thức đã học vào công việc.....	73
Bảng 2.14: Đánh giá của doanh nghiệp có sử dụng lao động sau học nghề....	74
Bảng 2.15: Lao động qua đào tạo nghề huyện Thạch Thất giai đoạn 2014 – 2018.	78
Bảng 2.16: Số người có việc làm so với số người học nghề .....	79
huyện Thạch Thất giai đoạn 2014 - 2018 .....	79

Bảng 2.17: Kết quả khảo sát người lao động về hiệu quả đào tạo nghề .....	81
Bảng 3.1. Dự báo quy mô, cơ cấu dân số huyện Thạch Thất đến năm 2020.....	88
Bảng 3.2. Dự báo chất lượng lao động huyện Thạch Thất năm 2020 .....	89
Bảng 3.3: Nhu cầu tuyển dụng nhân lực của các doanh nghiệp huyện Thạch Thất giai đoạn 2019 - 2020.....	91
Bảng 3.4: Dự báo nhu cầu học nghề huyện Thạch Thất .....	91
giai đoạn 2019 - 2020 .....	91

**DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ**

Biểu 2.1: Quy mô dân số huyện Thạch Thất giai đoạn 2014 – 2018.....	38
Biểu 2.2: Tình hình việc làm, thất nghiệp và thiếu việc làm của người lao động huyện Thạch Thất giai đoạn 2014 – 2018.....	40
Biểu 2.4: Lao động có việc làm chia theo ngành kinh tế huyện Thạch Thất giai đoạn 2014 - 2018 .....	44
Biểu 2.5: Lao động qua đào tạo huyện Thạch Thất giai đoạn 2014 – 2018....	46
Biểu 2.6: Nhu cầu và Kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Thạch Thất giai đoạn 2014 – 2018 (ĐVT: người) .....	54
Biểu 2.16: Số người có việc làm so với số người học nghề huyện Thạch Thất giai đoạn 2014 – 2018 .....	80
Biểu 2.17: Kết quả khảo sát người lao động về hiệu quả đào tạo nghề .....	81

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Từ khi sáp nhập vào Hà Nội năm 2008, hiện nay, Thạch Thất là một trong 14 huyện thuộc thành phố Hà Nội. Nằm cách trung tâm Thủ đô Hà Nội 25km, với vị trí địa lý thuận lợi, trong những năm gần đây, Thạch Thất đã thu hút nhiều dự án đầu tư phát triển các ngành công nghiệp – xây dựng, tiểu thủ công nghiệp và thương mại – du lịch. Trên địa bàn huyện có 02 khu công nghiệp (Khu công nghiệp Thạch Thất – Quốc Oai, Khu công nghệ cao Hòa Lạc); 07 cụm, điểm công nghiệp; trên 50 làng có nghề trong đó có 09 làng nghề truyền thống chuyên sản xuất các mặt hàng có chất lượng tốt, phong phú về chủng loại, mẫu mã, đáp ứng được yêu cầu của thị trường như sản xuất cơ kim khí xã Phùng Xá, nghề mộc ở Chàng Sơn, Hữu Bằng, Canh Nậu, mây giang đan xã Bình Phú...; 1.322 doanh nghiệp; 10.126 hộ gia đình có đăng ký kinh doanh đang hoạt động và tạo việc làm thường xuyên cho trên 40.000 lao động.

Không thể phủ nhận vai trò của việc đầu tư xây dựng các khu cụm công nghiệp ở huyện Thạch Thất, đặc biệt là việc quy hoạch các cụm công nghiệp làng nghề thời gian qua đã tạo ra hàng trăm ngàn vị trí việc làm mới cho người lao động, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân, góp phần giảm tỷ lệ đói nghèo và ổn định an sinh xã hội. Tuy nhiên, trước yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, người lao động cần có trình độ chuyên môn và tay nghề vững vàng, song theo số liệu thống kê, hiện nay, tỷ lệ lao động chưa qua đào tạo của huyện Thạch Thất là trên 30%.

Bên cạnh đó, việc xây dựng các dự án công nghiệp đã làm cho diện tích đất nông nghiệp bị thu hẹp, điều này đồng nghĩa với việc sẽ có hàng trăm nông dân bị mất đất canh tác dẫn tới tình trạng mất hoặc thiếu việc làm, do đó mất đi nguồn thu nhập. Vì vậy, để ổn định cuộc sống, họ cần được đào tạo để chuyển đổi sang các ngành nghề phi nông nghiệp. Theo số liệu thống kê, từ

2014 tới nay, huyện Thạch Thất đã chuyển đổi 185 ha đất nông nghiệp sang đất công nghiệp – xây dựng, chiếm tỷ lệ 17,36% diện tích đất nông nghiệp. Số hộ bị thu hồi đất nông nghiệp để xây dựng khu công nghiệp, khu chế xuất là 107.900 hộ, chiếm 21% tỷ lệ hộ canh tác nông nghiệp của toàn huyện.

Để giúp người lao động có cơ hội chuyển đổi nghề nghiệp, trong những năm qua, được sự quan tâm tạo điều kiện của Đảng, Nhà nước và chính quyền các cấp, huyện Thạch Thất đã thực hiện đào tạo nghề cho 20.963 lao động với các ngành nghề đào tạo đa dạng bắt nhịp với nhu cầu của thị trường lao động, bước đầu đáp ứng được nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp, làng nghề, cơ sở sản xuất kinh doanh. Bên cạnh những kết quả đạt được, đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện thời gian qua vẫn còn nhiều tồn tại như: chất lượng lao động qua đào tạo nghề chưa cao; cơ cấu đào tạo nghề chưa hợp lý dẫn đến có tình trạng vừa thừa vừa thiếu, đặc biệt thiếu lao động lành nghề; tình trạng người lao động không tìm được việc làm sau khi học nghề còn phổ biến.

Với mong muốn tìm hiểu tình hình thực hiện công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện Thạch Thất thời gian qua, chỉ ra nguyên nhân, hướng tới đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển đào tạo nghề cho lao động nông thôn trong thời gian tới, tác giả đã mạnh dạn lựa chọn vấn đề "***Đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội***" làm đề tài luận văn thạc sỹ của mình.

## **2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài**

Cho tới nay đã có nhiều công trình nghiên cứu liên quan đến vấn đề đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Tùy vào từng cách tiếp cận khác nhau mà trên cả bình diện lý luận và thực tiễn các tác giả, nhà khoa học có những cách tiếp cận khác nhau về vấn đề này, cụ thể:

- Luận án Tiến sĩ: “*Giải quyết việc làm và đảm bảo đời sống cho người lao động sau khi bị thu hồi đất trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở tỉnh Nghệ An*” chuyên ngành kinh tế của Lê Thu Thảo, trường Đại học Đà Nẵng 2011. Trong nội dung luận văn tác giả đã làm rõ được một số vấn đề:

+ Hệ thống hóa cơ sở lý luận về giải quyết việc làm và đảm bảo đời sống cho người lao động bị thu hồi đất trong quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa.

+ Phân tích được mối quan hệ giữa giải quyết việc làm và bảo đảm đời sống cho người lao động với yêu cầu thu hồi đất phục vụ cho quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa.

+ Nghiên cứu kinh nghiệm giải quyết việc làm và đảm bảo đời sống cho người lao động bị thu hồi đất của một số địa phương và rút ra bài học kinh nghiệm đối với Nghệ An.

+ Phân tích thực trạng giải quyết việc làm và đảm bảo đời sống cho người lao động sau khi bị thu hồi đất trong quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa ở tỉnh Nghệ An từ năm 2001 đến nay, chỉ ra những kết quả đạt được cũng như những hạn chế và nguyên nhân.

+ Đề xuất quan điểm và giải pháp nhằm giải quyết có hiệu quả hơn vấn đề này ở tỉnh Nghệ An.

- Luận án Tiến sĩ, “*Đào tạo nghề cho lao động nông thôn vùng Đồng bằng Sông Hồng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa*” của tác giả Nguyễn Văn Đại, trường Đại học Kinh tế Quốc dân 2012. Tác giả đã đánh giá một cách khách quan thực trạng đào tạo nghề cho lao động nông thôn vùng Đồng bằng Sông Hồng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đồng thời chỉ ra những giải pháp để giải quyết khó khăn và đẩy mạnh đào tạo nghề cho lao động nông thôn khu vực này.

- Tác giả Nguyễn Tiến Dũng, nguyên Tổng Cục trưởng Tổng cục dạy nghề, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, với bài viết: *“Đào tạo nghề cho lao động nông thôn trong thời kỳ hội nhập quốc tế”* đăng trên website của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. Tác giả đã nêu ra một số kết quả bước đầu trong công tác đào tạo nghề cho lao động ở nước ta và đề cập đến một số hướng giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả đào tạo nghề cho lao động. Tuy nhiên, vì tiếp cận ở phạm vi rộng nên các giải pháp mà tác giả đưa ra còn mang tính khái quát và chung chung nên không thể áp dụng vào các địa phương cụ thể.

Đề án về *“Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”*. Đề án được Thủ tướng Chính phủ ra quyết định số: 1956/QĐ-TTg phê duyệt. Đề án đã góp phần giải quyết việc làm, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho nông thôn và hoàn thành mục tiêu chương trình quốc gia xây dựng nông thôn mới. Mục tiêu đến năm 2020 sẽ dạy nghề cho gần 17 triệu lao động nông thôn nhằm mở ra nhiều cơ hội việc làm và tạo thu nhập cho lao động nông thôn, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động và cơ cấu kinh tế, phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH nông thôn.

Luận văn Thạc sỹ *“Đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang”* của tác giả Phạm Thị Tuyền thực hiện năm 2015. Đề tài đã hệ thống hóa cơ sở lý luận về lao động nông thôn và đào tạo nghề cho lao động nông thôn, các hình thức đào tạo nghề, nội dung của công tác đào tạo nghề, trình bày thực trạng công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Hiệp Hòa và đề xuất các giải pháp. Tuy vậy, trong đề tài này tác giả chưa đề cập tới các chủ thể tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện Hiệp Hòa tỉnh Bắc Giang.

Luận văn thạc sỹ *“Đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Phúc Thọ thành phố Hà Nội”* của tác giả Nguyễn Khắc Hải thực hiện năm 2016.

Đề tài đã hệ thống hóa cơ sở lý luận về đào tạo nghề cho lao động nông thôn, các hình thức đào tạo nghề, nội dung của công tác đào tạo nghề, trình bày thực trạng công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Phúc Thọ và đề xuất các giải pháp. Tuy vậy, nội dung công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn trong đề tài trình bày còn sơ sài, đề tài chưa chỉ ra các chủ thể tham gia công tác đào tạo nghề. Số liệu sơ cấp trình bày trong luận văn còn sơ sài, mờ nhạt.

Như vậy, nghiên cứu về đào tạo nghề cho lao động nông thôn ở nước ta là một vấn đề không mới nhưng chưa bao giờ mất đi tính thời sự của nó. Thật vậy, đối với huyện Thạch Thất, cho tới nay, chưa có đề tài nào nghiên cứu về đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Thạch Thất nên đề tài của tác giả đảm bảo tính mới về đối tượng và không gian nghiên cứu.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

#### ***3.1. Mục đích nghiên cứu***

Trên cơ sở tìm hiểu thực trạng đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Thạch Thất thành phố Hà Nội thời gian qua, đề tài đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện đến năm 2020.

#### ***3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu***

Để đạt được mục đích nghiên cứu trên đây, đề tài cần giải quyết một số nhiệm vụ sau:

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận về đào tạo nghề cho lao động nông thôn;
- Nghiên cứu thực trạng đào tạo nghề cho lao động nông thôn ở huyện Thạch Thất thời gian qua;
- Phân tích, đánh giá chỉ ra những thành tựu, hạn chế gặp phải;
- Đề xuất giải pháp đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến năm 2020.



## **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

### **4.1. Đối tượng nghiên cứu**

- Đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.

### **4.2. Phạm vi nghiên cứu**

- Về không gian nghiên cứu: đề tài được thực hiện nghiên cứu trên địa bàn huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.

- Về thời gian nghiên cứu: đề tài thực hiện nghiên cứu trong giai đoạn từ năm 2014 đến năm 2018 và đề xuất giải pháp đến năm 2020.

- Về nội dung nghiên cứu: Đề tài nghiên cứu hoạt động đào tạo nghề ngắn hạn cho lao động nông thôn (bao gồm đào tạo nghề nông nghiệp và nghề phi nông nghiệp) theo Đề án 1956 được triển khai trên địa bàn huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.

## **5. Phương pháp nghiên cứu**

### **5.1. Nguồn số liệu**

#### **5.1.1. Thông tin thứ cấp:**

Vấn đề lý luận được đúc rút từ các tài liệu chuyên ngành trong và ngoài nước, các văn bản pháp luật của Nhà nước Việt Nam.

Ngoài ra, luận văn sử dụng nguồn dữ liệu thu thập từ các tài liệu, thông tin nội bộ từ các bộ phận, phòng ban chuyên môn của UBND huyện Thạch Thất thành phố Hà Nội như: Phòng Lao động – TBXH, Chi cục Thống kê huyện, Phòng Kinh tế, Phòng Tài chính – Kế hoạch..v.v.trong giai đoạn từ năm 2014 đến năm 2018.

#### **5.1.2. Thông tin sơ cấp**

Để có thông tin khách quan trong quá trình phân tích, đánh giá thực trạng đào tạo nghề, tác giả đã tiến hành khảo sát thông qua phiếu điều tra với

nhóm đối tượng là người lao động đã tham gia đào tạo nghề và các doanh nghiệp có sử dụng lao động tham gia đào tạo nghề. Cụ thể như sau:

+ Về phía người lao động tham gia học nghề:

Đối tượng tham gia khảo sát: người lao động đã hoàn thành khóa đào tạo nghề ngắn hạn ở hai nhóm nghề đào tạo: nghề nông nghiệp và nghề phi nông nghiệp.

Cách thức khảo sát: Khảo sát theo cách thức chọn mẫu cụm phân tầng. Cụ thể, khảo sát 120 người ở 6 xã (Cần Kiệm, Canh Nậu, Dị Nậu, Bình Phú, Hữu Bằng, Yên Trung), mỗi xã 20 người. Trong đó, số người tham gia học nghề nông nghiệp là 40 người; số người tham gia học nghề phi nông nghiệp là 80 người. Khảo sát bằng phiếu điều tra trực tiếp.

Kết quả: Tổng số phiếu khảo sát là 120 người, trong đó: số phiếu phát ra 120; số phiếu thu về 120; số phiếu hợp lệ 112; số phiếu không hợp lệ 8.

+ Về phía các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất có sử dụng lao động sau học nghề: Mục đích của việc thực hiện khảo sát đối với các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất có sử dụng lao động sau học nghề nhằm đánh giá mức độ sử dụng kiến thức được đào tạo vào trong công việc.

Đối tượng khảo sát: Công ty Cổ phần thời trang phát triển cao, Xưởng may của bà Nguyễn Thị Loan, Xưởng may của ông Nguyễn Khắc Chúc, Công ty TNHH Đức Trọng, Công ty TNHH Xây dựng và phát triển thương mại Phú Vinh.

Cách thức khảo sát: Khảo sát trực tiếp tại doanh nghiệp, cơ sở sản xuất.

## ***5.2. Phương pháp phân tích số liệu***

Trên cơ sở tổng hợp số liệu thứ cấp và sơ cấp đã thu thập được trong quá trình thực hiện khảo sát, tác giả tiến hành phân tích, đối chiếu kết quả đào tạo nghề cho LĐNT huyện Thạch Thất qua các năm, từ đó tìm ra nguyên nhân

và hạn chế đang gặp phải nhằm tìm ra phương hướng và giải pháp khắc phục.

Đề tài sử dụng phương pháp nghiên cứu như:

- Phương pháp thống kê số liệu: Tổng hợp số liệu đã có sẵn của huyện Thạch Thất cũng như trên các trang mạng, website, các phòng ban liên quan đến đào tạo nghề cho LĐNT trên địa bàn huyện.

- Phương pháp so sánh: sử dụng so sánh để đối chiếu kết quả đào tạo nghề cho LĐNT giữa các kỳ và các năm hoạt động của huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội.

### ***5.3. Phương pháp xử lý số liệu***

- Từ các số liệu sơ cấp và thứ cấp đã thu thập được, tác giả đưa vào bảng excel tính toán các số liệu tuyệt đối và tương đối để so sánh, đối chiếu từ đó đưa ra các phân tích, đánh giá về kết quả của đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

### ***5.4. Phương pháp phỏng vấn sâu***

Để tìm hiểu những khó khăn, vướng mắc trong đào tạo nghề cho LĐNT huyện Thạch Thất thời gian qua, tác giả đã tiến hành phỏng vấn sâu đối với cán bộ Phòng LĐTBXH – đơn vị phụ trách đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Cụ thể:

- Phỏng vấn ông Nguyễn Hoàng Anh, Trưởng phòng LĐTBXH huyện Thạch Thất.

- Phỏng vấn ông Nguyễn Quyết Thắng, Phó Trưởng phòng LĐTBXH huyện Thạch Thất.

- Phỏng vấn bà Nguyễn Thị Tuyết, cán bộ giám sát đào tạo nghề ở cấp huyện.

- Phỏng vấn 5 ông/bà: Kiều Thị Xuyên, Nguyễn Thị Cẩm, Nguyễn Thị Tịnh, Nguyễn Khắc Bình, Nguyễn Thị Bích Ngọc, Nguyễn Văn Lịch là cán

bộ giám sát đào tạo nghề ở các xã Cần Kiệm, Canh Nậu, Dị Nậu, Bình Phú, Hữu Bằng, Yên Trung.

## **6. Những đóng góp mới của luận văn**

- Về mặt lý luận: Thực hiện đề tài "*Đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội*" tác giả đã hệ thống hóa cơ sở lý luận về đào tạo nghề cho lao động nông thôn, đặc điểm của lao động nông thôn, nội dung của công tác đào tạo nghề.

- Về mặt thực tiễn:

+ Thứ nhất, đề tài mô tả khách quan thực trạng nội dung công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Thạch Thất giai đoạn 2014 – 2018.

+ Thứ hai, đánh giá những ưu điểm, hạn chế còn tồn tại trong công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Thạch Thất.

+ Thứ ba, đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển đào tạo nghề cho LĐNT trong thời gian tới.

## **7. Kết cấu của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, phần kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn được chia làm 3 chương, cụ thể:

*Chương 1: Cơ sở lý luận về đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn cấp huyện*

*Chương 2: Thực trạng đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội*

*Chương 3: Giải pháp phát triển đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Thạch Thất*

# CHƯƠNG 1

## CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN TRÊN ĐỊA BÀN CẤP HUYỆN

### 1.1. Một số khái niệm có liên quan tới vấn đề nghiên cứu

#### \* Khái niệm Lao động

Trước khi đi vào tìm hiểu khái niệm “Lao động nông thôn” chúng ta cùng làm rõ nội hàm của khái niệm “Lao động”. Trên thực tế, khái niệm “Lao động” có thể được định nghĩa theo nhiều cách khác nhau tùy vào từng cách thức tiếp cận.

Theo Từ điển Hán Việt: “*lao động là hoạt động có mục đích của con người nhằm cải biến tự nhiên và làm cho của cải trong tự nhiên thích hợp với sự thỏa mãn nhu cầu của mình về vật chất và tinh thần*”. [5, tr.394]. Như vậy, theo nghĩa này, lao động được hiểu là một hoạt động và là hoạt động có mục đích của con người tác động vào tự nhiên nhằm cải biến tự nhiên để phục vụ nhu cầu của con người.

Tiếp cận lao động là một hoạt động của con người được đặt trong mối quan hệ giữa con người và thế giới vật chất, trong bộ Tư Bản, C.Mác viết: “*lao động trước hết là một quá trình diễn ra giữa con người và tự nhiên, một quá trình trong đó bằng hoạt động của chính con người làm trung gian, điều tiết và kiểm tra sự trao đổi chất giữa họ và tự nhiên*”. [1, tr.230-321]

Tiếp cận lao động dưới góc độ coi lao động là nguồn gốc của mọi của cải trong thế giới tự nhiên, Ph. Ăngghen cho rằng: “*lao động là nguồn gốc của mọi của cải. Lao động đúng là như vậy, khi đi đôi với giới tự nhiên là cung cấp những vật liệu cho lao động đem biến thành của cải. Nhưng lao động còn là một cái gì vô cùng lớn lao hơn thế nữa, lao động là điều kiện cơ bản đầu tiên của toàn bộ đời sống loài người, và như thế đến một mức mà trên một ý*

*nghĩa nào đó, chúng ta phải nói: Lao động đã sáng tạo ra bản thân loài người”*. [1, tr.641]

Có thể thấy, mặc dù được tiếp cận dưới nhiều góc độ khác nhau song các khái niệm trên đều đề cập tới một điểm chung đó là lao động là một dạng hoạt động đặc biệt, có mục đích của con người nhằm tác động vào thế giới tự nhiên, cải biến thế giới tự nhiên nhằm phục vụ con người.

Theo nghĩa danh từ, lao động còn được hiểu là người lao động. Theo quy định tại Điều 3, Bộ Luật Lao động 2012 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam: *“Người lao động là người từ đủ 15 tuổi trở lên, có khả năng lao động, làm việc theo hợp đồng lao động, được trả lương và chịu sự quản lý, điều hành của người sử dụng lao động”*. [22]

Như vậy, theo quy định trên, người lao động có những đặc điểm sau đây:

- Đủ 15 tuổi trở lên
- Có khả năng lao động, đang làm việc trong nền kinh tế quốc dân hoặc chưa sẵn sàng tham gia thị trường lao động.

Trong đề tài này, tác giả sử dụng khái niệm “Lao động” theo nghĩa là một danh từ - người lao động theo quy định của Bộ luật Lao động trên đây.

#### **\* Khái niệm Lao động nông thôn**

Theo Nguyễn Tiệp: *“lao động nông thôn là một bộ phận của nguồn nhân lực quốc gia, bao gồm toàn bộ những người có khả năng lao động (lao động đang làm việc trong nền kinh tế quốc dân và những người có khả năng tham gia lao động nhưng chưa tham gia lao động) thuộc khu vực nông thôn (khu vực địa lý bao trùm toàn bộ dân số nông thôn”*. [9, tr.31]

#### **\* Khái niệm Đào tạo**

Về mặt ngữ nghĩa, theo Từ điển Tiếng Việt, đào tạo được hiểu là: *“làm cho trở thành người có năng lực theo những tiêu chuẩn nhất định”*. [7, tr.279]

Theo Lê Thanh Hà trong giáo trình Quản trị nhân lực, tập 2 thì “*đào tạo là hoạt động học tập nhằm giúp cho người lao động tiếp thu và rèn luyện các kỹ năng cần thiết để thực hiện có hiệu quả các chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình.*” [4, tr.61]

Như vậy có thể hiểu đào tạo trước hết là hoạt động học tập của con người nhằm lĩnh hội và rèn luyện các kỹ năng cần thiết để thực hiện tốt công việc.

### **\* Khái niệm Nghề**

Cho tới nay chưa có một khái niệm thống nhất về Nghề. Ở mỗi quốc gia lại có quan niệm khác nhau về nghề.

Ở Nga, nghề được hiểu là một loại hoạt động đòi hỏi sự đào tạo nhất định.

Ở Pháp, nghề được định nghĩa là một loại lao động có thói quen về kỹ năng, kỹ xảo để từ đó con người có thể tìm được phương tiện sống.

Ở Anh, nghề được hiểu là một công việc chuyên môn đòi hỏi sự đào tạo trong khoa học hoặc nghệ thuật.

Ở nước ta, theo Từ điển Tiếng Việt, nghề được hiểu là: “*giỏi, thành thạo trong một việc làm nào đó*”. [7, tr 654].

Như vậy, mặc dù được định nghĩa theo nhiều cách khác nhau song các quan niệm trên đều có những điểm chung:

- Nghề là một lĩnh vực hoạt động lao động mà trong đó, nhờ được đào tạo, con người có được những tri thức, những kỹ năng để làm ra các loại sản phẩm vật chất hay tinh thần nào đó, đáp ứng được những nhu cầu của xã hội.

- Nghề thường được hiểu là một việc làm có tính ổn định, đem lại thu nhập để duy trì và phát triển cuộc sống cho mỗi người.

- Nghề không đơn giản chỉ để kiếm sống mà còn là con đường để thể hiện và khẳng định giá trị của bản thân.

### **\* Khái niệm Đào tạo nghề**

- Theo Trần Xuân Cầu “Đào tạo nghề là quá trình trang bị kiến thức, kỹ năng, khả năng thuộc về một nghề, một chuyên môn nhất định để người lao động thực hiện có hiệu quả chức năng, nhiệm vụ của mình”. [2, tr 103].

- Theo quy định tại Khoản 2, Điều 3, Luật Giáo dục nghề nghiệp 2014: “Đào tạo nghề nghiệp là hoạt động dạy và học nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp cần thiết cho người học để có thể tìm được việc làm hoặc tự tạo việc làm sau khi hoàn thành khóa học hoặc để nâng cao trình độ nghề nghiệp”.

Như vậy, có thể thấy, đào tạo nghề mặc dù không trực tiếp tạo ra việc làm nhưng là điều kiện gián tiếp giúp người lao động tìm hoặc tự tạo việc làm cho bản thân. Đào tạo nghề bao gồm hai quá trình, dạy nghề và học nghề, chúng quan hệ mật thiết với nhau và có các đặc trưng sau:

+ Dạy nghề là quá trình giáo viên truyền bá những kiến thức về lý thuyết và thực hành để các học viên có được một trình độ, kỹ năng, kỹ xảo, sự khéo léo, thành thực nhất định về nghề nghiệp.

+ Học nghề là quá trình tiếp thu những kiến thức về lý thuyết và thực hành của người lao động để đạt được một trình độ nghề nghiệp nhất định.

### **1.2. Đặc điểm lao động nông thôn**

- Thứ nhất, lao động khu vực nông thôn nước ta dồi dào nhưng tỷ lệ lao động qua đào tạo còn thấp.

Việt Nam là nước có quy mô dân số lớn, tháp dân số tương đối trẻ và bắt đầu bước vào thời kỳ “cơ cấu dân số vàng” với nguồn nhân lực dồi dào nhất từ trước đến nay. Tính đến hết năm 2017, dân số nước ta đạt 96,02 triệu người, trong đó nữ chiếm khoảng 48,94%. Gia tăng dân số trong những năm qua kéo theo gia tăng về lực lượng lao động. Nhìn chung, mỗi năm Việt Nam có khoảng gần 1 triệu người bước vào độ tuổi lao động, đây là một lợi thế



cạnh tranh quan trọng của Việt Nam trong việc thu hút đầu tư nước ngoài góp phần phát triển kinh tế - xã hội.

Cơ cấu lực lượng lao động phân theo 2 khu vực thành thị và nông thôn cũng có sự chênh lệch lớn. Nhìn chung, lực lượng lao động ở nước ta chủ yếu tập trung ở khu vực nông thôn, chiếm khoảng gần 70%. Con số này có xu hướng giảm qua các năm nhưng vẫn ở mức cao. Cả nước hiện có khoảng 17 triệu thanh niên nông thôn có độ tuổi từ 15-30, chiếm 70% số thanh niên và 60% lao động nông thôn. Tuy nhiên, 80% trong số này chưa qua đào tạo chuyên môn. Đặc điểm này là trở ngại lớn cho lao động nông thôn trong tìm kiếm việc làm.

*- Thứ hai, thể lực cũng như tính kỷ luật và tác phong công nghiệp của lao động khu vực nông thôn nước ta chưa cao.*

Tình trạng thể lực của lao động Việt Nam nói chung và lao động ở khu vực nông thôn nói riêng ở mức trung bình kém cả về chiều cao, cân nặng cũng như sức bền, sự dẻo dai, chưa đáp ứng được cường độ làm việc và những yêu cầu trong sử dụng máy móc thiết bị theo tiêu chuẩn quốc tế. Phần lớn lao động xuất thân từ nông thôn, nông nghiệp, mang nặng tác phong sản xuất của một nền nông nghiệp tiểu nông, tùy tiện về giờ giấc và hành vi. Người lao động chưa được trang bị các kiến thức và kỹ năng làm việc theo nhóm, không có khả năng hợp tác và gánh chịu rủi ro, ngại phát huy sáng kiến và chia sẻ kinh nghiệm làm việc.

*- Thứ ba, lao động khu vực nông thôn đa dạng về lứa tuổi và được tận dụng một cách triệt để:* Có thể nói, ở khu vực nông thôn lực lượng lao động khá đa dạng về lứa tuổi và được tận dụng một cách triệt để do tính chất công việc canh tác nông nghiệp của khu vực này. Không chỉ có những người trong độ tuổi lao động mà cả những người dưới và trên độ tuổi lao động cũng tham

gia lao động như làm công việc nhà, chăn trâu, cắt cỏ và phụ giúp công việc phụ trong gia đình.

*- Thứ tư, việc làm của lao động nông thôn mang tính chất thời vụ, không thường xuyên.*

Hiện nay, ở khu vực nông thôn nước ta, phương thức sản xuất nông nghiệp vẫn là chủ yếu. Tính thời vụ là đặc trưng của nền sản xuất nông nghiệp do quá trình sản xuất theo mùa vụ và phụ thuộc vào diễn biến của thời tiết. Chính tính chất thời vụ này đã gây nên tình trạng thiếu việc làm cho lao động nông thôn. Theo báo cáo điều tra lao động – việc làm quý 2 năm 2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, nếu dựa theo số giờ làm việc, cả nước đã có hơn 743,8 nghìn lao động thiếu việc làm. Trong đó, có 84,4 % lao động thiếu việc làm hiện sinh sống ở khu vực nông thôn. Tỷ lệ sử dụng thời gian lao động có xu hướng tăng lên trong thời gian quan. Trong 8 vùng lãnh thổ có 3 vùng đạt tỷ lệ trên 80%, 3 vùng đạt từ 78% đến 80%, 3 vùng dưới 78%, song tỷ lệ này còn thấp (gần 21% thời gian chưa được sử dụng).

### **1.3. Thực trạng thực hiện các nội dung đào tạo nghề cho lao động nông thôn ở cấp huyện**

#### ***1.3.1. Vai trò của các chủ thể tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn ở cấp huyện***

Những chủ thể tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn ở cấp huyện bao gồm:

- Cơ quan quản lý nhà nước về đào tạo nghề: UBND cấp huyện và các phòng ban chuyên môn thuộc ủy ban, UBND các xã, thị trấn.

UBND cấp huyện là đơn vị chính chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về đào tạo nghề ở cấp huyện. Vai trò của UBND cấp huyện trong đào tạo nghề cho LĐNT như sau:

+ Thành lập Ban chỉ đạo về đào tạo nghề cho lao động nông thôn ở cấp huyện.

+ Thành lập tổ chỉ đạo về đào tạo nghề cho lao động nông thôn ở cấp xã.

+ Hàng năm, giao cho phòng LĐTBXH tiến hành khảo sát nhu cầu và lập kế hoạch đào tạo nghề cho LĐNT.

+ Hàng năm căn cứ vào chỉ đạo của Ban chỉ đạo và nhu cầu đăng ký cần đào tạo nghề cho lao động nông thôn của địa phương (cấp xã), Phòng lao động – Thương binh và Xã hội phối hợp với phòng nông nghiệp nông thôn (hoặc phòng kinh tế) các huyện, thị xã và thành phố tổng hợp và lập danh sách về nghề, số lượng lao động cần đào tạo, dự kiến kinh phí cần đào tạo và phương án giải quyết việc làm sau đào tạo, hiệu quả học nghề...

- Các cơ sở đào tạo nghề, các doanh nghiệp: các cơ sở dạy nghề, các đơn vị doanh nghiệp, các sở, ngành, hợp tác xã xã đăng ký tham gia dạy nghề cần đảm bảo về hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ dạy nghề, xây dựng chương trình đào tạo, đổi mới nội dung chương trình đào tạo theo yêu cầu của nhà nước và bắt nhịp với yêu cầu của thị trường, đảm bảo có sự liên kết chặt chẽ trong đào tạo để nâng cao hiệu quả sau đào tạo.

- Bản thân người tham gia học nghề vừa là chủ thể đồng thời là đối tượng của hoạt động đào tạo nghề.

+ Người lao động tham gia học nghề cần xác định nhu cầu học nghề của bản thân phù hợp với nhu cầu của xã hội.

+ Người học nghề có trách nhiệm hoàn thành chương trình đào tạo.

+ Chủ động tham gia tìm việc làm sau đào tạo để nâng cao chất lượng cuộc sống.

### ***1.3.2. Nội dung của công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn ở cấp huyện***

#### ***1.3.2.1. Xác định nhu cầu học nghề của lao động nông thôn ở cấp huyện***

Trước khi xác định nhu cầu học nghề của người lao động, chính quyền địa phương cần thực hiện hoạt động tuyên truyền, tư vấn học nghề. Đây là hoạt động cần thiết nhằm nâng cao nhận thức của toàn xã hội nói chung và của lao động nông thôn nói riêng về vai trò của đào tạo nghề đối với việc tạo việc làm, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nông thôn.

Để thực hiện hoạt động tuyên truyền, hàng năm, UBND các cấp xây dựng kế hoạch, quy hoạch hoặc chương trình hành động cụ thể về công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn, các tổ chức xã hội, các hội nghề nghiệp tăng cường tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về đào tạo nghề cho lao động nông thôn; tư vấn học nghề, việc làm miễn phí và vận động các thành viên của mình tham gia học nghề.

Bên cạnh đó, cần thực hiện việc tuyên truyền chủ trương, chính sách của Nhà nước về đào tạo nghề thông qua các phương tiện thông tin đại chúng. Trên cơ sở thực hiện tuyên truyền, chính quyền địa phương xác định nhu cầu học nghề của người lao động.

Xác định nhu cầu đào tạo cho lao động nông thôn là việc làm vô cùng cần thiết. Bởi lẽ, nhu cầu đào tạo nghề là mong muốn được tham gia, được hiểu biết và thực hành về một hay một số nghề phù hợp với điều kiện của mỗi người lao động đó. Nó là cơ sở quan trọng để hệ thống cơ sở đào tạo, chuẩn bị các điều kiện đào tạo nghề như: xây dựng hệ thống cơ sở đào tạo, chuẩn bị các điều kiện vật chất, đội ngũ quản lý và giáo viên đào tạo nghề. Nhu cầu đào tạo cũng có thể được tính toán từ việc xem xét điều kiện vật chất và con người có thể huy động cho đào tạo nghề với nhu cầu từ sự phát triển kinh tế - xã hội. Việc xem xét mối quan hệ giữa nhu cầu xã hội và khả năng về các

điều kiện có thể huy động là quy trình hợp lý nhất để xác định nhu cầu đào tạo nghề tại một quốc gia, một vùng, một địa phương trong thời gian nhất định.

Xác định nhu cầu đào tạo nghề của mỗi địa phương, cần xác định nhu cầu của các bên liên quan:

Từ phía người lao động hay người có nhu cầu học nghề: khi tiến hành đào tạo nghề cần xem xét tời đối tượng của hoạt động đào tạo nghề - những người học nghề với nhu cầu thực sự của họ và các điều kiện của chính họ để có thể tham gia vào quá trình đào tạo nghề, xác định khoảng trống giữa kiến thức, kỹ năng cần có khi tham gia lao động và những kiến thức, kỹ năng mà người học hiện có.

Từ phía người sử dụng lao động: sự phát triển kinh tế của địa phương, lĩnh vực, ngành nghề hoạt động của các doanh nghiệp và chiến lược phát triển kinh doanh là yếu tố quan trọng quyết định đến việc sử dụng lao động trong các doanh nghiệp. Đối với những doanh nghiệp hoạt động trong những ngành công nghiệp nhẹ, dệt may, da giày, chế biến lương thực thực phẩm,... thì yêu cầu về trình độ lao động không cao, vì vậy lao động đã qua đào tạo nghề sẽ đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp. Đối với những địa phương kinh tế chưa phát triển, chậm phát triển hay kinh tế xác hội còn nhiều khó khăn thì lao động địa phương chủ yếu là lao động chưa qua đào tạo hoặc đã qua đào tạo nhưng tay nghề chưa cao. Nhu cầu sử dụng lao động qua đào tạo nghề của doanh nghiệp là một nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến nhu cầu học nghề của người lao động và sự phát triển của đào tạo nghề tại địa phương.

Việc xác định nhu cầu đào tạo nghề cần tiến hành theo quy trình:

- Xác định yêu cầu về số lượng, chất lượng và cơ cấu nguồn nhân lực, cả cơ cấu ngành nghề và cơ cấu trình độ.

- Phân tích, đánh giá đúng đắn nguồn lao động hiện có của địa phương, so sánh với yêu cầu về nhân lực, để từ đó xác định nhu cầu, lập kế hoạch bổ sung, đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực cho người lao động của địa phương.

#### *1.3.2.2. Lập kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn ở cấp huyện*

Ở cấp huyện, hàng năm UBND huyện giao cho phòng LĐTBXH huyện lập kế hoạch cho hoạt động đào tạo nghề và giải quyết việc làm. Trong bản lập kế hoạch về đào tạo nghề nói chung và đào tạo nghề cho lao động nông thôn cần xác định được mục tiêu của hoạt động đào tạo nghề, đối tượng đào tạo, chính sách học nghề, ngành nghề đào tạo, quy mô chương trình đào tạo, thời gian đào tạo, địa điểm đào tạo, kinh phí đào tạo và nhiệm vụ của các bên có liên quan trong công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Những chủ thể tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn bao gồm:

- Cơ quan quản lý nhà nước về đào tạo nghề: UBND cấp huyện và các phòng ban chuyên môn thuộc ủy ban, UBND các xã, thị trấn.
- Các cơ sở đào tạo nghề (cơ sở đào tạo tập trung, các doanh nghiệp)
- Bản thân người tham gia học nghề vừa là chủ thể đồng thời là đối tượng của hoạt động đào tạo nghề.

#### *1.3.2.3. Tổ chức thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn ở cấp huyện*

Tổ chức thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn ở cấp huyện là việc bố trí sắp xếp việc thực hiện các công việc trong phần lập kế hoạch theo thời gian và không gian thực hiện và bằng những nguồn tài nguyên đầu vào, nhằm đạt mục đích kế hoạch đã đề ra.

#### **a) Lựa chọn đối tượng, ngành nghề đào tạo**

##### ***- Lựa chọn đối tượng đào tạo***

Lựa chọn đối tượng đào tạo là một bước quan trọng. Thông qua nghiên cứu động cơ, nhu cầu và khả năng của người được đào tạo mà chính quyền

địa phương có thể biết được quá trình đào tạo có thể có tác dụng như thế nào đối với người lao động. Qua đó, có thể lựa chọn những lao động phù hợp với mục tiêu của địa phương và bản thân người lao động.

Lựa chọn đối tượng đào tạo nghề là lựa chọn người cụ thể để đào tạo, dựa trên nghiên cứu về xác định nhu cầu và động cơ đào tạo của người lao động. Việc xác định đối tượng tham gia đào tạo có vai trò quan trọng giúp đem lại kết quả cao cho khóa học và quan trọng hơn là nó sẽ phát huy hiệu quả cao nhất cho công việc chung của tổ chức. Việc xác định đối tượng đào tạo và bồi dưỡng cần căn cứ vào một số cơ sở sau:

- Phải xuất phát từ yêu cầu công việc mà đối tượng đó đang hoặc sẽ đảm nhiệm trong tương lai.
- Đối tượng tham gia đào tạo phải có đủ tình độ, kinh nghiệm, kỹ năng cần thiết phù hợp với tính chất và nội dung của khóa học để đảm bảo kết quả.
- Phải xem xét nguyện vọng cá nhân của người học vì đây là động lực quan trọng để học viên thu được kết quả cao trong học tập.
- Phải dựa vào những điều kiện của bản thân địa phương và người lao động như nguồn kinh phí, bố trí sắp xếp thời gian học tập, chính sách sử dụng sau đào tạo. Tránh trường hợp đào tạo tràn lan hay cử đi đào tạo trong khi nhu cầu công việc không thực sự cần thiết hoặc không sử dụng một cách thỏa đáng.

#### ***- Lựa chọn ngành nghề đào tạo***

Nước ta đang bước vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Quá trình này được thực hiện đồng bộ trên mọi mặt đời sống kinh tế xã hội như: hệ thống cơ sở hạ tầng được đầu tư xây dựng, quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng tăng dần tỷ trọng ngành công nghiệp – xây dựng, dịch vụ - thương mại và giảm dần tỷ trọng trong ngành nông – lâm nghiệp do đó cầu về lao động làm việc trong các lĩnh vực phi nông nghiệp tăng lên. Quỹ đất nông

ng nghiệp giảm nhường chỗ cho xây dựng các khu cụm công nghiệp đã làm một lượng lao động nông nghiệp không có hoặc thiếu việc làm. Do đó, một bộ phận của lượng lao động nông nghiệp trước đây buộc phải chuyển sang các nghề khác để ổn định cuộc sống.

Để đáp ứng yêu cầu của tình hình mới, Đề án 1956 về đào tạo nghề cho lao động nông thôn quy định hai nhóm ngành nghề đào tạo cho lao động nông thôn là: Đào tạo nghề nông nghiệp và Đào tạo nghề phi nông nghiệp.

- Đào tạo nghề nông nghiệp: là đào tạo gắn với các chương trình chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, các vùng sản xuất hàng hoá nông sản tập trung như: trồng rau hữu cơ, rau an toàn; trồng lúa chất lượng cao; chăn nuôi gia cầm..v..v. Đào tạo nghề nông nghiệp với mục đích đào tạo để trở thành những nông dân làm nông nghiệp hiện đại.

- Đào tạo nghề phi nông nghiệp: là đào tạo gắn với các chương trình phát triển các nghề và làng nghề, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp...với những nghề như: may công nghiệp; điện dân dụng; hàn; mây tre giang đan..vv. Đào tạo nghề phi nông nghiệp phục vụ cho các đối tượng nông dân chuyển đổi nghề nghiệp.

### ***b) Xây dựng nội dung, chương trình đào tạo nghề***

Chương trình đào tạo là một hệ thống các môn học và bài học được dạy, cho thấy những kiến thức nào, kỹ năng nào cần được dạy và dạy trong bao lâu. Trên cơ sở đó lựa chọn phương pháp đào tạo phù hợp. Do đó, chương trình đào tạo đóng vai trò quan trọng đối với hiệu quả đào tạo. Mỗi một nghề đào tạo có một chương trình đào tạo riêng, không có chương trình đào tạo chung cho mọi nghề đào tạo. Để xây dựng được chương trình đào tạo hiệu quả, các địa phương cần lập kế hoạch phát triển nguồn nhân lực của địa phương mình, xây dựng chiến lược phát triển kinh tế xã hội dài hạn của



địa phương đồng thời xác định ngành nghề phù hợp với tình hình đặc điểm của địa phương và trình độ dân trí.

***c) Lựa chọn hình thức đào tạo nghề***

Hình thức đào tạo nghề là tổng hợp cách thức thực hiện phương pháp đào tạo nghề. Đào tạo nghề cho người lao động ở mỗi địa phương khác nhau có những đặc điểm riêng. Vì vậy phương thức đào tạo cũng phải đa dạng, phong phú, tùy theo đối tượng, nhu cầu và điều kiện cụ thể để có hình thức đào tạo phù hợp. Hiện nay, có một số hình thức đào tạo được sử dụng nhiều đó là:

***- Đào tạo tại trung tâm dạy nghề***

Hầu hết các huyện, thị xã hiện nay đều có những trung tâm dạy nghề riêng và đang được quan tâm đầu tư kỹ lưỡng. Hình thức đào tạo nghề tại các trung tâm này thường có thời gian dài và thường từ ba tháng trở lên.

Hình thức đào tạo này có ưu điểm là đào tạo được một số lượng người lao động lớn; Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho quá trình giảng dạy thuận tiện, đầy đủ; Có điều kiện hơn trong việc thực hành. Tuy vậy, hình thức này có nhược điểm là việc di chuyển đi lại của các học viên gặp nhiều khó khăn, chi phí đi lại, ăn ở lớn; Kinh phí đầu tư cho các trang thiết bị cao.

***- Đào tạo tại cơ sở, khu dân cư***

Đây là hình thức đào tạo mà các địa phương đang sử dụng đào tạo nghề cho người lao động thường xuyên nhất. Giáo viên từ các trung tâm nghề sẽ trực tiếp xuống thôn, bản giảng dạy lý thuyết và các kỹ năng cho học viên, hướng dẫn học viên từng mô hình cụ thể, từng cách làm đem lại hiệu quả kinh tế cao nhất. Hình thức đào tạo này là phổ biến nhất trong công tác đào tạo nghề cho người lao động của các địa phương. Tuy nhiên để hình thức này thực sự phát huy hiệu quả thì cần nâng cao nhận thức cho người lao động.

Người dạy cần phải thật sự tập trung và truyền đạt kiến thức chậm rãi, tỉ mỉ và dễ hiểu. Có như thế, người lao động mới có thể tiếp thu một cách tốt nhất.

Hình thức đào tạo này có ưu điểm là áp dụng lý thuyết và thực hành dễ dàng hơn; Tiết kiệm được chi phí, thuận tiện cho việc đi lại của học viên; Thu hút được lượng học viên tham gia đông đảo hơn. Nhược điểm của hình thức này: Thiếu thốn về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác đào tạo nghề; Việc tiếp thu kiến thức không được trọn vẹn, vì đây thường là đào tạo ngắn hạn.

***- Đào tạo tại các trường chính quy***

Tổ chức đào tạo tại các trường nghề cần phải có bộ máy quản lý, đội ngũ giáo viên chuyên trách và cơ sở vật chất riêng cho đào tạo. Để nâng cao chất lượng của công tác đào tạo nghề, các trường phải đảm bảo các điều kiện sau:

+ Phải có kế hoạch, chương trình và giáo trình đào tạo đúng, đủ và phù hợp với ngành nghề đào tạo.

+ Phải có đội ngũ cán bộ quản lý có chuyên môn, nghiệp vụ, quan tâm và có trách nhiệm trong công việc đặc biệt là trong công tác đào tạo nghề.

+ Phải có đội ngũ giáo viên dạy nghề có đủ khả năng kinh nghiệm, chuyên môn, giảng dạy.

+ Các trang bị máy móc, thiết bị phục vụ cho giảng dạy và học tập, các phòng thí nghiệm phải được đầu tư đầy đủ và hiện đại.

Hình thức đào tạo này có ưu điểm là: Học viên được đào tạo một cách có hệ thống và bài bản; Tạo điều kiện cho việc phát triển tay nghề cao và có kiến thức chuyên sâu vững chắc hơn. Nhược điểm của hình thức này: Phải có bộ máy quản lý và đội ngũ giáo viên giảng dạy chuyên nghiệp nên chi phí đào tạo khá lớn; Việc đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học cần nhiều kinh phí.

**- Đào tạo tại nơi làm việc**

Đây là hình thức đào tạo trực tiếp cho người lao động tại nơi làm việc của họ. Có thể là đào tạo cho cá nhân hoặc cho một nhóm công nhân lao động. Với việc đào tạo cho cá nhân, thì học viên học nghề được một công nhân có trình độ lành nghề cao hướng dẫn. Người hướng dẫn vừa sản xuất, vừa dạy nghề theo kế hoạch. Với việc đào tạo cho một nhóm người lao động, thì học viên học nghề được tổ chức thành từng tổ và phân công cho những công nhân dạy nghề, thoát ly sản xuất, chuyên trách hướng dẫn. Những công nhân dạy nghề phải có trình độ văn hoá, trình độ nghề nghiệp và có phương pháp sư phạm nhất định.

Hình thức đào tạo này có ưu điểm là tiết kiệm chi phí đào tạo cho tổ chức; Học viên dễ dàng hơn trong việc thực hành; Thời gian đào tạo ngắn. Nhược điểm của hình thức này: Học viên không nắm được kiến thức từ thấp đến cao, học thiếu hệ thống khoa học; Nếu người dạy nghề không có trách nhiệm, thiếu kinh nghiệm, thì việc đào tạo này không có hiệu quả. Do đó kết quả học tập còn hạn chế.

**- Đào tạo theo đơn đặt hàng của các doanh nghiệp:**

- Đối với những doanh nghiệp không có giáo viên chuyên trách về các ngành nghề phức tạp, cũng có thể là các ngành nghề riêng của doanh nghiệp, việc đào tạo trong sản xuất không đáp ứng được yêu cầu cả về số lượng lẫn chất lượng. Do đó, các doanh nghiệp phải tổ chức các lớp đào tạo riêng cho mình. Hình thức đào tạo này không đòi hỏi phải có đầy đủ cơ sở vật chất kỹ thuật riêng, mà dựa vào những gì có sẵn trong doanh nghiệp.

- Ưu điểm của hình thức này: Học viên được học lý thuyết tương đối có hệ thống và được trực tiếp tham gia lao động sản xuất. Tạo điều kiện phát triển và nâng cao tay nghề nhanh chóng; Thời gian đào tạo dài, số lượng đào tạo tương đối lớn nên có khả năng giải quyết nhu cầu cấp bách về công nhân

kỹ thuật, lao động có trình độ mà các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh cần.

- Nhược điểm của hình thức này: Chỉ áp dụng được ở những doanh nghiệp quy mô tương đối lớn và chỉ đào tạo cho các doanh nghiệp cùng ngành có tính chất giống nhau.

***d) Lựa chọn cơ sở, giáo viên dạy nghề tham gia dạy nghề***

***- Lựa chọn cơ sở dạy nghề:***

Đối với địa phương, để công tác đào tạo nghề có hiệu quả thì mỗi địa phương phải lựa chọn các cơ sở dạy nghề đủ điều kiện tham gia dạy như: có đủ điều kiện về giáo viên, chương trình, giáo trình, cơ sở vật chất và thiết bị dạy nghề tốt.

Đối với người học nghề: việc lựa chọn cơ sở dạy nghề có điều kiện dạy nghề tốt là điều hết sức quan trọng, nó quyết định đến trình độ tay nghề hay khả năng tìm việc làm mới cho người học.

***- Lựa chọn đội ngũ giáo viên đào tạo nghề***

Giáo viên dạy nghề đóng vai trò quan trọng trong hoạt động đào tạo nghề. Là người truyền tải kiến thức và tiếp lửa cho người học nghề thêm yêu nghề và quyết tâm thực hành nghề nghiệp trong tương lai. Do đó, giáo viên dạy nghề cần là những người giỏi về chuyên môn, vững vàng về kinh nghiệm thực tế và có phương pháp giảng dạy phù hợp với từng đối tượng tham gia học nghề. Đội ngũ giáo viên dạy nghề có thể là các giảng viên, giáo viên đang công tác tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp nghề phù hợp, các nhà khoa học, chuyên gia, cán bộ kỹ thuật có trình độ chuyên môn sâu, các nghệ nhân ở các làng nghề..vv.

***e) Kinh phí đào tạo nghề cho lao động nông thôn ở cấp huyện***

Kinh phí đào tạo nghề chiếm vị trí quan trọng trong hoạt động đào tạo nghề. Là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo, chất lượng của giáo viên, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động giảng dạy.

Thực hiện đề án 1956 về đào tạo nghề cho lao động nông thôn các địa phương tự cân đối được ngân sách phải đảm bảo kinh phí từ ngân sách địa phương để thực hiện chính sách hỗ trợ lao động nông thôn học nghề.

Ngân sách trung ương đảm bảo kinh phí để thực hiện chính sách hỗ trợ lao động nông thôn học nghề cho các địa phương chưa tự cân đối ngân sách và thực hiện các chính sách, giải pháp và hoạt động còn lại của Đề án. Kinh phí của giai đoạn 2011 - 2020 được bố trí riêng trong Chương trình mục tiêu quốc gia giáo dục đào tạo giai đoạn 2011 - 2015 và 2016 - 2020.

Ngoài ra, huy động thêm nguồn lực của các tổ chức quốc tế, các cơ sở dạy nghề, doanh nghiệp, cá nhân và cộng đồng để bổ sung cho việc thực hiện Đề án (các doanh nghiệp được trừ để tính thu nhập chịu thuế theo quy định của pháp luật đối với các khoản chi phí, hỗ trợ của doanh nghiệp cho dạy nghề)

#### *1.3.2.4.Đánh giá kết quả đào tạo và chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn ở cấp huyện*

Hiệu quả là một trong yếu tố chính quyết định sự thành công của hoạt động đào tạo nghề. Việc đánh giá này nhằm tìm hiểu chương trình đào tạo có hoàn thành mục tiêu đề ra hay không. Nó chủ yếu xác định kết quả đào tạo: lượng kiến thức, kỹ năng học viên đạt được và khả năng ứng dụng kiến thức, kỹ năng đó vào quá trình làm việc sau khi được đào tạo. Việc đánh giá hiệu quả đào tạo nghề được tiến hành dựa vào các tiêu chí sau:

- Tỷ lệ lao động có việc làm đúng nghề học
- Tỷ lệ lao động tự tạo được việc làm sau đào tạo

- Số lượng lao động chuyển đổi nghề sao đòa tạo nghề
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đợc doanh nghiệp tuyển dụng
- Mức độ hài lòng của lao động đối với khóa học: Khi kết thúc khóa học, thông qua phát phiếu thăm dò, cơ sở đào tạo lấy ý kiến của người lao động về nội dung chương trình đào tạo, cơ sở vật chất, trang thiết bị, giáo viên, mức độ ứng dụng vào công việc họ sẽ làm.
- Mức độ phù hợp của ngành nghề đào tạo với mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của địa phương; khảo sát, điều tra người lao động sau khi tham gia khóa học có tìm đợc việc làm phù hợp không.
- Sự thay đổi thu nhập của người lao động sau khi đợc đào tạo: đây là tiêu chí rất quan trọng để đánh giá hiệu quả đào tạo nghề. Mục tiêu chính của đào tạo nghề là giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập của người lao động.
- Mức độ liên kết của các trường dạy nghề với các doanh nghiệp hay số lượng người lao động có việc làm sau đào tạo: các cơ sở đào tạo cần quan tâm đến nhu cầu của xã hội, của doanh nghiệp và của người lao động. Doanh nghiệp cũng cần liên kết với các trường trong việc xây dựng chương trình đào tạo để người học sau khi tốt nghiệp đủ kiến thức kỹ năng đáp ứng yêu cầu công việc. Như vậy sẽ tránh đợc tình trạng lãng phí thời gian, tiền bạc của người lao động, của các cơ sở đào tạo nghề của Nhà nước.
- Đánh giá từ phía cơ quan quản lý lĩnh vực đào tạo nghề của địa phương.

#### **1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến đào tạo nghề cho lao động nông thôn**

##### **1.4.1. Yếu tố vĩ mô**

- *Quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa và chuyển dịch cơ cấu kinh tế:*  
 Trong những năm gần đây, nền kinh tế nước ta đã có sự phát triển và chuyển dịch mạnh mẽ theo hướng tăng dần tỷ trọng các ngành công nghiệp – xây dựng, du lịch và giảm dần tỷ trọng nông nghiệp cả về cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa. Quá trình công nghiệp hóa tạo ra hàng

trăm ngàn vị trí việc làm mới do đó cơ hội việc làm của người lao động có thể nói là vô cùng rộng lớn. Tuy vậy, trước tác động của cuộc cách mạng công nghiệp mới, việc đổi mới dây chuyền sản xuất nhằm nâng cao năng suất lao động là xu thế tất yếu của các doanh nghiệp. Do đó, đòi hỏi người lao động cần phải được đào tạo và bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng nghề để đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động.

- *Đường lối chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về đào tạo nghề*: Đào tạo nghề cho lao động nông thôn là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước, của các cấp, các ngành và xã hội nhằm nâng cao chất lượng lao động nông thôn, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Nhà nước tăng cường đầu tư để phát triển đào tạo nghề cho lao động nông thôn, có chính sách bảo đảm thực hiện công bằng xã hội về cơ hội học nghề đối với mọi lao động nông thôn, khuyến khích, huy động và tạo điều kiện để toàn xã hội tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Thực hiện đào tạo nghề, nhà nước ta chuyển mạnh đào tạo nghề cho lao động nông thôn từ đào tạo theo năng lực sẵn có của cơ sở đào tạo sang đào tạo theo nhu cầu học nghề của lao động nông thôn và yêu cầu của thị trường lao động; gắn đào tạo nghề với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, từng vùng, từng ngành, từng địa phương. Chủ trương, quan điểm về đào tạo nghề cho lao động nông thôn tạo bản lề vững chắc cho chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn nước ta.

- *Nguồn lực đầu tư và kinh phí đào tạo nghề*: Nguồn lực đầu tư và kinh phí đào tạo nghề có ảnh hưởng trực tiếp tới hiệu quả đào tạo nghề. Mặc dù đã được nhà nước quan tâm nhưng do kinh phí eo hẹp nên có thể nói hệ thống cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động đào tạo nghề chưa được đầu tư đúng mức.

- *Chiến lược phát triển kinh tế ở địa phương*: Chiến lược phát triển kinh tế ở địa phương là cơ sở để xác định nhu cầu đào tạo cho người lao động. Ở những địa phương khác nhau sẽ có nhu cầu đào tạo khác nhau.

#### **1.4.2. Yếu tố vi mô**

- Mạng lưới cơ sở dạy nghề cho lao động nông thôn: Có thể nói mạng lưới cơ sở dạy nghề cho lao động nông thôn hiện nay còn chưa được đầu tư đúng mức, ở nhiều địa phương, đặc biệt những nơi có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn người dân phải lặn lội cả trăm cây số để tới cơ sở đào tạo. Điều này tạo nên tâm lý ngại tham gia học nghề của người dân do tốn kém về thời gian đi lại và tiền bạc.

- Hệ thống cơ sở vật chất và trang thiết bị đào tạo nghề: Hệ thống cơ sở vật chất và trang thiết bị có ảnh hưởng tỷ lệ thuận với chất lượng đào tạo nghề. Do đó, hệ thống cơ sở vật chất tốt, hiện đại sẽ đáp ứng được nhu cầu đào tạo và ngược lại.

- Đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý dạy nghề: Hệ thống cơ sở vật chất đào tạo nghề và đội ngũ giáo viên có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Nếu có hệ thống cơ sở vật chất tốt mà thiếu đội ngũ giáo viên có trình độ và đội ngũ quản lý thiếu sự chuyên nghiệp thì hiệu quả đào tạo sẽ không cao. Do đó, để nâng cao chất lượng đào tạo cần có đội ngũ giáo viên có trình độ và đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý chuyên nghiệp.

- Chương trình, giáo trình liên quan đến đào tạo nghề: Học viên không thể tham gia đào tạo nếu thiếu hệ thống chương trình và giáo trình đào tạo. Với mỗi ngành nghề khác nhau cần có giáo trình đào tạo khác nhau. Giáo trình đào tạo cần được thiết kế khoa học và thông qua hội đồng thẩm định nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu đào tạo.

- Nhận thức của lao động nông thôn về đào tạo nghề: Mặc dù đào tạo nghề là chủ trương lớn của nhà nước nhằm nâng cao chất lượng



nguồn nhân lực nông thôn song không phải lao động nông thôn nào cũng biết được các chính sách về đào tạo nghề của nhà nước, do đó số lượng lao động đăng ký tham gia học nghề chưa nhiều. Bên cạnh đó, có một bộ phận không nhỏ những học viên tham gia học nghề chỉ để lấy kinh phí hỗ trợ học nghề của nhà nước. Do đó, các địa phương cần có kế hoạch và truyền thông hiệu quả để người dân nắm được mục đích chính sách đào tạo nghề.

- Khả năng tiếp nhận lao động sau khi đào tạo nghề của các doanh nghiệp: Một rào cản lớn đối với học viên sau khi tham gia đào tạo nghề đó là làm thế nào để có được việc làm và nâng cao thu nhập? Thực tế cho thấy sự liên kết hợp tác giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp là một giải pháp hữu hiệu giải quyết việc làm cho người lao động sau khi học nghề.

## **1.5. Kinh nghiệm đào tạo nghề cho lao động nông thôn ở một số địa phương**

### ***1.5.1. Kinh nghiệm đào tạo nghề ở huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội***

Xác định công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn là nhiệm vụ trọng tâm nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực góp phần thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững của huyện, thời gian qua công tác đào tạo nghề nói chung và đào tạo nghề cho LĐNT nói riêng trên địa bàn huyện Đan Phượng đã được các cấp ủy đảng, chính quyền, ban ngành, đoàn thể quan tâm, thường xuyên chỉ đạo thực hiện có hiệu quả, góp phần nâng cao thu nhập cho người lao động.

Theo số liệu thống kê năm 2018, số lao động đã qua đào tạo ở các xã, thị trấn là 102.884 người trong độ tuổi lao động, trong đó có 99.396 người có khả năng lao động, chiếm tỷ lệ 96,61%. Số lao động chưa qua đào tạo là 30.418 người, chiếm 29,59%. Trong năm, huyện đã tổ chức đào tạo nghề cho 2.321 lao động, đạt 116,05% kế hoạch. Các ngành nghề được đào tạo chủ yếu là: Trồng rau hữu cơ, trồng rau an toàn, trồng cây ăn quả, nghề chăn nuôi thú

y, điện dân dụng, may công nghiệp, nghề pha chế đồ uống. Nhìn chung, lao động sau khi được đào tạo nghề đều có việc làm, phát huy được nghề đã học vào thực tiễn. Lao động học nghề phi nông nghiệp được nâng cao tay nghề, tạo ra nhiều sản phẩm hơn; Lao động học nghề nông nghiệp phát huy được nghề đã học, xây dựng các mô hình trồng trọt chăn nuôi phát triển kinh tế gia đình, tăng thêm thu nhập cho gia đình và bản thân.

Trao đổi về hiệu quả của công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định 1956 của Chính phủ, Chủ tịch Hội Nông dân xã Thọ An Trần Văn Vui cho biết, những năm qua, các lớp đào tạo nghề đã giúp bà con nông dân nắm bắt được kiến thức, khoa học kỹ thuật trong việc chăm sóc cây trồng vật nuôi, đặc biệt là đối với các loại cây con giống mới. Nhờ đó, trên cùng một diện tích canh tác thu nhập của bà con cũng được tăng hơn, giúp kinh tế gia đình từng bước được nâng lên. Trong năm 2018, xã Thọ An đã tổ chức được 2 lớp đào tạo nghề trồng cây ăn quả. Nhiều hộ đã áp dụng kỹ thuật vào chăm sóc cây trồng cho hiệu quả kinh tế cao, trở thành những hộ sản xuất, kinh doanh giỏi...

Đặc biệt, hiện nay, nhiều hộ nông dân xã Thọ An đã chuyển từ cấy lúa sang trồng táo, đu đủ, bưởi Diễn với diện tích lớn cho thu nhập gấp 5 lần mà đầu tư đơn giản. Ngoài những hộ trồng cây ăn quả nhiều năm đầu ra đã có, còn lại chủ yếu được bán ở thị trường Hà Nội. Mô hình tạo dựng thương hiệu bưởi Thọ An là cụ thể hóa giải pháp của huyện Đan Phượng trong công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

Song song với việc tổ chức mở lớp, đào tạo nghề cho lao động, huyện Đan Phượng cũng tăng cường tuyên truyền về vay vốn tạo việc làm cho lao động đã học nghề, tổ chức hướng dẫn các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình xây dựng dự án vay vốn, giải quyết việc làm. Qua đó, giúp người lao động mở rộng sản xuất, áp dụng kiến thức, khoa học kỹ thuật đã được học để ổn định

kinh tế gia đình, nâng cao đời sống. Năm 2018, huyện đã giải quyết việc làm thêm, việc làm mới cho 4.135 lao động, đạt 187,95% kế hoạch, đóng góp tích cực vào việc thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững của huyện (Tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống còn 1,53%).

### ***1.5.2. Kinh nghiệm đào tạo nghề cho người lao động ở huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội***

Có thể nói, Gia Lâm là một trong số các huyện thị của thành phố Hà Nội được đánh giá là làm tốt công tác đào tạo nghề cho người lao động, đặc biệt là lao động nông thôn. Trong 3 năm, từ năm 2016 đến năm 2018, huyện đã thực hiện đào tạo nghề cho 20 124 lao động ở các cấp trình độ, trong đó lao động nông thôn là 15 678 người. Tỷ lệ lao động có việc làm sau đào tạo đạt mức trên 80%. Có được những kết quả trên đây, trong công tác đào tạo nghề, huyện Gia Lâm tập trung vào một số vấn đề sau:

Về công tác chỉ đạo: huyện luôn tập trung chỉ đạo, hướng dẫn các cấp ban ngành chủ động xây dựng kế hoạch, chỉ tiêu, chương trình cụ thể để hoàn thành nội dung, nhiệm vụ của công tác đào tạo nghề.

Về hình thức đào tạo nghề: Các hình thức đào tạo nghề được thực hiện đa dạng hóa, trong đó đẩy mạnh hình thức đào tạo thông qua các mô hình người thật, việc thật. Việc thực hiện đào tạo theo mô hình đã tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức của người lao động tham gia học nghề.

Về thời gian đào tạo: Việc triển khai tổ chức các hoạt động liên quan đến đào tạo nghề cũng được thực hiện linh hoạt, có thể tổ chức vào buổi tối hoặc ngày nghỉ để khuyến khích người dân theo học và tiết kiệm thời gian cho người dân.

Về xác định nhu cầu học nghề: Để hoạt động đào tạo nghề cho người lao động được hiệu quả, huyện thực hiện khảo sát nhu cầu học nghề của người lao động và nhu cầu sử dụng nhân lực của các doanh nghiệp trên địa

bàn, từ đó xác định ngành nghề đào tạo phù hợp với người lao động và phù hợp với nhu cầu của thị trường.

### ***1.5.3. Kinh nghiệm đào tạo nghề cho lao động nông thôn ở huyện Kỳ Sơn tỉnh Hòa Bình***

Kỳ Sơn là một huyện miền núi của tỉnh Hòa Bình. Được sự quan tâm, đầu tư của Nhà nước và chính quyền cấp tỉnh, hiện nay trên địa bàn huyện Kỳ Sơn có 2 khu công nghiệp, hơn 60 doanh nghiệp đang hoạt động với các lĩnh vực ngành nghề khác nhau tạo điều kiện thuận lợi cho đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động địa phương. Hiện số người trong độ tuổi lao động của huyện Kỳ Sơn là 21 567 người, trong đó, số người tham gia hoạt động kinh tế là 16 743 người.

Trước đây, công tác đào tạo nghề của huyện gặp nhiều khó khăn do người dân chưa nhận thức được tầm quan trọng của việc học nghề. Thế nhưng, từ khi triển khai thực hiện đề án 1956 về đào tạo nghề cho lao động nông thôn thì công tác đào tạo nghề đã thực sự phát huy hiệu quả, danh mục nghề đào tạo đa dạng, số người có nhu cầu học nghề ngày càng tăng lên.

Để xác định nhu cầu học nghề của người lao động, hàng năm, huyện tiến hành điều tra, khảo sát nhu cầu học nghề của người lao động, lập sổ theo dõi cung cầu lao động, thống kê đầy đủ thông tin và nhu cầu học nghề của từng gia đình và cầu lao động của các doanh nghiệp.

Về phương pháp đào tạo có sự đổi mới thông qua việc thí điểm triển khai mô hình đào tạo tại chỗ, gắn đào tạo với giải quyết việc làm, bao tiêu sản phẩm. Các mô hình dạy nghề “cầm tay chỉ việc” theo nhu cầu của người lao động được thực hiện hiệu quả, phù hợp với lao động ở nông thôn như nuôi mật ong, nuôi cá, chăn nuôi, trồng trọt. Tỷ lệ lao động sau khi học nghề đạt trên 70%.

#### ***1.5.4. Bài học kinh nghiệm rút ra đối với đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Thạch Thất***

- *Thứ nhất*, làm tốt công tác tuyên truyền để đảm bảo tất cả người dân hiểu được tầm quan trọng của chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

- *Thứ hai*, đào tạo nghề cho lao động nông thôn cần dựa trên nguồn tài nguyên có sẵn của địa phương, nhu cầu học nghề của người lao động, nhu cầu sử dụng nhân lực của các doanh nghiệp trên địa bàn.

- *Thứ ba*, đa dạng hóa việc xây dựng các mô hình đào tạo, phương thức đào tạo: có thể đào tạo tại chỗ hoặc đào tạo tại các cơ sở đào tạo thông qua phương pháp “cầm tay chỉ việc”.

- *Thứ tư*, đối với dạy nghề nông nghiệp cần có sự kết hợp giữa bốn nhà: nhà nông, nhà nước, nhà khoa học; doanh nghiệp trong đào tạo nghề để hình thành chuỗi cung ứng sản phẩm nông nghiệp, từ đó tạo thêm nhiều việc làm cho người lao động. Đào tạo nghề nông nghiệp hướng tới một nền nông nghiệp “sạch” trong tương lai.

- *Thứ năm*, tăng cường triển khai mô hình đào tạo liên kết giữa trung tâm đào tạo nghề với doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện để người lao động tìm được việc làm sau đào tạo.

## **CHƯƠNG 2**

### **THỰC TRẠNG ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN HUYỆN THẠCH THẮT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

#### **2.1. Khái quát về vị trí địa lý, điều kiện kinh tế xã hội huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội**

##### ***2.1.1. Vị trí địa lý huyện Thạch Thất***

Trước năm 2008, Thạch Thất là một trong 14 huyện, thị xã trực thuộc tỉnh Hà Tây. Từ ngày 1/1/2008 tỉnh Hà Tây chính thức sát nhập vào thủ đô Hà Nội. Hiện nay, Thạch Thất là một trong số 17 huyện trực thuộc thủ đô Hà Nội.

Về vị trí địa lý, huyện Thạch Thất nằm về phía tây, cách trung tâm Thủ đô Hà Nội 25km, phía bắc giáp huyện Phúc Thọ, phía nam giáp huyện Quốc Oai và huyện Lương Sơn tỉnh Hoà Bình; phía tây giáp huyện Ba Vì và thị xã Sơn Tây; phía đông giáp với huyện Phúc Thọ, Quốc Oai. Quốc lộ 21A, 32, đại lộ Thăng Long nối liền huyện Thạch Thất với thủ đô Hà Nội. Ngoài ra, các tuyến đường tỉnh lộ như 419, 420, 446, đường Hồ Chí Minh và dự án trục đường kinh tế Bắc - Nam đã bắt đầu được khởi công xây dựng và đi vào hoạt động. Vị trí địa lý thuận lợi đã tạo cơ hội thu hút vốn đầu tư, phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng, giao thương buôn bán giữa Thạch Thất với khu vực trung tâm thủ đô, các huyện, tỉnh lân cận.

##### ***2.1.2. Tình hình phát triển kinh tế, xã hội huyện Thạch Thất***

Hiện nay, cơ cấu kinh tế của huyện Thạch Thất có sự chuyển biến tích cực, giá trị công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp đạt 69,2%, thương mại - dịch vụ - du lịch đạt 22,3%, nông lâm - thủy sản đạt 8,5%. Thạch Thất đã đẩy mạnh đầu tư cơ sở hạ tầng, hoàn thiện các cụm, điểm công nghiệp; phát huy và phát triển các làng nghề truyền thống, quan tâm đào tạo nghề, xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu các sản phẩm làng nghề. Đến nay, huyện

có 2 khu công nghiệp, 7 cụm công nghiệp, 1.322 doanh nghiệp và 10.126 hộ sản xuất kinh doanh. Các làng nghề của Thạch Thất tập trung vào 2 ngành sản xuất chính là cơ kim khí và chế biến lâm sản, sản xuất đồ gỗ trang trí nội thất làm nhà cổ truyền.

Hoạt động thương mại, dịch vụ giữ vững ổn định, hệ thống thương mại, dịch vụ đã được quy hoạch, đầu tư nâng cấp đáp ứng nhu cầu trao đổi, mua bán hàng hóa phục vụ đời sống dân sinh.

Sản xuất nông nghiệp được tập trung chỉ đạo phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa hiệu quả, bền vững, trọng tâm là: quy hoạch hình thành các vùng sản xuất tập trung cây công nghiệp, lúa, cây ăn quả, rau, hoa chất lượng cao, nhằm phát huy lợi thế so sánh của địa phương; quan tâm đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển nông nghiệp; đẩy mạnh chuyển giao và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất. Vì vậy, sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện 4 năm qua đã có bước phát triển vượt bậc, năng suất, sản lượng cây trồng hàng năm đều tăng (năng suất lúa bình quân đạt 13,8 tạ/ha năm 2017. Toàn huyện có 52 trang trại chăn nuôi tập trung xa khu dân cư, 115 mô hình chuyển đổi sản xuất nông nghiệp. Nhiều mô hình đã mang lại hiệu quả kinh tế cao như mô hình trồng hoa Ly ở Đại Đồng, Yên Bình, thu nhập từ 2,5 - 2,8 tỷ đồng/năm, mô hình chăn nuôi lợn rừng ở Tiến Xuân cho thu nhập 15 tỷ đồng/năm, mô hình trồng lúa kết hợp chăn nuôi đạt từ 180 - 250 triệu đồng/năm.

## **2.2. Đặc điểm dân cư, nguồn lao động huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội**

Sau khi sáp nhập về Hà Nội, Thạch Thất là huyện tiếp nhận thêm 3 xã: Tiến Xuân, Yên Bình và Yên Trung (Lương Sơn, Hòa Bình). Đến nay, trên địa bàn huyện có 23 xã và thị trấn với tổng số 196 thôn. Khi được sáp nhập về Hà Nội và được mở rộng thêm về diện tích, đã đặt ra cho Thạch Thất thêm cơ hội phát triển nhưng kèm theo đó là những thách thức và khó khăn. Bài toán

đặt ra cho huyện là làm sao vận dụng được hết tiềm năng sẵn có của mình để phát triển, đồng thời phải tìm cách để kéo gần khoảng cách giữa 3 xã mới tiếp nhận và các xã còn lại trên địa bàn.

**Bảng 2.1: Quy mô dân số huyện Thạch Thất giai đoạn 2014 - 2018**

Năm	Dân số		DS trong tuổi lao động		DS dưới tuổi lao động		DS trên tuổi lao động	
	Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)
2014	201.050	100	118.748	59,1	52.474	26,1	29.928	14,8
2015	203.280	100	120.831	59,4	51.836	25,5	31.063	15,1
2016	205.408	100	122.375	59,5	51.762	25,2	31.271	15,3
2017	207.608	100	123.862	59,6	51.694	24,9	32.052	15,5
2018	209.774	100	126.913	60,5	50.555	24,1	32.306	15,4

(Nguồn: Phòng LĐTĐ huyện Thạch Thất)

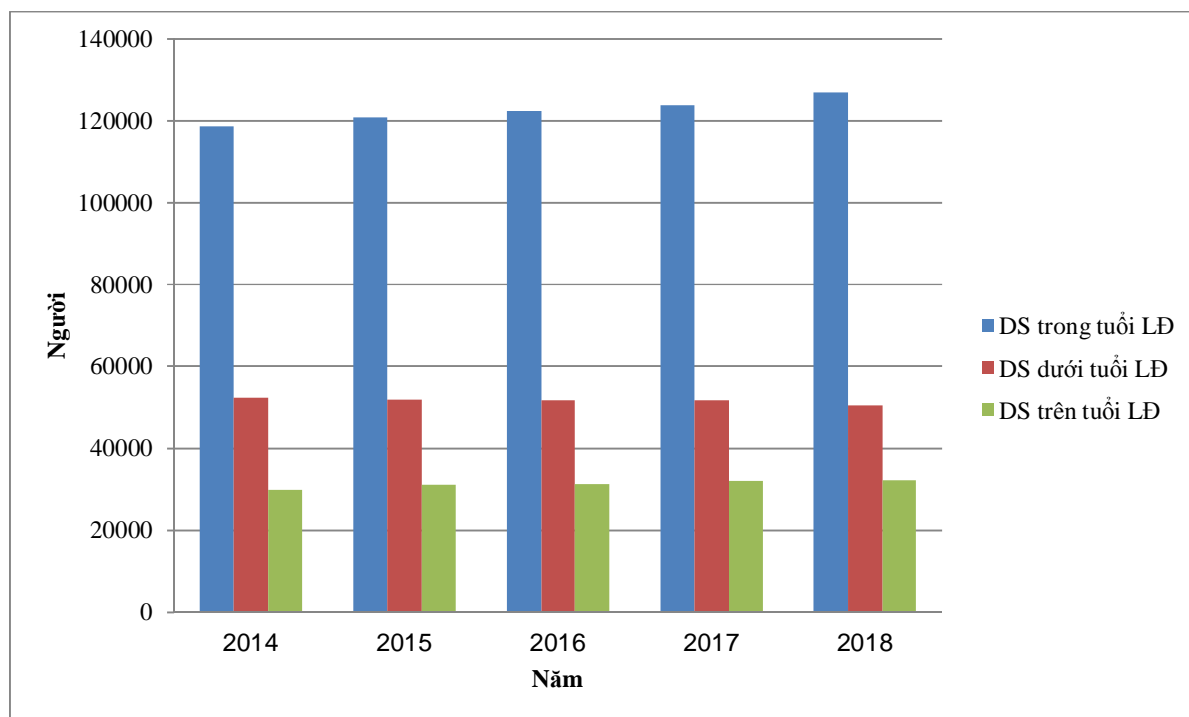
Nhìn vào bảng số liệu chúng ta có thể thấy, huyện Thạch Thất có nguồn lao động khá dồi dào và có xu hướng tăng dần qua các năm. Nếu như năm 2014, số người trong độ tuổi lao động chiếm 59,1% thì đến năm 2018 là 60,5%, bình quân mỗi năm có 2.173 người bước vào độ tuổi lao động.

Số người dưới tuổi lao động khoảng 1/3 dân số, đây là nguồn lao động tương lai. Tuy vậy, tỷ lệ này có xu hướng giảm dần, nếu như năm 2014 số người dưới độ tuổi lao động chiếm 26,1% dân số thì đến năm 2018 là 24,1%. Mặc dù quy mô dân số có tăng nhưng số người dưới độ tuổi lao động lại có xu hướng giảm dần là kết quả của việc thực hiện chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình ở nước ta trong những thập niên vừa qua. Về khách quan mà nói, việc thực hiện chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình một mặt nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nhưng mặt khác gây ra tình trạng thiếu nguồn lao động thay thế trong tương lai. Thật vậy, hiện nay, Việt Nam



nói chung và huyện Thạch Thất nói riêng đang bước vào thời kỳ già hóa dân số, điều đó có nghĩa là số người bước ra độ tuổi lao động ngày càng tăng trong khi số người bước vào độ tuổi lao động sẽ ngày càng giảm do số người dưới độ tuổi lao động ngày càng giảm.

Số người trên tuổi lao động tương đối nhỏ, chiếm 14% tổng số dân, song tỷ lệ này có xu hướng tăng dần qua các năm. Điều này đòi hỏi Hà Nội nói chung và huyện Thạch Thất nói riêng cần có kế hoạch sắp xếp, giải quyết việc làm phù hợp và thực hiện chính sách phúc lợi cho nhóm người cao tuổi trong thời gian tới.



**Biểu 2.1: Quy mô dân số huyện Thạch Thất giai đoạn 2014 – 2018**

(Nguồn: Phòng LĐTĐ huyện Thạch Thất)

### 2.3. Tình trạng việc làm của người lao động huyện Thạch Thất

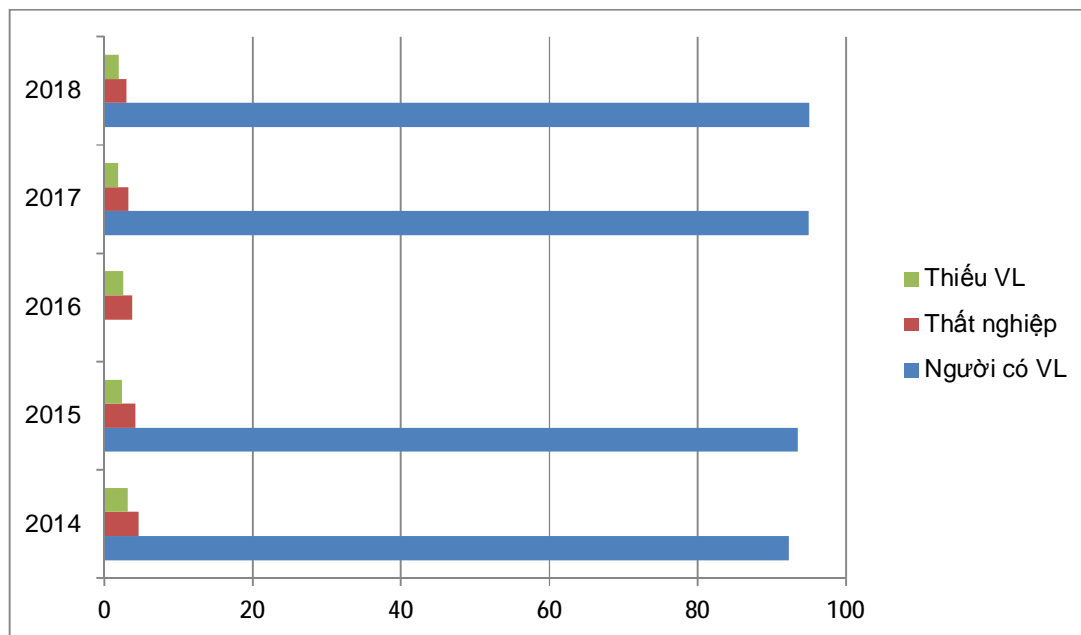
Theo số liệu điều tra về tình trạng việc làm của người lao động huyện Thạch Thất giai đoạn 2014 – 2018 ở Bảng 2.2 cho thấy, tỷ lệ người lao động có việc làm rất lớn, chiếm hơn 90% tổng số lượng lao động toàn huyện và có

xu hướng tăng dần qua các năm. Nếu như năm 2014, tỷ lệ người có việc làm là 92,3% thì năm 2018 là 95,1%. Trung bình mỗi năm tăng khoảng 0,5%. Tỷ lệ người có việc làm tăng, tỷ lệ thất nghiệp tuy còn lớn nhưng có xu hướng giảm dần, năm 2014 còn 4,6%, năm 2018 giảm còn 3,0%. Nhóm người lao động không có việc làm bao gồm một bộ phận học sinh, sinh viên đã tốt nghiệp nhưng chưa tìm kiếm được việc làm và nhóm người lao động bị thu hồi đất nông nghiệp ở khu vực nông thôn mà chưa chuyển đổi sang các ngành nghề phi nông nghiệp. Nguyên nhân chủ yếu của tình trạng thất nghiệp ở hai nhóm này là do người lao động thiếu kỹ năng nghề nghiệp để tìm kiếm và tự tạo việc làm. Tỷ lệ lao động thiếu việc làm giảm từ 3,1% năm 2014 xuống còn 1,9% năm 2018. Tình trạng thiếu việc làm chủ yếu diễn ra trong lĩnh vực nông lâm nghiệp và thủy sản do việc chuyển đổi đất canh tác nông nghiệp xây dựng các khu công nghiệp khiến nhiều hộ nông dân bị mất đất sản xuất. Ngoài ra, do đặc trưng sản xuất nông nghiệp là canh tác theo mùa vụ, thời gian nông nhàn lớn nên người lao động không sử dụng hết quỹ thời gian.

**Bảng 2.2: Tình trạng việc làm của người lao động huyện Thạch Thất giai đoạn 2014 – 2018**

Năm	Tổng số lực lượng lao động		Có việc làm		Thất nghiệp		Thiếu việc làm	
	Người	(%)	Người	(%)	Người	(%)	Người	(%)
2014	118.748	100	109.604	92,3	5.463	4,6	3.681	3,1
2015	120.831	100	112.976	93,5	5.075	4,2	2.779	2,3
2016	122.375	100	114.787	93,8	4.528	3,7	3.059	2,5
2017	123.862	100	117.668	95,0	3.964	3,2	2.229	1,8
2018	125.758	100	119.595	95,1	3.773	3,0	2.389	1,9

(Nguồn: Phòng LĐTBXH huyện Thạch Thất)



**Biểu 2.2: Tình hình việc làm, thất nghiệp và thiếu việc làm của người lao động huyện Thạch Thất giai đoạn 2014 – 2018**

(Nguồn: Phòng LĐTBXH huyện Thạch Thất)

**\* Tình trạng lao động thất nghiệp chia theo độ tuổi và giới tính**

Số lao động thất nghiệp hiện có xu hướng giảm dần, từ 5.463 người, chiếm tỷ lệ 4,6% (bảng 2.2) năm 2014 xuống còn 3.773 người, chiếm tỷ lệ 3% (bảng 2.2.) năm 2018. Theo giới tính, tỷ lệ thất nghiệp của nam giới từ năm 2014 đến năm 2018 có xu hướng giảm dần, từ 51,3% năm 2014 xuống còn 49,9% năm 2018. Trong khi đó, tỷ lệ thất nghiệp ở nữ giới lại có xu hướng tăng dần, từ 48,7% năm 2014 lên 50,1% năm 2018. Nguyên nhân của tình trạng này là do hiện nay các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hầu như không tuyển dụng lao động nữ trên 35 tuổi, chưa có cam kết sử dụng lao động nữ lâu dài do đó xảy ra tình trạng sa thải người lao động khi trên 35 tuổi. Do vậy, trong thời gian tới cần có sự

điều chỉnh về chính sách sử dụng lao động của các doanh nghiệp trên địa bàn huyện.

Xét theo độ tuổi, tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên từ 15 đến 24 tuổi cao hơn so với tỷ lệ thất nghiệp chung do lực lượng lao động thanh niên khi tham gia vào thị trường lao động thường có xu hướng chủ động tìm kiếm các việc làm phù hợp với năng lực và điều kiện riêng của mình hơn so với nhóm dân số khác. Theo quy chuẩn quốc tế, những người chưa có việc làm và đang tìm kiếm việc làm trong thời gian tham chiếu được coi là người thất nghiệp. Điều này khiến tỷ lệ thất nghiệp trong nhóm thanh niên cao hơn mức trung bình.

**Bảng 2.3: Lao động thất nghiệp chia theo độ tuổi và giới tính huyện Thạch Thất giai đoạn 2014 - 2018**

Năm	Tổng	Người thất nghiệp						
		Theo giới tính				Theo độ tuổi (%)		
		Nam (người)	%	Nữ (người)	%	15-24	25-35	35 – 60
2014	5.463	2.802	51,3	2.661	48,7	70,2	13,9	15,9
2015	5.075	2.593	51,1	2.482	48,9	70,4	13,5	16,1
2016	4.528	2.300	50,8	2.228	49,2	70,5	13,1	16,4
2017	3.964	2.009	50,7	1.955	49,3	70,6	12,2	17,2
2018	3.773	1.882	49,9	1.891	50,1	70,8	10,9	18,3

(Nguồn: Phòng LĐTBXH huyện Thạch Thất)

\* Lao động có việc làm theo ngành kinh tế huyện Thạch Thất

**Bảng 2.4: Lao động có việc làm chia theo ngành kinh tế  
huyện Thạch Thất giai đoạn 2014 – 2018**

Năm	Người có việc làm							
	Tổng số		Nông – Lâm nghiệp		Công nghiệp TTCN		Dịch vụ thương mại	
	Người	(%)	Người	(%)	Người	(%)	Người	(%)
2014	109.604	100	31.785	29,0	54.692	49,9	23.126	21,1
2015	112.976	100	30.503	27,0	58.069	51,4	24.402	21,6
2016	114.787	100	28.926	25,2	60.837	53,0	25.023	21,8
2017	117.668	100	27.534	23,4	64.246	54,6	25.886	22,0
2018	119.595	100	11.481	9,6	81.563	68,2	26.550	22,2

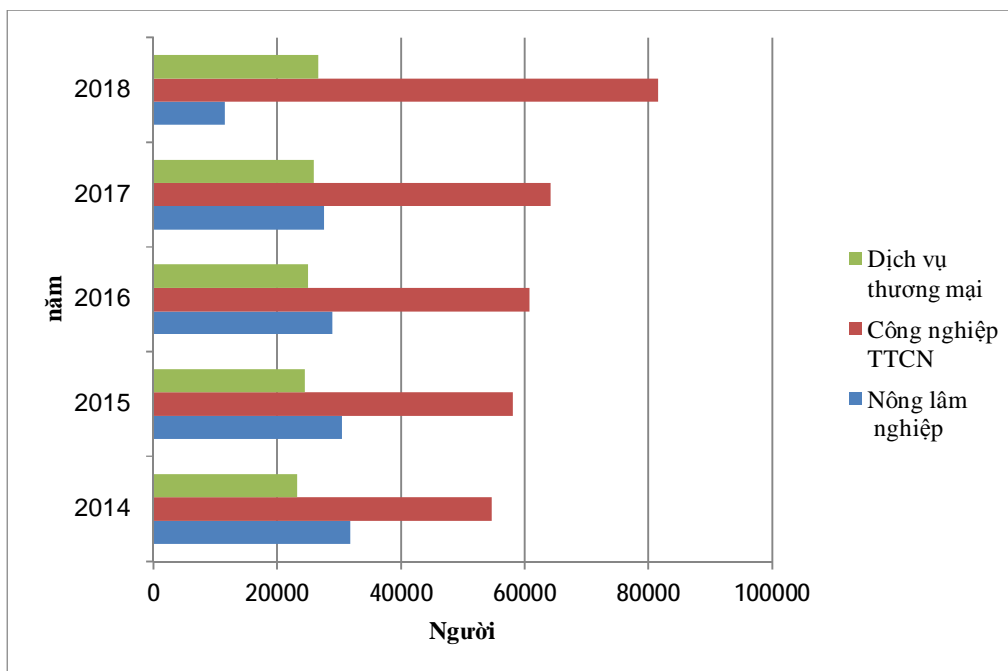
(Nguồn: Phòng LĐTBXH huyện Thạch Thất)

Nhìn vào bảng số liệu chúng ta có thể thấy, lực lượng lao động huyện Thạch Thất tập trung chủ yếu trong lĩnh vực công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp, tiếp theo là lĩnh vực nông lâm nghiệp và cuối cùng là nhóm ngành dịch vụ thương mại. Tuy nhiên, cùng với quá trình công nghiệp hóa, cơ cấu lao động trong các nhóm ngành đang có sự dịch chuyển theo hướng giảm dần tỷ trọng lao động trong nhóm ngành nông – lâm nghiệp, tăng dần tỷ trọng trong nhóm ngành Công nghiệp – Tiểu thủ công nghiệp và Dịch vụ thương mại.

Số lao động làm việc trong lĩnh vực Nông – lâm nghiệp giảm từ 29% năm 2014 xuống còn 9,6% năm 2018. Trung bình mỗi năm giảm hơn 2%. Điều này là dễ hiểu, do tác động của quá trình công nghiệp hóa, nhiều diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi phục vụ xây dựng các khu cụm công nghiệp. Do đó, nhiều hộ dân phải chuyển đổi từ làm nông nghiệp sang các ngành nghề phi nông nghiệp.

Lực lượng lao động làm việc trong lĩnh vực công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp cao nhất và tăng dần qua các năm, từ 49,9% năm 2014 lên 68,2% năm 2018, trung bình mỗi năm 2%. Số lao động làm việc trong lĩnh vực dịch vụ - thương mại cũng có xu hướng tăng dần, từ 21,1% năm 2014 lên 22,2% năm 2018.

Có thể nói, kể từ khi sáp nhập về Hà Nội bộ mặt kinh tế xã hội huyện Thạch Thất có nhiều khởi sắc. Trong lĩnh vực công nghiệp, xây dựng, trong 10 năm, từ 2008 đến 2018, Thạch Thất đã đầu tư 1.051 dự án với số vốn hơn 5.900 tỷ đồng. Riêng 3 xã: Yên Trung, Yên Bình, Tiến Xuân đã thực hiện các dự án với kinh phí 735 tỷ đồng. Trong lĩnh vực Dịch vụ - thương mại, với thế mạnh là một huyện có nhiều làng nghề truyền thống như nghề mộc, cơ khí, kim khí, chế biến lâm sản, huyện đã nhân rộng các mô hình làng nghề truyền thống này và phát triển thêm những nghề mới, đến nay, toàn huyện đã có 02 khu công nghiệp, có 10 làng nghề trên tổng số 50 làng nghề được công nhận là làng nghề truyền thống, có 1.322 doanh nghiệp và 10.126 hộ kinh doanh, sản xuất. Công nghiệp xây dựng và dịch vụ phát triển mạnh kéo theo số người hoạt động trong lĩnh vực này cũng ngày càng tăng lên.



**Biểu 2.4: Lao động có việc làm chia theo ngành kinh tế huyện**

**Thạch Thất giai đoạn 2014 – 2018**

(Nguồn: Phòng LĐTBXH huyện Thạch Thất)

#### **2.4. Chất lượng lao động huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội**

Huyện Thạch Thất không chỉ có nguồn lao động dồi dào mà số lượng lao động qua đào tạo cũng chiếm tỷ lệ tương đối lớn và tăng dần qua các năm. Nếu như năm 2014, tỷ lệ lao động qua đào tạo chiếm 51,3% thì đến năm 2018 tỷ lệ này là 61,9%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo chủ yếu tập trung trong nhóm học sinh, sinh viên mới tốt nghiệp các trường đại học, cao đẳng và trung cấp. Về chất lượng đào tạo, nhóm lao động này mặc dù được trang bị kiến thức lý thuyết nhưng hạn chế về tay nghề do chưa được thực hành nhiều trong thực tiễn, do đó, khi tuyển dụng, phần lớn, các doanh nghiệp đều phải thực hiện đào tạo lại để đáp ứng yêu cầu công việc. Nhóm lao động qua đào tạo nghề có tay nghề cao còn chiếm tỷ lệ khiêm tốn.

Về cơ cấu đào tạo theo các cấp trình độ đào tạo còn bất hợp lý, không thực sự phù hợp với trình độ phát triển kinh tế, xã hội. Theo thống kê hiện

nay, trong số lực lượng lao động có bằng cấp, chứng chỉ thì hơn 50% là có bằng cấp từ cao đẳng và đại học trở lên, trong khi số có chứng chỉ nghề trình độ trung cấp chỉ chiếm 5,42% và chứng chỉ nghề ngắn hạn chỉ chiếm 5,6% tổng lực lượng lao động.

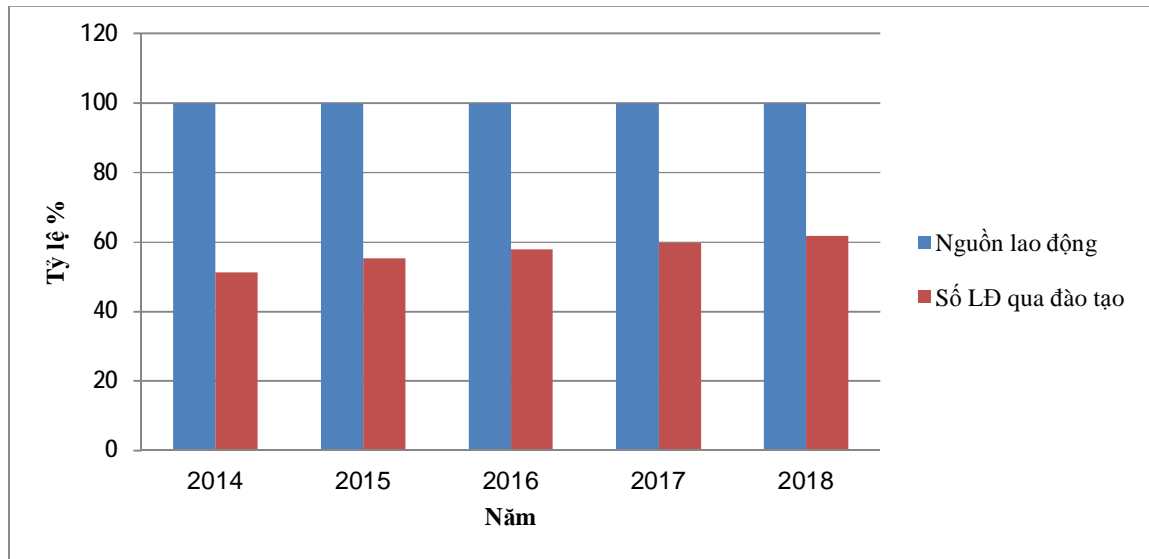
**Bảng 2.5: Lao động qua đào tạo huyện Thạch Thất  
giai đoạn 2014 – 2018**

Năm	Tổng số dân	Nguồn lao động		Số lao động qua đào tạo	
		Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
2014	201.050	118.748	100	60.917	51,3
2015	203.280	120.831	100	66.819	55,3
2016	205.408	122.375	100	70.855	57,9
2017	207.608	123.862	100	73.945	59,7
2018	209.774	126.913	100	78.497	61,9

(Nguồn: Phòng LĐTBXH huyện Thạch Thất)

Trước tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, lực lượng lao động Việt Nam nói chung và lao động huyện Thạch Thất nói riêng sẽ phải đối mặt với nhiều thách thức, trong đó có tình trạng mất việc làm do sự xuất hiện của các dây chuyền sản xuất tự động và robot. Thực tế, sự tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 không chỉ đe dọa tới việc làm của những lao động trình độ thấp mà ngay cả lao động có kỹ năng bậc trung cũng sẽ bị ảnh hưởng nếu họ không trang bị các kiến thức mới, kỹ năng sáng tạo cho nền kinh tế trong điều kiện mới.





**Biểu 2.5: Lao động qua đào tạo huyện Thạch Thất  
giai đoạn 2014 – 2018**

(Nguồn: Phòng LĐTBXH huyện Thạch Thất)

**Kết luận:** Qua sự trình bày điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế xã hội trên đây có thể thấy Thạch Thất có một số điều kiện thuận lợi như sau:

- Là huyện có vị trí địa lý tương đối thuận lợi trong giao thương kinh tế. Từ năm 2008 Thạch Thất sáp nhập về Hà Nội do đó càng có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa, đặc biệt là việc đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng, thu hút vốn đầu tư.

- Là địa phương có nhiều làng nghề truyền thống, nguồn lao động dồi dào, số người trong độ tuổi lao động chiếm xấp xỉ 60% tổng quy mô dân số.

- Tỷ trọng cơ cấu các ngành kinh tế và cơ cấu lao động chuyển dịch theo chiều hướng tích cực, phù hợp với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Bên cạnh những điều kiện thuận lợi, hiện nay, Thạch Thất cũng đang gặp phải một số khó khăn. Mặc dù là một trong các quận huyện của Hà Nội, song, Thạch Thất cơ bản vẫn là một huyện nông nghiệp với hơn 70% dân số sinh sống ở khu vực nông thôn, trong khi đó, diện tích đất canh tác ngày càng

bị thu hẹp do tác động của quá trình công nghiệp hóa. Nguồn lao động dồi dào, tỷ lệ lao động qua đào tạo cao trên 50% lực lượng lao động, song, cơ cấu tỷ lệ lao động qua đào tạo còn bất hợp lý, tỷ lệ lao động có trình độ đại học, cao đẳng cao trong khi tỷ lệ lao động có trình độ nghề thấp dẫn tới tình trạng thừa thầy thiếu thợ, đặc biệt thiếu lao động lành nghề và công nhân kỹ thuật.

Sự bất cập trong đào tạo cộng với tình trạng dư thừa lao động trong nông nghiệp đã dẫn tới tình trạng thất nghiệp nói chung và thất nghiệp ở khu vực nông thôn ngày càng có xu hướng gia tăng. Theo số liệu thống kê cho thấy, tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực nông thôn là 1,7% và tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực đô thị là 1,2%. Để giúp người lao động có thể tìm được việc làm cũng như nâng cao hiệu quả trong lao động thì việc triển khai thực hiện đề án 1956 về đào tạo nghề cho lao động nông thôn của nhà nước trên địa bàn huyện Thạch Thất là rất cần thiết.

## **2.5. Thực trạng thực hiện các nội dung đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Thạch Thất**

### ***2.5.1. Vai trò của các chủ thể trong thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Thạch Thất***

Trong những năm qua, những chủ thể tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn của huyện Thạch Thất bao gồm:

- Cơ quan quản lý nhà nước về đào tạo nghề: UBND huyện Thạch Thất và các phòng ban chuyên môn thuộc UBND huyện (phòng LĐTBXH, phòng kinh tế, phòng kế hoạch tài chính, đài truyền thanh huyện Thạch Thất), UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện. Vai trò của các cơ quan này được quy định như sau:

+ UBND cấp huyện là đơn vị chính chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về đào tạo nghề cho lao động nông thôn ở cấp huyện.

+ UBND huyện thành lập Ban chỉ đạo về đào tạo nghề cho lao động nông thôn ở cấp huyện. Thành lập tổ chỉ đạo về đào tạo nghề cho lao động nông thôn ở cấp xã.

+ Hàng năm, UBND huyện Thạch Thất giao cho phòng LĐTBXH kết hợp với các phòng ban chuyên môn tiến hành khảo sát nhu cầu và lập kế hoạch đào tạo nghề cho LĐNT.

+ Hàng năm căn cứ vào chỉ đạo của Ban chỉ đạo và nhu cầu đăng ký cần đào tạo nghề cho lao động nông thôn của địa phương (cấp xã), Phòng lao động – Thương binh và Xã hội phối hợp với phòng nông nghiệp nông thôn (hoặc phòng kinh tế) các huyện, thị xã và thành phố tổng hợp và lập danh sách về nghề, số lượng lao động cần đào tạo, dự kiến kinh phí cần đào tạo và phương án giải quyết việc làm sau đào tạo, hiệu quả học nghề...

- Các cơ sở đào tạo nghề, các doanh nghiệp trên địa bàn huyện có vai trò như sau:

+ Đăng ký tham gia dạy nghề cần đảm bảo về hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ dạy nghề.

+ Xây dựng chương trình đào tạo, đổi mới nội dung chương trình đào tạo theo yêu cầu của nhà nước và bắt nhịp với yêu cầu của thị trường.

+ Đảm bảo có sự liên kết chặt chẽ trong đào tạo để nâng cao hiệu quả sau đào tạo.

- Bản thân người tham gia học nghề vừa là chủ thể đồng thời là đối tượng của hoạt động đào tạo nghề.

+ Người lao động tham gia học nghề cần xác định nhu cầu học nghề của bản thân phù hợp với nhu cầu của xã hội.

+ Người học nghề có trách nhiệm hoàn thành chương trình đào tạo.

+ Chủ động tham gia tìm việc làm sau đào tạo để nâng cao chất lượng cuộc sống.

## ***2.5.2. Nội dung công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Thạch Thất***

### ***2.5.2.1. Xác định nhu cầu học nghề của lao động nông thôn huyện Thạch Thất***

Tuyên truyền, phổ biến về nội dung của đề án đào tạo nghề với người lao động nói chung và lao động nông thôn huyện Thạch Thất nói riêng là bước đầu tiên và rất quan trọng trong thực hiện đề án đào tạo nghề. Bởi lẽ, khi biết được nội dung của chính sách đào tạo nghề, vai trò và tầm quan trọng của đào tạo nghề NLD sẽ chủ động đăng ký tham gia học nghề. Do đó, việc thực hiện khảo sát nhu cầu học nghề của lao động nông thôn ở bước tiếp theo của đề án sẽ hiệu quả.

Để thực hiện hoạt động tuyên truyền, hàng năm Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Thạch Thất giao cho phòng Văn hóa Thông tin, Đài phát thanh huyện tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phát sóng, kết hợp lồng ghép tuyên truyền tại các hội nghị của các ban ngành đoàn thể. Ngoài ra, phòng Văn hóa Thông tin huyện còn phối hợp với các trung tâm dạy nghề, các trường dạy nghề, các đơn vị có chức năng dạy nghề trực tiếp về các xã, thị trấn tổ chức tuyên truyền mục đích, ý nghĩa chính sách của đề án, tuyển sinh lao động có nhu cầu học nghề theo đơn hàng của các đơn vị dạy nghề. Kết quả điều tra bằng bảng hỏi đối với 112 người lao động tham gia học nghề cho thấy, có tới 66/112 người, chiếm 58,9% biết được thông tin về đề án 1956 đào tạo nghề cho lao động nông thôn thông qua đài tuyên truyền địa phương, hội nghị của các ban ngành đoàn thể tại UBND xã, thị trấn; 32/112 người, chiếm 28,5% biết thông tin thông qua trang web của UBND huyện.

Trong bối cảnh còn nhiều bất cập trong cơ cấu và chương trình đào tạo như hiện nay thì việc xác định nhu cầu đào tạo nghề cho người lao động là rất

quan trọng. Bởi lẽ, khi xác định được nhu cầu đào tạo nghề từ phía người lao động không chỉ giúp nhà nước có kế hoạch xây dựng và điều chỉnh chương trình đào tạo phù hợp mà còn giúp cho các địa phương xây dựng chiến lược phát triển kinh tế xã hội phù hợp theo từng giai đoạn. Do đó, để hoạt động đào tạo nghề hiệu quả, vào tháng 9 hàng năm, UBND huyện Thạch Thất giao cho Phòng Lao động Thương binh và xã hội (LĐTBXH) phối hợp với Trung tâm dạy nghề, UBND các xã, thị trấn phát phiếu khảo sát nhu cầu học nghề đến từng hộ gia đình, trong đó, xác định rõ nghề người lao động có nhu cầu học, hình thức đào tạo để làm căn cứ định hướng đào tạo nghề cho năm sau.

Bên cạnh việc khảo sát nhu cầu đào tạo của người lao động, từ tháng 4 đến tháng 6 hàng năm, Phòng LĐTBXH chủ trì, phối hợp với Phòng Kinh tế, Ban bồi thường giải phóng mặt bằng, Ban quản lý dự án, Trung tâm phát triển cụm công nghiệp của huyện tổ chức điều tra nhu cầu sử dụng lao động tại các doanh nghiệp của các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ và các hộ gia đình kinh doanh cá thể có nhu cầu sử dụng từ 10 lao động trở lên trên địa bàn làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch dạy nghề, trong đó tập trung vào các doanh nghiệp thuộc khu vực khu công nghệ cao Hòa Lạc, khu công nghiệp Thạch Thất - Quốc Oai và các doanh nghiệp có quy mô lớn sử dụng nhiều lao động.

Mặc dù hàng năm chính quyền địa phương đã thực hiện khảo sát nhu cầu đào tạo nghề cho người lao động song việc khảo sát chưa đáp ứng được nhu cầu của người lao động. Kết quả điều tra từ bảng hỏi cho thấy có 60/112 người cho rằng chưa hài lòng với nội dung của phiếu khảo sát nhu cầu sử dụng lao động từ các doanh nghiệp vì nội dung trong phiếu khảo sát chưa xác định rõ nghề đào tạo doanh nghiệp cần, thời gian doanh nghiệp cần lao động, từ đó, phối hợp với các doanh nghiệp tuyển chọn lao động học nghề, tuyển dụng lao động sau đào tạo.

#### 2.5.2.2. *Lập kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Thạch Thất*

Sau khi kết thúc việc khảo sát nhu cầu học nghề, UBND các xã, thị trấn tổng hợp kết quả, báo cáo lên UBND huyện. Căn cứ vào kết quả khảo sát, kết hợp với kế hoạch phát triển kinh tế, nguồn ngân sách cấp cho lĩnh vực đào tạo nghề, phòng LĐTBXH tham mưu UBND huyện ban hành kế hoạch đào tạo nghề trên địa bàn huyện với những nội dung như: xác định mục đích và yêu cầu của hoạt động đào tạo nghề; đối tượng; kinh phí thực hiện đào tạo nghề, nhiệm vụ của các phòng ban liên quan. Trong kế hoạch đào tạo nghề cần xác định:

- Mục đích của hoạt động đào tạo nghề
- Mục tiêu
- Ngành nghề đào tạo
- Chỉ tiêu đào tạo
- Đối tượng tham gia đào tạo
- Chính sách với người học, người dạy và cơ sở đào tạo
- Kinh phí thực hiện đào tạo
- Trách nhiệm của các bộ phận có liên quan trong thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

Sau khi phòng LĐTBXH lập kế hoạch đào tạo sẽ trình UBND huyện phê duyệt và tổ chức triển khai trong thực tế. Dưới đây là kết quả tổng hợp nhu cầu và kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Thạch Thất giai đoạn 2014 – 2018.

**Bảng 2.6: Nhu cầu và Kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Thạch Thất giai đoạn 2014 – 2018 (ĐVT: người)**

Năm	Nhu cầu đào tạo nghề NN (1)	Kế hoạch đào tạo nghề NN (2)	Nhu cầu đào tạo nghề phi NN (3)	Kế hoạch đào tạo nghề phi NN (4)	Nhu cầu	Kế hoạch	KH so với NC (%)
					Tổng (1+3)	Tổng (2+4)	
<b>2014</b>	825	735	2.160	1.575	2.985	2.310	77,3
<b>2015</b>	670	630	1.475	920	2.145	1.550	72,2
<b>2016</b>	1.430	1.085	2.265	1.365	3.695	2.450	66,3
<b>2017</b>	1.285	945	1.015	980	2.300	1.925	83,6
<b>2018</b>	820	455	1.474	789	2.294	1.244	54,2

(Nguồn: Phòng LĐTBXH huyện Thạch Thất)

Nhìn vào số liệu Bảng 2.6 trên đây ta thấy, người lao động trên địa bàn huyện có nhu cầu đào tạo nghề tương đối lớn. Năm 2014 toàn huyện có 2.525 người có nhu cầu học nghề, năm 2015 là 2.145 người, năm 2016 là 3.695 người, năm 2017 là 2.300 người, năm 2018 là 2.294 người. Trong đó, số người có nhu cầu học nghề phi nông nghiệp luôn lớn hơn số người có nhu cầu học nghề nông nghiệp. Điều này cho thấy:

- Diện tích đất nông nghiệp bị thu hẹp phục vụ xây dựng khu công nghiệp, khu chế xuất, các trung tâm thương mại đã khiến nhiều nông dân có nhu cầu chuyển đổi sang ngành nghề phi nông nghiệp.

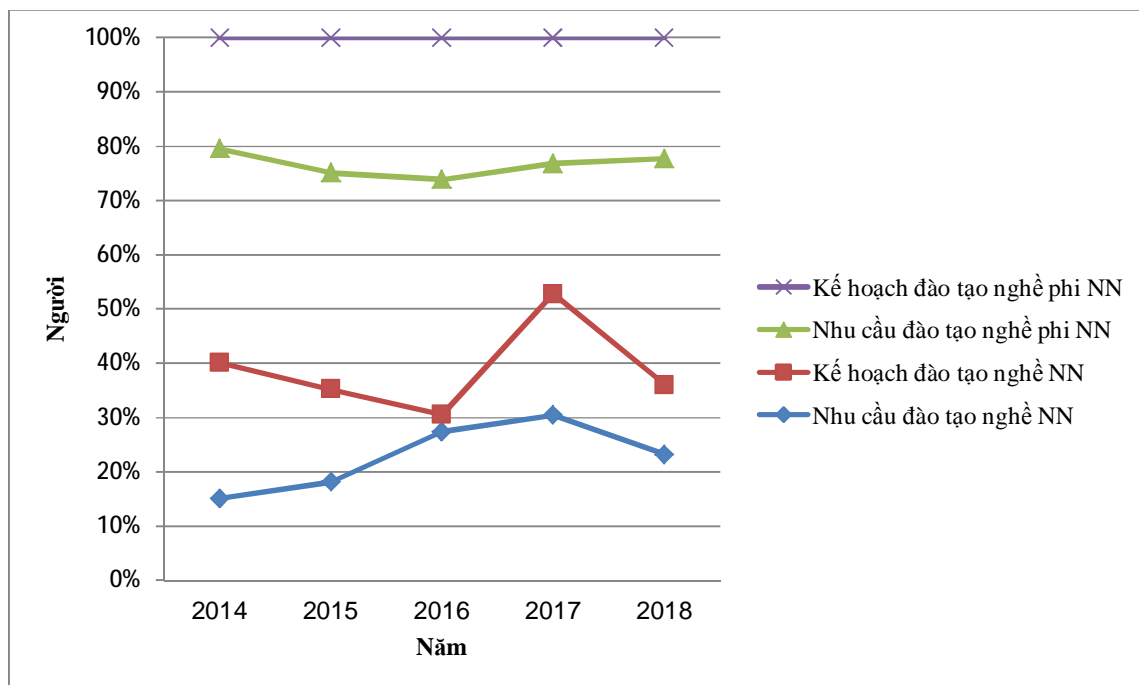
- Việc lựa chọn tham gia học nghề phi nông nghiệp như may, cơ khí, mộc, sửa chữa công nghiệp và những nghề nông nghiệp như trồng rau an toàn, trồng rau hữu cơ cho thấy bản thân người nông dân đã cập với nhu cầu của thị trường cũng như phát huy thế mạnh, tiềm năng của địa phương vốn là một huyện có thế mạnh về phát triển làng nghề truyền thống.

Kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn từ năm 2014 đến năm 2018 được trình bày trong Bảng 2.6 trên đây tương đối lớn. Năm 2014, huyện Thạch Thất có kế hoạch đào tạo 1.945 người, chiếm 77,3% nhu cầu đào tạo của người lao động; năm 2015 là 1.550 người, chiếm 72,2% nhu cầu đào tạo; năm 2016 là 2.450 người, chiếm 66,3% nhu cầu đào tạo; năm 2017 là 1.925 người, chiếm 83,6%, năm 2018 là 1.244 người, chiếm 54,2%.

Như vậy, nhìn chung kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn từ năm 2014 đến năm 2018 chiếm trung bình trên 70% nhu cầu đào tạo. Qua tra đổi với lãnh đạo phòng LĐTBXH huyện Thạch Thất tác giả được biết, nguyên nhân của vấn đề này là do ngân sách nhà nước cấp cho hoạt động đào tạo nghề của địa phương còn hạn hẹp.

Xét về cơ cấu đào tạo nghề có thể thấy, từ năm 2014 đến 2018, huyện Thạch Thất ưu tiên cho đào tạo những ngành nghề phi nông nghiệp. Điều đó cho thấy, mục tiêu đào tạo nghề cho lao động nông thôn của huyện Thạch Thất phù hợp với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng dần tỷ trọng trong cơ cấu lao động và cơ cấu ngành nghề kinh tế huyện Thạch Thất trong thời gian tới.





**Biểu 2.6: Nhu cầu và Kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Thạch Thất giai đoạn 2014 – 2018 (ĐVT: người)**

(Nguồn: Phòng LĐTBXH huyện Thạch Thất)

### 2.5.2.3. Tổ chức thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Thạch Thất

#### a) Lựa chọn ngành nghề, đối tượng tham gia học nghề

Năm 2014, 2015, đối tượng dạy nghề, chính sách đối với cơ sở dạy nghề, chính sách đối với giáo viên dạy nghề thực hiện theo nội dung Kế hoạch số 150/KH-UBND ngày 26/12/2011 của UBND thành phố về đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định 1956/QĐ-TTG ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” trên địa bàn thành phố Hà Nội, giai đoạn 2011-2015”. Năm 2016, 2017, đối tượng học nghề được thực hiện theo quy định tại Quyết định 971/QĐ-TTg ngày 01/7/2015 về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1956/QĐ-TTg. Cụ thể như sau:

- *Về đối tượng tham gia đào tạo nghề:* Lao động trong độ tuổi lao động, có trình độ học vấn và sức khỏe phù hợp với nghề cần đào tạo. Trong đó ưu tiên dạy nghề cho các đối tượng là con đối tượng chính sách người có công, hộ nghèo, người tàn tật, người thuộc vùng dân tộc thiểu số, người bị thu hồi đất canh tác.

- *Về ngành nghề đào tạo:* Huyện Thạch Thất tập trung đào tạo nghề ngắn hạn cho lao động nông thôn theo hai nhóm ngành chính:

Đào tạo nghề nông nghiệp tập trung chủ yếu vào các ngành như: trồng rau hữu cơ, rau an toàn; trồng lúa chất lượng cao; chăn nuôi gia cầm, chăn nuôi thú y...

- Đào tạo nghề phi nông nghiệp: chủ yếu vào ngành nghề như: may công nghiệp; điện dân dụng; hàn; mây tre giang đan..vv.

- *Về chính sách và mức hỗ trợ:*

+ Năm 2014, 2015, 2016 mức chi phí đào tạo nghề và mức hỗ trợ chi phí học nghề ở trình độ sơ cấp nghề tiếp tục thực hiện theo Quyết định 1893/QĐ-UBND ngày 25/4/2011 và Quyết định số 6113/QĐ-UBND ngày 29/12/2011 của UBND thành phố về quy định mức chi phí đào tạo nghề và mức hỗ trợ chi phí học nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định 1956/QĐ-TTg giai đoạn 2011-2015 đợt 1 và đợt 2 và các văn bản liên quan khác. Cụ thể như sau:

*a. Hỗ trợ chi phí đào tạo*

Lao động nông thôn tham gia học nghề từ năm 2014 đến năm 2017 được thực hiện theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg được hỗ trợ chi phí đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng. Mức hỗ trợ cụ thể theo từng nghề, thời gian học nghề thực tế được thực hiện khi có Quyết định phê duyệt mức chi đào tạo từng nghề theo quy định và khả năng cân đối của nguồn kinh phí hỗ trợ thực hiện đào tạo nghề của UBND thành phố.

*b. Mức hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại học nghề*

- Đối tượng được hỗ trợ: Lao động nông thôn thuộc diện hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ bị thu hồi đất nông nghiệp tham gia học nghề theo Quyết định 1956/QĐ-TTg.

- Mức hỗ trợ: tiền ăn 30.000 đồng/người/ngày thực học; hỗ trợ tiền đi lại 200.000 đồng/ người/ khóa học nếu địa điểm đào tạo cách xa nơi cư trú từ 15km trở lên.

Tùy theo định mức của nghề đào tạo, sau khi kết thúc khóa học, mỗi học viên thuộc đối tượng chính sách, dân tộc thiểu số, hộ nghèo, hộ cận nghèo... (đối tượng được hưởng tiền ăn) sẽ được nhận kinh phí hỗ trợ trực tiếp bằng tiền mặt. Kinh phí đào tạo đối với mỗi học viên được tính dựa trên quy định tại Tờ trình số 2644/TTr-LS:LĐTBXH-NNPTNT-TC.

*b) Xây dựng nội dung, chương trình đào tạo nghề*

Để đảm bảo nội dung, chương trình đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu thị trường và nhu cầu của người lao động cũng như phù hợp với xu hướng chuyển dịch cơ cấu lao động tăng tỷ trọng lao động làm việc trong lĩnh vực công nghiệp – xây dựng, dịch vụ - thương mại và giảm tỷ trọng trong ngành nghề nông lâm nghiệp huyện Thạch Thất tập trung đào tạo các ngành nghề như: điện, điện tử, cơ kim khí, may công nghiệp, mộc dân dụng, trồng trọt, chăn nuôi, thú y, hàn, may công nghiệp.

*- Nguyên tắc xây dựng chương trình đào tạo nghề*

+ Đảm bảo tính khoa học, thực tiễn, linh hoạt theo nhu cầu của thị trường.

+ Bảo đảm mục tiêu dạy nghề.

+ Nội dung thực hành là chủ yếu.

- Quy mô đào tạo nghề cho lao động nông thôn tối đa 35 học viên/lớp.

- *Chương trình, giáo trình dạy nghề:*

+ Áp dụng chương trình dạy nghề trình độ sơ cấp nghề dưới 3 tháng với nghề nông nghiệp, phi nông nghiệp đã có chương trình, giáo trình do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tổng cục dạy nghề ban hành.

+ Đối với những nghề chưa có chương trình do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tổng cục dạy nghề ban hành, các đơn vị dạy nghề thực hiện xây dựng theo quy định tại Quyết định số 3755/QĐ-UBND ngày 22/6/2017 phê duyệt chương trình dạy nghề trình độ sơ cấp gồm 33 nghề, trong đó, nghề phi nông nghiệp 17 nghề, nghề nông nghiệp 16 nghề.

+ Đối với lao động có trình độ từ Trung cấp trở lên để vào làm việc tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, Khu Công nghiệp Thạch Thất - Quốc Oai giao Trung tâm dạy nghề Huyện liên kết với các trường cao đẳng, trường nghề ... tổ chức tuyển sinh, đào tạo theo giáo trình của cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- *Cấu trúc chương trình:* cấu trúc chương trình chủ yếu là nội dung thực hành với 30% thời lượng học lý thuyết, 70% thực hành.

- *Thẩm quyền phê duyệt chương trình:*

Các đơn vị dạy nghề xây dựng nội dung chương trình đào tạo theo quy định và gửi về UBND huyện Thạch Thất trước khi lớp học được khai giảng. Để tránh tình trạng quá tải và chông chéo trong quá trình phê duyệt, UBND huyện Thạch Thất giao cho phòng LĐTBXH phụ trách đặt hàng và phê duyệt nội dung chương trình đào tạo các ngành nghề phi nông nghiệp, phòng Kinh tế phụ trách phê duyệt chương trình với các ngành nghề nông nghiệp.

Nhìn chung, để nâng cao hiệu quả đào tạo nghề, các cơ sở đào tạo đã tích cực đổi mới, điều chỉnh nội dung chương trình giảng dạy cho phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động. Tuy vậy, với sự thay đổi nhanh chóng trước làn sóng công nghệ mới cũng như yêu cầu của các cơ sở sản xuất kinh doanh thì việc đổi mới nội dung và chương trình giảng dạy còn đi chậm một bước,

tài liệu và giáo trình phục vụ giảng dạy còn thiếu, chưa cập nhật thường xuyên, tiết giảng còn nặng về lý thuyết.

**c) Lựa chọn hình thức đào tạo nghề cho lao động nông thôn**

Không có hình thức đào tạo nghề ưu việt nhất cho mọi nghề, mọi đối tượng và mọi địa phương. Nói cách khác, hình thức đào tạo nghề cần linh hoạt theo yêu cầu thực tế, tùy thuộc vào đặc điểm của người lao động tham gia học nghề, tính chất nghề, điều kiện của từng địa phương mà lựa chọn hình thức đào tạo nghề phù hợp. Hiện nay, huyện Thạch Thất lựa chọn hình thức đào tạo nghề tương đối đa dạng.

- *Đào tạo tại các cơ sở đào tạo:* đây là hình thức đào tạo tập trung, được tổ chức tại Trung tâm dạy nghề huyện Thạch Thất, Trung tâm dạy nghề tư thực và nhân đạo Minh Tâm và các Trường Cao đẳng, trung cấp nghề. Với hình thức đào tạo này, người lao động vừa học lý thuyết và thực hành trên cơ sở máy móc được trang bị. Ưu điểm của hình thức đào tạo này là đào tạo được một số lượng người lao động lớn; cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho quá trình giảng dạy thuận tiện, đầy đủ. Tuy nhiên, khi đào tạo tại các cơ sở tập trung thì việc di chuyển đi lại của các học viên gặp nhiều khó khăn, chi phí đi lại, ăn ở lớn do các học viên ở xa trung tâm đào tạo.

- *Liên kết đào tạo tại các doanh nghiệp, xưởng may, cơ sở kinh doanh:* Đối với các nghề phi nông nghiệp tập trung đào tạo tổ chức theo vị trí làm việc tại doanh nghiệp, cơ sở sản xuất để doanh nghiệp, cơ sở sản xuất tuyển dụng vào làm việc theo hợp đồng lao động hoặc bao tiêu sản phẩm, ví dụ hàn, may công nghiệp, mây tre giang đan, mộc mỹ nghệ. Các đơn vị dạy nghề liên kết với doanh nghiệp hoặc các xưởng may để đào tạo trực tiếp cho học viên học nghề. Giáo viên từ các đơn vị dạy nghề sẽ trực tiếp xuống các thôn giảng dạy lý thuyết và các kỹ năng cho học viên, hướng dẫn học viên từng mô hình cụ thể, từng cách làm đem lại hiệu quả kinh tế cao

nhất. Hình thức đào tạo này là phổ biến nhất trong công tác đào tạo nghề cho người lao động trên địa bàn huyện Thạch Thất hiện nay.

Ưu điểm của hình thức này là áp dụng lý thuyết và thực hành dễ dàng hơn, tiết kiệm được chi phí, thuận tiện cho việc đi lại của học viên, thu hút được lượng học viên tham gia đông đảo hơn, người lao động được làm quen với máy móc, dây chuyền sản xuất trong thực tế nên thành thạo công việc trong thời gian ngắn. Tuy vậy, nhược điểm của hình thức đào tạo này là do số lượng máy móc thực tế tại doanh nghiệp, xưởng may chỉ đủ cho người lao động đang làm việc tại đó nên thiếu thốn về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác đào tạo nghề cho các học viên mới chưa đủ đáp ứng, có khi 2 người chung nhau 1 máy để thực hành; Việc tiếp thu kiến thức không được trọn vẹn, vì đây thường là đào tạo ngắn hạn.

Do đó, để hình thức này thực sự phát huy hiệu quả thì cần nâng cao nhận thức cho người lao động. Người dạy cần phải thật sự tập trung và truyền đạt kiến thức chậm rãi, tỉ mỉ và dễ hiểu. Có như thế, người lao động mới có thể tiếp thu một cách tốt nhất.

- *Đào tạo tại địa bàn sản xuất:* Đối với các nghề nông nghiệp tập trung tổ chức đào tạo cho các đối tượng nông dân nông cốt tại địa phương, đủ điều kiện áp dụng kiến thức nghề sau khi học, nội dung đào tạo phải phù hợp với đặc điểm của quy trình sản xuất, quy trình sinh trưởng của cây trồng, vật nuôi. Một số nghề áp dụng hình thức đào tạo nghề tại địa bàn sản xuất như: nghề mây giang tre đan, trồng rau an toàn, trồng rau hữu cơ..vv.

***d) Lựa chọn đội ngũ giáo viên, cơ sở tham gia thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn***

Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở có hoạt động giáo dục nghề nghiệp tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn phải có đủ điều kiện về giáo viên, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy nghề và được cơ quan có thẩm

quyền cấp Giấy đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo quy định. Trong đó, ưu tiên các doanh nghiệp có nhiều kinh nghiệm đào tạo nghề, có cơ sở vật chất, điều kiện giảng dạy tốt và có nhiều giải pháp giải quyết việc làm cho người lao động sau học nghề.

Theo số liệu thống kê từ phòng LĐTĐ huyện Thạch Thất (Bảng 2.7), từ năm 2014 đến năm 2018 có 18 cơ sở tham gia đào tạo nghề nông nghiệp và phi nông nghiệp cho lao động nông thôn. Trong đó, bao gồm các cơ sở đào tạo công lập và cơ sở đào tạo ngoài công lập. Năm 2014 số cơ sở tham gia đào tạo nghề nhiều nhất, 14/18 cơ sở tham gia đào tạo.

Các đơn vị dạy nghề sẽ phối hợp với UBND các xã, thị trấn tiến hành công tác tuyển sinh. Sau khi tuyển sinh đủ số lượng học viên và lựa chọn địa điểm đào tạo phù hợp tại xã, thị trấn đơn vị tuyển sinh. Học viên sẽ được trực tiếp học nghề trên đại bàn xã của mình.

**Bảng 2.7: Danh mục các cơ sở tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Thạch Thất từ năm 2014 đến 2018**

STT	Cơ sở đào tạo	Năm				
		2014	2015	2016	2017	2018
1	Công ty Cổ phần Trung tâm dạy nghề Thanh Xuân	x		x		
2	Trung tâm dạy nghề huyện Thạch Thất	x	x	x		
3	Trung tâm dạy nghề Tư thực nhân đạo Minh Tâm	x				
4	Công ty Đào tạo nghề Bộ Quốc Phòng	x	x	x	x	X
5	Trung tâm thông tin kinh tế sinh vật cảnh Hà Nội	x				

6	Trường Cao đẳng nghề Trần Hưng Đạo	x	x	x		
7	Trường Trung cấp nghề Hội nông dân Việt Nam	x				
8	Cao đẳng nghề Cơ Điện và Công nghệ thực phẩm Hà Nội	x		x	x	
9	Cao đẳng Cộng đồng Hà Nội	x				
10	Công ty TNHH Trường Hà Anh	x		x	x	X
11	Công ty CP Giáo dục Trường kỹ thuật và nông nghiệp Thanh Xuân	x	x	x	x	X
12	Cao Đẳng nghề Văn Lang	x	x			
13	Công ty TNHH MTV Đầu tư và phát triển nông thôn Hà Nội	x				
14	Trường Cao đẳng NN&PTNT Bắc Bộ	x	x	x	x	X
15	Trường CĐ nghề Thăng Long		x	x	x	
16	Công ty CP Trung tâm hướng nghiệp dạy nghề Thanh Xuân		x			
17	Trường trung cấp nghề GTVT Hà Nội			x	x	X
18	Trường Trung cấp nghề Công đoàn Việt			x	x	
<b>Tổng</b>		<b>14</b>	<b>8</b>	<b>11</b>	<b>8</b>	<b>5</b>

(Nguồn: Phòng LĐTBXH huyện Thạch Thất)

Bên cạnh lựa chọn các cơ sở tham gia đào tạo nghề thì việc lựa chọn đội ngũ giáo viên tham gia giảng dạy cũng được đặc biệt quan tâm. Ngoài đạt yêu cầu về trình độ chuyên môn, đội ngũ giáo viên cần là những người đã



được đào tạo về nghiệp vụ sư phạm kỹ năng nghề và được đào tạo về bồi dưỡng kỹ năng dạy học.

- Năm 2014, số giáo viên tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn là 94 giáo viên. Trong đó, đào tạo nghề nông nghiệp là 32 giáo viên; nghề phi nông nghiệp là 62 giáo viên.

- Năm 2015, số giáo viên tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn là 82 giáo viên. Trong đó, đào tạo nghề nông nghiệp là 30 giáo viên; nghề phi nông nghiệp là 52 giáo viên.

- Năm 2016, số giáo viên tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn là 106 giáo viên. Trong đó, đào tạo nghề nông nghiệp là 54 giáo viên; nghề phi nông nghiệp là 78 giáo viên.

- Năm 2017, số giáo viên tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn là 100 giáo viên. Trong đó, đào tạo nghề nông nghiệp là 50 giáo viên; nghề phi nông nghiệp là 50 giáo viên.

- Năm 2018, số giáo viên tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn là 36 giáo viên. Trong đó, đào tạo nghề nông nghiệp là 26 giáo viên; nghề phi nông nghiệp là 46 giáo viên.

#### ***e) Kinh phí thực hiện đề án đào tạo nghề***

Kinh phí thực hiện đề án 1956 đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện Thạch Thất hoàn toàn từ ngân sách thành phố. Hàng năm, phòng LĐTĐXH căn cứ vào nhu cầu đào tạo nghề, xây dựng kế hoạch đào tạo nghề gửi lên sở LĐTĐXH thành phố. Sau đó, Sở LĐTĐXH tổng hợp kế hoạch của các quận huyện gửi sở Tài chính. Sở Tài chính dựa vào dự toán và kế hoạch giao kinh phí cho UBND các quận, huyện. UBND huyện dựa vào dự toán, kế hoạch hàng năm của phòng LĐTĐXH để cấp kinh phí trực tiếp cho phòng.

+ Năm 2014, tổng kinh phí được phân bổ đào tạo là 6,3 tỷ đồng. Trong đó, đào tạo nghề phi nông nghiệp là 3,4 tỷ đồng, đào tạo nghề nông nghiệp là 2,8 tỷ đồng.

+ Năm 2015, kinh phí đào tạo nghề cho lao động nông thôn được thành phố giao tại Quyết định số 6599/QĐ-UBND ngày 10/12/2014 là 3,4 tỷ đồng. Trong đó, đào tạo nghề phi nông nghiệp là 2,1 tỷ đồng, nghề nông nghiệp là 1,3 tỷ đồng.

+ Năm 2016, tổng kinh phí thực hiện từ ngân sách là 6,4 tỷ đồng (được UBND thành phố giao tại Quyết định số 6788/QĐ-UBND ngày 05 /12/2015 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán, thu chi ngân sách năm 2016 của thành phố Hà Nội). Trong đó, dạy nghề phi nông nghiệp cho lao động nông thôn: 3,9 tỷ đồng; dạy nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn: 2,5 tỷ đồng.

+ Năm 2017, tổng kinh phí thực hiện từ ngân sách là 5 tỷ đồng (được UBND thành phố giao tại Quyết định số 6768/QĐ-UBND ngày 09 /12/2016 về việc giao chỉ tiêu kinh tế - xã hội và dự toán, thu chi ngân sách năm 2017 của UBND thành phố Hà Nội) trong đó:

- Dạy nghề phi nông nghiệp cho lao động nông thôn: 2,5 tỷ đồng
- Dạy nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn: 2,5 tỷ đồng

+ Năm 2018, kinh phí được giao là 5,8 tỷ đồng, trong đó kinh phí đào tạo nghề phi nông nghiệp là 3,3 tỷ đồng, kinh phí đào tạo nghề nông nghiệp là 2,4 tỷ đồng.

**Bảng 2.8: Ngân sách chi cho đào tạo nghề huyện Thạch Thất  
giai đoạn 2014 – 2018**

(Đơn vị tính: nghìn đồng)

Nội dung	Năm				
	2014	2015	2016	2017	2018
Công tác tuyên truyền và tư vấn học nghề	0	0	0	0	0
Công tác điều tra, khảo sát nhu cầu học nghề	0	0	0	0	0
Công tác đào tạo nghề. Trong đó:	6.356.000	3.327.592	6.390.371	5.431.145	5.886.000.
- Đào tạo nghề phi nông nghiệp	3.457.000	2.072.173	3.895.497	2.947.165	3.390.000.
- Đào tạo nghề nông nghiệp	2.899.000	1.255.419	2.494.874	2.483.980	2.496.000.
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.356.000</b>	<b>3.327.592</b>	<b>6.390.371</b>	<b>5.431.145</b>	<b>5.886.000</b>

(Nguồn: Phòng LĐTBXH huyện Thạch Thất)

Nhìn vào bảng số liệu trên đây ta thấy, nguồn kinh phí được cấp cho hoạt động đào tạo nghề khu vực nông thôn từ năm 2014 đến năm 2018 tương đối lớn, trung bình 5 tỷ đồng mỗi năm. Trong đó, nguồn kinh phí được cấp cao nhất là năm 2016. Bởi vì, năm 2016 nhu cầu học nghề của lao động nông thôn cao hơn, trong đó, đối tượng học nghề ưu tiên chủ yếu là dân tộc thiểu số và người lao động thuộc các gia đình bị thu hồi đất.

Bảng số liệu cũng cho thấy, nguồn kinh phí cấp cho đào tạo các ngành nghề phi nông nghiệp từ năm 2014 đến năm 2018 cao hơn kinh phí cấp cho đào tạo ngành nghề nông nghiệp. Sở dĩ như vậy là do người lao động học nghề phi nông nghiệp cao hơn người lao động tham gia học nghề nông nghiệp.

#### *2.5.2.4. Kết quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Thạch Thất*

Căn cứ vào nhu cầu học nghề của người lao động, nhu cầu sử dụng nhân lực của các cơ sở sản xuất, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương và nguồn ngân sách nhà nước giao. Từ năm 2014 đến năm 2018 huyện Thạch Thất đã tổ chức đào tạo nghề cho hàng ngàn lao động nông thôn với hai nhóm ngành nghề chính là đào tạo nghề nông nghiệp và phi nông nghiệp.

**Bảng 2.9: Kết quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn  
huyện Thạch Thất giai đoạn 2014 – 2018**

Năm	Tên nghề ĐT	Số người có nhu cầu học	Số lớp được mở thực tế	Tổng số người học nghề (ĐT1+ĐT2+ĐT3)	Số người học nghề là nữ	Số người được học nghề						Hiệu quả sau học nghề							
						Đối tượng 1					Đối tượng 2	Đối tượng 3	Tổng số người có việc làm	Được DN tuyển dụng	Được DN bao tiêu sản phẩm	Tự tạo việc làm	Thành lập tổ HT X	Hộ thoát nghề o	Hộ có thu nhập khá
						Người hưởng CSƯĐ NCC	Người DTTS	Người thuộc hộ nghèo	Người bị thu hồi đất	Người khuyết tật	Hộ cận nghèo	LDNT khác							
2014	Nghề NN	1.365	16	533	371	18	130	13	100	0	0	272	480	0	0	480	0	0	0
	Nghề phi NN	2.160	31	1.068	610	35	54	51	384	0	1	543	903	147	152	604	0	12	15
2015	Nghề NN	670	15	516	382	10	105	38	142	0	0	221	510	0	0	510	0	13	113
	Nghề Phi NN	1.475	26	902	563	48	1	30	188	0	0	635	753	250	353	150	0	7	92
2016	Nghề NN	1.430	27	931	711	67	159	73	111	19	19	483	850	0	21	829	0	0	0
	Nghề Phi NN	2.265	39	1.323	598	78	373	38	132	5	6	691	1.081	338	347	396	0	9	18
2017	Nghề NN	1.285	25	874	652	96	313	40	8	5	37	375	779	0	0	779	0	13	123
	Nghề Phi NN	1.015	25	849	328	91	128	20	56	9	29	516	731	221	262	248	0	6	213
2018	Nghề NN	820	13	455	261	51	226	8	0	1	31	138	455	0	0	455	0	2	0
	Nghề Phi NN	1.474	23	789	429	114	38	28	2	1	51	555	664	187	273	203	1	0	0

(Nguồn: Phòng LĐTBXH huyện Thạch Thất)

- Số lớp học nghề được mở từ năm 2014 đến năm 2018 có xu hướng tăng lên. Năm 2014 huyện Thạch Thất có 16 lớp học nghề nông nghiệp, 31 lớp học nghề phi nông nghiệp; năm 2015 có 15 lớp học nghề nông nghiệp, 26 lớp học nghề phi nông nghiệp; năm 2016 có 27 lớp học nghề nông nghiệp và 39 lớp học nghề phi nông nghiệp; năm 2017 có 25 lớp học nghề nông nghiệp và 25 lớp học nghề phi nông nghiệp; năm 2018 có 13 lớp học nghề nông nghiệp và 23 lớp học nghề phi nông nghiệp. Trong đó, nhóm nghề nông nghiệp chủ yếu là các ngành nghề trồng cây lương thực, chăn nuôi gia súc, trồng hoa cây cảnh, chế biến nông lâm thủy sản. Nhóm nghề phi nông nghiệp tập trung vào các ngành nghề như: nghề mộc, mây tre đan, cơ khí, may công nghiệp, chế biến món ăn...vv. Trong 5 năm 2014-2018, toàn huyện đã đào tạo nghề cho 8.420 lao động, kết quả sau đào tạo có 7.206 lao động có việc làm, đạt tỷ lệ 87,45%. Trong đó được doanh nghiệp tuyển dụng là 1.143 lao động, bao tiêu sản phẩm là 1.408 lao động và tự tạo việc làm là 4.654 lao động. Điều đáng chú ý là sau quá trình học nghề đã có 01 lao động có thể tự thành lập hợp tác xã; trong tổng số 339 lao động học nghề là thuộc đối tượng hộ nghèo, sau khi học xong có 62 lao động đã thoát nghèo và trong tổng số người học có 574 hộ trở thành hộ khá. Đây là một kết quả tương đối khả quan.

- Lực lượng lao động tham gia học nghề rất đa dạng, bao gồm các đối tượng người có công với cách mạng, người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, người bị thu hồi đất và các đối tượng khác. Nhiều đối tượng tham gia học nghề cho thấy về cơ bản mọi người dân đã biết được chính sách đào tạo nghề thông qua đề án 1956 về đào tạo nghề cho lao động nông thôn của nhà nước.

- Mặc dù mỗi năm số lớp đào tạo nghề được mở tương đối lớn song chưa đáp ứng được nhu cầu học nghề của người lao động. Cụ thể, Bảng 2.10 cho thấy, tỷ lệ người lao động được đào tạo ở ngành nghề nông nghiệp cao nhất là 77,01% so với nhu cầu đào tạo (năm 2015), còn lại là từ 55,5% đến 68,01%.

Đối với đào tạo nghề phi nông nghiệp, số lao động được đào tạo chiếm tỷ lệ cao nhất là năm 2017 với 83,6% số lao động có nhu cầu đào tạo và thấp nhất là năm 2014 chỉ giải quyết được 49,4% nhu cầu đào tạo trong thực tế.

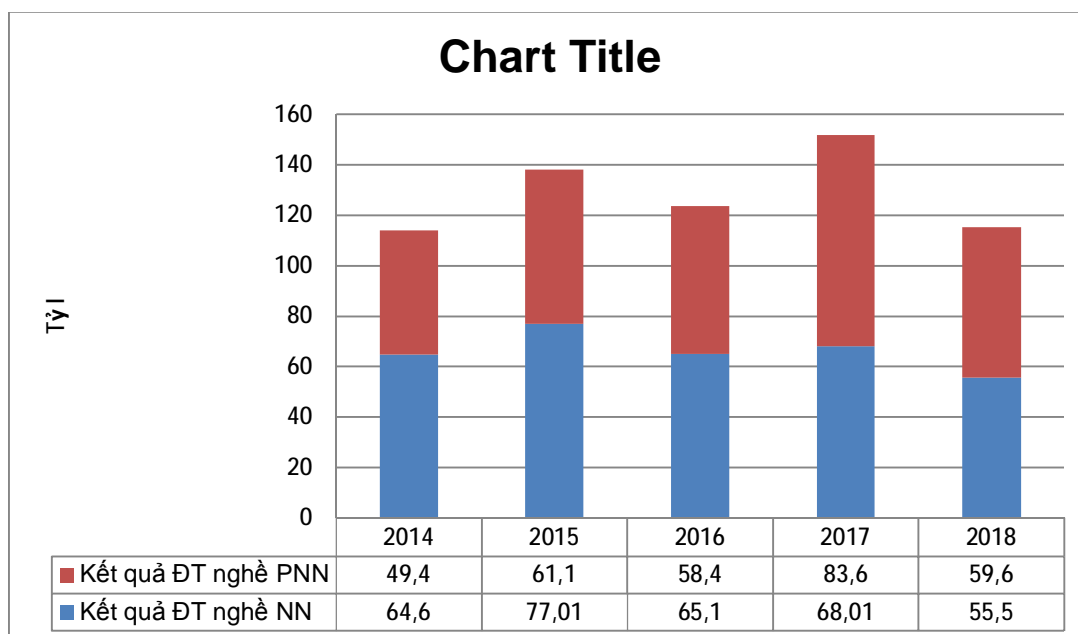
Vì sao lại có vấn đề này, trao đổi với lãnh đạo phòng LĐTBXH huyện Thạch Thất, tác giả được biết, năm 2014 nguồn kinh phí hỗ trợ cho công tác đào tạo nghề hạn chế. Ngoài ra, cấp huyện và cấp xã chưa hình thành được Quỹ việc làm mà chủ yếu vẫn dựa vào nguồn vốn cho vay giải quyết việc làm của Trung ương và Thành phố cấp, do đó, kinh phí chi cho hoạt động đào tạo nghề tương đối eo hẹp, chưa giải quyết hết nhu cầu tham gia học nghề của người lao động.

Đến năm 2018, tỷ lệ lao động được đào tạo nghề nông nghiệp và phi nông nghiệp có xu hướng giảm so với năm 2017 là do trên địa bàn huyện có một số doanh nghiệp lớn do điều kiện sản xuất ngày càng thu hẹp nên nhu cầu tuyển dụng lao động cũng ít đi.

**Bảng 2.10. Kết quả đào tạo so với nhu cầu đào tạo**

<b>Năm</b>	<b>Nhu cầu đào tạo nghề NN (1)</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Kết quả</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Nhu cầu đào tạo nghề phi NN (3)</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Kết quả</b>	<b>Tỷ lệ</b>
<b>2014</b>	825	100	533	64,6	2.160	100	1.068	49,4
<b>2015</b>	670	100	516	77,01	1.475	100	902	61,1
<b>2016</b>	1.430	100	931	65,1	2.265	100	1323	58,4
<b>2017</b>	1.285	100	874	68,01	1.015	100	849	83,6
<b>2018</b>	820	100	455	55,5	1.474	100	789	59,6

(Nguồn: Phòng LĐTBXH huyện Thạch Thất)



*(Nguồn: Phòng LĐTBXH huyện Thạch Thất)*

### **2.5.3. Đánh giá hiệu quả và chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Thạch Thất**

#### **\* Đánh giá từ phía cơ quan quản lý đào tạo nghề**

Việc đánh hoạt động đào tạo nghề được thực hiện thông qua các buổi kiểm tra theo định kỳ hoặc kiểm tra đột xuất. Chủ thể thực hiện kiểm tra là đoàn giám sát cấp huyện và đoàn giám sát cấp xã.

- Đoàn giám sát cấp huyện: thành phần của đoàn giám sát cấp huyện là đại diện phòng LĐTBXH, phòng Kinh tế và UBND xã có lớp học. Đoàn giám sát cấp huyện kiểm tra về số lượng học viên tham gia lớp học so với tổng số học viên có trong danh sách đăng ký; nội dung, chương trình bài giảng có đúng với kế hoạch giảng dạy mà đơn vị dạy nghề đã đăng ký với UBND huyện hay không; thời gian giáo viên thực hiện giảng dạy về lý thuyết, thực hành; hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động đào tạo có đáp ứng yêu cầu hay không.



- Đoàn giám sát cấp xã: khi có lớp học, UBND xã cử một cán bộ thuộc các ban ngành, đoàn thể như Hội liên hiệp phụ nữ xã, Hội nông dân, Đoàn thanh niên kiểm tra điểm danh số học viên tham gia lớp học hàng ngày, hỗ trợ giáo viên bố trí địa điểm lớp học, dụng cụ phục vụ học tập cũng như phân bổ thời gian học tập của học viên.

Nhìn chung, mặc dù UBND huyện và UBND cấp xã đã thành lập đoàn giám sát và phân công cho cán bộ tham gia giám sát hoạt động đào tạo nghề. Tuy nhiên, do ở cấp huyện chưa có cán bộ chuyên trách phụ trách hoạt động đào tạo nghề mà thực hiện kiêm nhiệm nên hoạt động kiểm tra, giám sát không được thực hiện thường xuyên và sát sao. Số lượng các buổi kiểm tra khoảng 2 đến 3 lần/khóa học. Đối với cán bộ giám sát cấp xã, mặc dù thực hiện điểm danh thường xuyên song đôi khi còn có tâm lý cả nể và thiếu sự phối hợp chặt chẽ với cán bộ giám sát cấp huyện.

***\* Đánh giá của giáo viên tham gia đào tạo nghề đối với học viên***

Kết quả đánh giá là kết hợp giữa đánh giá về ý thức, thái độ học tập của học viên và kết quả kiểm tra kiến thức lý thuyết và thực hành của giáo viên đối với mỗi học viên sau mỗi khóa học.

+ Kết quả học tập: được thực hiện thông qua kết quả của bài kiểm thi cuối khóa học. Bao gồm 1 bài thi lý thuyết bằng hình thức thi vấn đáp hoặc thi viết không quá 45 phút và 1 bài thi thực hành không quá 3 giờ.

+ Ý thức học tập: được đánh giá thông qua việc điểm danh đi học hàng ngày; Thái độ học tập trên lớp như: hăng hái tham gia ý kiến xây dựng bài...

**Bảng 2.11: Đánh giá kết quả đào tạo của giáo viên với học viên**

Nội dung đánh giá	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018	
	Người	%	Người	%	Người	%	Người	%	Người	%
<b>Tổng số học viên</b>	<b>1.601</b>	<b>100</b>	<b>1.418</b>	<b>100</b>	<b>2.254</b>	<b>100</b>	<b>1.723</b>	<b>100</b>	<b>1.244</b>	<b>100</b>
<b>Kết quả học tập</b>										
Xuất sắc	<b>136</b>	8,5	<b>127</b>	8,9	<b>206</b>	9,16	<b>208</b>	12,1	<b>168</b>	13,5
Giỏi	<b>570</b>	35,6	<b>511</b>	35,9	<b>757</b>	33,6	<b>596</b>	34,6	<b>439</b>	35,2
Khá	<b>554</b>	34,6	<b>501</b>	35,4	<b>819</b>	36,34	<b>662</b>	38,4	<b>491</b>	39,5
Trung bình	<b>305</b>	19,07	<b>249</b>	17,56	<b>423</b>	18,78	<b>222</b>	12,87	<b>134</b>	10,75
Yếu	<b>36</b>	2,23	<b>30</b>	2,13	<b>49</b>	2,12	<b>35</b>	2,03	<b>12</b>	1,05
<b>Ý thức học tập</b>										
Tốt	<b>725</b>	45,3	<b>649</b>	45,8	<b>1.041</b>	46,2	<b>905</b>	52,5	<b>775</b>	62,3
Khá	<b>517</b>	32,3	<b>507</b>	35,6	<b>816</b>	36,2	<b>646</b>	37,52	<b>397</b>	31,9
Trung bình	<b>322</b>	20,1	<b>232</b>	16,3	<b>345</b>	15,3	<b>143</b>	8,29	<b>57</b>	4,6
Kém	<b>37</b>	2,3	<b>30</b>	2,1	<b>52</b>	2,3	<b>29</b>	1,69	<b>15</b>	1,2

(Nguồn: tác giả tổng hợp từ nguồn số liệu của Phòng Lao động – TBXH)

Với bảng số liệu trên, có thể nhận thấy kết quả học tập đạt loại Giỏi trở lên chiếm trên 30%; loại Khá chiếm khoảng 34% - 39%; loại Yếu chiếm khoảng 2%. Bên cạnh đó là ý thức tham gia học tập của học viên cũng được tăng lên. Năm 2014, loại trung bình – kém chiếm 22,4% thì đến năm 2018 là 5,8%. Điều đó chứng tỏ, nhận thức của người học ngày càng tăng. Họ nhận thức được vai trò của đào tạo nghề đối với bản thân họ. Qua đó, giúp nâng cao chất lượng đào tạo nghề.

**\* Đánh giá từ phía học viên đối với chương trình học, cách thức giảng dạy của giáo viên, hiệu quả đào tạo.**

**Bảng 2.12: Đánh giá từ phía học viên đối với chương trình học, cách thức giảng dạy của giảng viên, hiệu quả đào tạo**

Nội dung	Rất không hài lòng		Không hài lòng		Bình thường		Hài lòng		Rất hài lòng		Tổng cộng	
	Người	Tỷ lệ	Người	Tỷ lệ	Người	Tỷ lệ	Người	Tỷ lệ	Người	Tỷ lệ	Người	Tỷ lệ
1. GV nghiêm túc, tận tâm	0	0	0	0	0	0	20	17,8	92	82,1	112	100
2. GV có chuyên môn sâu về nội dung bài học	0	0	0	0	0	0	23	20,5	89	79,4	112	100
3. TLHT phong phú	2	0,02	4	3,5	32	28,5	19	16,	55	49,1	112	100
4. Trang thiết bị đáp ứng nhu cầu HT	0	0	4	7,1	16	14,2	20	17,8	72	64,2	112	100

(Nguồn: Số liệu tổng hợp từ kết quả điều tra bằng bảng hỏi)

Để kết quả đào tạo nghề đạt hiệu quả cao thì giáo viên tham gia giảng dạy không chỉ là người có chuyên môn sâu mà cần là những người tiếp lửa, truyền cảm hứng cho người học. Kết quả khảo sát 112 học viên tham gia học nghề cho thấy, có 92/112 học viên, chiếm tỷ lệ 82,1% ý kiến đánh giá giáo viên tham gia giảng dạy có thái độ nghiêm túc và tận tâm trong quá trình giảng dạy; tỷ lệ hài lòng là 17,8%, không có ý kiến bình thường, không hài lòng và rất không hài lòng.

Kết quả khảo sát về tài liệu học tập cho thấy, có 55/112 người, chiếm tỷ lệ 49,1% rất hài lòng về tài liệu học tập; 19/112 người, chiếm tỷ lệ 16,9% ý kiến hài lòng. Tuy vậy, còn 32/112 người, chiếm tỷ lệ 28,5% ý kiến cho rằng tài liệu học tập bình thường; còn 6/112 người có ý kiến không hài lòng và rất không hài về tài liệu học tập. Ngoài ra, kết quả khảo sát về trang thiết bị cơ sở vật chất phục vụ học tập có 7,1% ý kiến không hài lòng.

Từ những ý kiến thu được trong quá trình khảo sát trên đây sẽ là cơ sở để chính quyền các cấp bổ sung, nâng cao chất lượng giáo trình, tài liệu học tập và trang thiết bị phục vụ học tập nhằm nâng cao hiệu quả đào tạo.

**\* *Đánh giá của doanh nghiệp và người lao động về mức độ sử dụng kiến thức đã học vào công việc***

**Bảng 2.13: Đánh giá của doanh nghiệp và người lao động về mức độ sử dụng kiến thức đã học vào công việc**

Mức độ sử dụng kiến thức đã học	Đối với người học		Đối với doanh nghiệp	
	Tổng số	%	Tổng số	%
	112	100	5	100
Sử dụng trên 75% kiến thức	52	46,4	0	0
Sử dụng 50 – 75% kiến thức	33	29,4	1	20,0
Sử dụng 25 – 50% kiến thức	24	21,4	3	60,0
Sử dụng < 25% kiến thức	3	2,6	1	20,0
Hoàn toàn không sử dụng	0	0	0	0

(Nguồn: Số liệu tổng hợp từ kết quả điều tra bằng bảng hỏi)

- Kết quả khảo sát cho thấy, có 46,4% ý kiến của học viên được khảo sát cho rằng sử dụng trên 75% kiến thức được học vào trong công việc, 29,4% ý kiến cho rằng sử dụng 50 – 75% kiến thức trong việc sau học nghề, chỉ có 2,6% ý kiến cho rằng sử dụng dưới 25% kiến thức được học trong công việc, không có ý kiến không sử dụng kiến thức được học trong công việc. Như vậy, theo ý kiến chủ quan của người học, hoạt động đào tạo nghề cho lao động

nông thôn đã đảm bảo mục tiêu đề ra trong kế hoạch thực hiện Đề án 1956. Tuy nhiên, kết quả khảo sát từ 5 doanh nghiệp có tuyển dụng lao động sau học nghề lại cho thấy, có 0% ý kiến cho rằng học viên sử dụng được trên 75% lượng kiến thức đã được đào tạo vào trong công việc, 20% ý kiến cho rằng người lao động chỉ sử dụng dưới 25% kiến thức được đào tạo vào trong công việc. Điều đáng nói là trong số 20% ý kiến cho rằng người lao động sử dụng 50% - 75% kiến thức là các doanh nghiệp có đào tạo học viên tại chỗ theo vị trí việc làm, do đó người lao động nắm bắt được yêu cầu và trang bị kỹ năng trong quá trình đào tạo.

**\* Đánh giá của doanh nghiệp có sử dụng lao động sau học nghề**

**Bảng 2.14: Đánh giá của doanh nghiệp có sử dụng lao động sau học nghề**

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đáp ứng yêu cầu công việc (%)				
	Tốt	Khá	TB	Thấp	Rất thấp
Kiến thức chuyên môn	32,5	48,9	8,5	10,1	0
Kỹ năng thực hành	42,4	42,4	7,8	7,4	0
Khả năng tiếp cận công nghệ	12,5	34,3	23,7	18,3	11,2
Khả năng sáng tạo	14,6	19,5	52,7	21,5	13,7
Kỹ năng làm việc nhóm	13,2	34,6	38,9	13,3	0

(Nguồn: Số liệu tổng hợp từ kết quả điều tra bằng bảng hỏi)

- Từ kết quả khảo sát đánh giá của các doanh nghiệp về mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của người lao động sau khi kết thúc khóa đào tạo cho thấy, có 89,9% tỷ lệ lao động đáp ứng được kiến thức chuyên môn, 96,6% đáp ứng yêu cầu kỹ năng thực hành từ mức trung bình trở lên. Điều này cho thấy, chất lượng lao động sau đào tạo đã từng bước đáp ứng được yêu cầu công việc trong thực tế.

Tuy nhiên, một số kỹ năng như khả năng tiếp cận công nghệ, khả năng sáng tạo còn thấp, chiếm trên 10%. Do đó, trong thời gian tới, cần có các biện pháp khuyến khích khả năng sáng tạo và thích ứng nhanh với máy móc, công nghệ hiện đại.

## ***2.6. Những yếu tố có ảnh hưởng tới đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Thạch Thất***

Yếu tố vĩ mô:

- Nguồn kinh phí chi cho đào tạo nghề còn hạn chế: Hiện nay, cấp huyện và cấp xã chưa hình thành được Quỹ việc làm mà chủ yếu vẫn dựa vào nguồn vốn cho vay giải quyết việc làm của Trung ương và Thành phố cấp, do đó, kinh phí chi cho hoạt động đào tạo nghề tương đối eo hẹp, chưa giải quyết hết nhu cầu tham gia học nghề của người lao động. Hàng năm, chỉ giải quyết được 70% nhu cầu học nghề.

Ngoài ra, vì thiếu kinh phí nên công tác điều tra, khảo sát nhu cầu học nghề, công tác tuyên truyền, khảo sát nhu cầu về cầu lao động của thị trường lao động tới người lao động chưa được thực hiện sâu rộng, hiệu quả.

- Cơ sở vật chất của các cơ sở đào tạo nghề đã được tăng cường, nhưng so với yêu cầu thực tiễn còn chưa đáp ứng. Các công nghệ sản xuất thay đổi hết sức nhanh chóng đòi hỏi hệ thống thiết bị dạy học phải có sự thay đổi phù hợp. Tuy nhiên nguồn kinh phí để đầu tư cho các trang thiết bị còn hạn hẹp. Mặc dù huy động kinh phí đã theo hướng xã hội hóa nên mức kinh phí để tăng cường và đổi mới thiết bị dạy học ngày càng tăng. Nhưng mức đó chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế. Vì vậy tập trung hóa và xã hội hóa các nguồn lực trong các cơ sở đào tạo nghề, nhất là các cơ sở đào tạo nhiều lao động nông thôn là vấn đề đặt ra một các cấp thiết.

Yếu tố vi mô:

- Công tác quản lý còn lỏng lẻo: Một số cơ quan, ban, ngành nhận thức chưa đầy đủ về đào tạo nghề cho lao động nông thôn, coi đào tạo nghề là biện

pháp tình thế, có tính thời điểm. Do vậy, chưa có sự vào cuộc quyết liệt của lãnh đạo các cấp.

- Nhiều nông dân chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của việc học nghề, nhiều gia đình chỉ cho con em học nghề khi không đủ điều kiện vào các trường đại học, cao đẳng.

- Công tác quản lý, giám sát đào tạo nghề chưa được thường xuyên do thiếu cán bộ chuyên trách về đào tạo nghề.

- Đội ngũ cán bộ của các cơ sở đào tạo nghề tuy có trình độ chuẩn hóa. Nhưng trong bối cảnh trong vùng có nhiều cơ sở đào tạo bậc cao hơn, sự cạnh tranh trong thu hút nguồn lao động có chất lượng cao giữa các cơ sở đào tạo trên địa bàn huyện càng trở nên gay gắt, thể yếu thường thuộc về các cơ sở đào tạo nghề, nhất là đào tạo nghề cho LĐNT.

- Mặc dù chất lượng đào tạo nghề tuy đã được nâng lên nhưng so với yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa còn thấp. Ngành nghề đào tạo còn đơn điệu chưa bao quát được hết những ngành nghề cần đào tạo. Thời gian đào tạo chưa phù hợp với nội dung và yêu cầu rèn kỹ năng nghề để người lao động có thể tìm kiếm việc làm. Sự phối hợp giữa các cơ sở đào tạo nghề nông thôn với các cơ sở sử dụng lao động chưa cao dẫn đến chất lượng chưa phù hợp, cơ sở sử dụng lao động tiếp tục đào tạo lại hoặc người lao động phải mất nhiều thời gian mới tiếp cận được yêu cầu của cơ sở sử dụng lao động.

## **2.7. Đánh giá chung về công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Thạch Thất giai đoạn 2014 -2018**

### ***2.7.1. Kết quả đạt được***

Kể quả trong 5 năm tính từ năm 2014 đến năm 2018, huyện Thạch Thất đã đào tạo nghề cho 20.963 lao động , đạt 114,3% kế hoạch, trong đó tập trung mở các lớp đào tạo nghề trên lĩnh vực nông nghiệp, phi nông nghiệp góp phần nâng cao tay nghề cho LĐNT trên địa bàn huyện (trong đó

đào tạo theo Quyết định 1956/QĐ-TTg là 8.240 lao động, Trung tâm giáo dục nghề nghiệp phối hợp với các trường dạy nghề 2.175 lao động, tại doanh nghiệp, làng nghề 9.063 lao động, chương trình khuyến nông, khuyến công 1.485 lao động, đưa tỷ lệ lao động qua đào tạo từ 51,3% năm 2014 lên 61,9% cuối năm 2018.

Kết quả đào tạo ở các ngành nghề được thể hiện trong bảng 2.15. Số học viên tham gia học nghề phi nông nghiệp cao hơn nghề nông nghiệp. Trong nhóm nghề phi nông nghiệp, nghề may công nghiệp chiếm tỷ lệ lớn nhất, sau đó là nghề mộc mỹ nghệ và nghề hàn. Các nhóm nghề có tỷ lệ tham gia đào tạo thấp là pha chế đồ uống, sửa chữa máy vi tính, khám trai.

Trong nhóm nghề nông nghiệp, một số nghề có tỷ lệ học viên tham gia học cao là nghề trồng lúa chất lượng cao, trồng rau hữu cơ, chăn nuôi thú y.



**Bảng 2.15: Lao động qua đào tạo nghề huyện Thạch Thất  
giai đoạn 2014 – 2018**

Nghề	2014	2015	2016	2017	2018	Tổng số	
						LĐ	Tỷ lệ (%)
<b><i>Nghề phi nông nghiệp</i></b>	<b>1.068</b>	<b>902</b>	<b>1.323</b>	<b>849</b>	<b>789</b>	<b>4.931</b>	<b>100</b>
Hàn	105	70	210	129	-	514	10,4
Tin học văn phòng	280	-	-	-	-	280	5,6
Pha chế đồ uống	35	-	-	-	-	35	0,7
Kỹ thuật sửa chữa và lắp ráp máy vi tính	30	-	-	-	-	30	0,6
Chế biến món ăn	70	-	-	-	-	70	1,4
May công nghiệp	238	452	638	350	439	2.117	42,9
Mây giang đan	65	30	100			195	3,9
Điện dân dụng	35	105	70	105		315	6,3
Khảm trai	35	-	-	-	-	35	0,7
Mộc mỹ nghệ	70	175	140	175	350	910	18,4
Kỹ thuật điêu khắc gỗ	105	-	70	90	-	265	5,3
Điện nước dân dụng	-	70	95		-	165	3,3
<b><i>Nghề nông nghiệp</i></b>	<b>533</b>	<b>516</b>	<b>931</b>	<b>874</b>	<b>455</b>	<b>3.309</b>	<b>100</b>
Kỹ thuật chăn nuôi thú y	210	201	371	175	140	1.097	33,1
Kỹ thuật trồng rau hữu cơ	105	-	105	384	245	839	25,3
Trồng lúa chất lượng	218	188	385	315	-	1.106	33,4

cao							
Trồng và chế biến nấm ăn, nấm dược liệu	-	105	35	-	-	140	4,2
Trồng và chăm sóc cây cảnh	-	-	35	-	-	35	1,0
Trồng cây ăn quả	-	-	-	-	70	70	2,1
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.601</b>	<b>1.418</b>	<b>2.254</b>	<b>1.723</b>	<b>1.244</b>	<b>8.240</b>	

(Nguồn: Phòng LĐTBXH huyện Thạch Thất)

**\*Hiệu quả công tác đào tạo nghề**

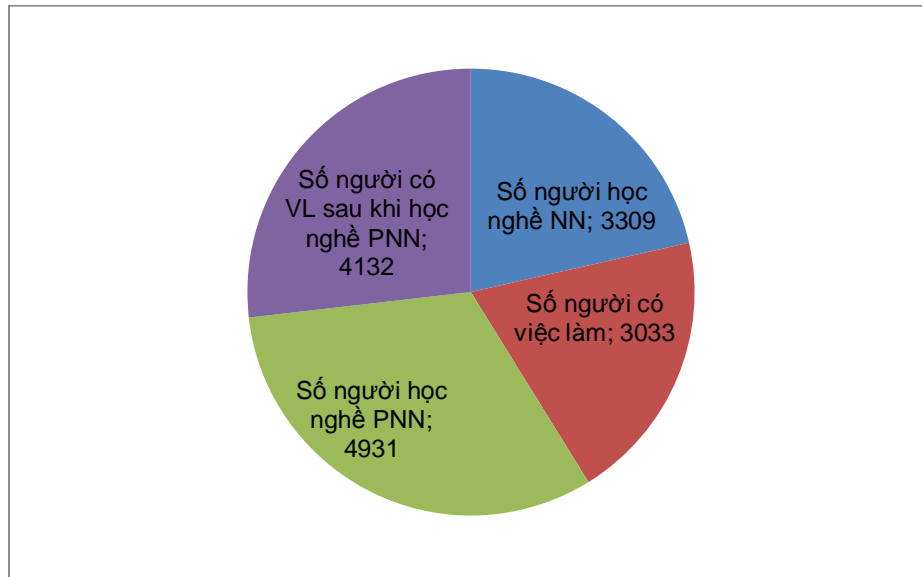
**Bảng 2.16: Số người có việc làm so với số người học nghề  
huyện Thạch Thất giai đoạn 2014 - 2018**

Năm	Số người học nghề NN	Số người có VL	Tỷ lệ (%)	Số người học nghề PNN	Số người có VL	Tỷ lệ (%)
2014	533	480	90,1	1.068	903	84,5
2015	516	510	98,8	902	753	83,48
2016	931	850	91,2	1.323	1.081	81,7
2017	874	738	84,4	849	731	86,1
2018	455	455	100	789	664	84,1
<b>Tổng</b>	<b>3.309</b>	<b>3.033</b>	<b>-</b>	<b>4.931</b>	<b>4.132</b>	<b>-</b>

(Nguồn: Phòng LĐTBXH huyện Thạch Thất)

- Bảng 2.16 cho thấy, từ năm 2014 đến năm 2018 số người học nghề là 3.309 người, số người học nghề phi nông nghiệp là 4.931 người. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có việc làm tương đối cao, chiếm hơn 80% số người tham

gia học nghề. Trong đó, chủ yếu là người lao động có việc làm do tự tạo việc làm và được bao tiêu sản phẩm.



**Biểu 2.16: Số người có việc làm so với số người học nghề huyện Thạch Thất giai đoạn 2014 – 2018**

(Nguồn: Phòng LĐTBXH huyện Thạch Thất)

- Ngành nghề đào tạo tương đối đa dạng, từ năm 2014 đến 2018 có 8.240 người tham gia đào tạo nghề. Trong đó, ngành có tỷ lệ tham gia học nghề nhiều nhất là nghề mây tre giang đan với tỷ lệ từ 25% đến 33% tổng số học viên tham gia các nghề đào tạo, tiếp theo là nghề mộc dân dụng. Đây là hai ngành nghề chủ yếu ở các làng nghề truyền thống của huyện Thạch Thất. Điều đó cho thấy, hiện nay nhu cầu sử dụng nhân lực trong lĩnh vực này còn rất lớn và trong thời gian tới còn lớn hơn nữa do hiện nay Thạch Thất đang trong giai đoạn hoàn thiện quy hoạch khu cụm công nghiệp làng nghề và phát triển làng nghề truyền thống vốn là thế mạnh của Thạch Thất nhiều năm qua. Nghề có số học viên tham gia học thấp là trồng rau an toàn và chế biến món ăn. Đây là hai ngành mới, tuy nhiên, là những ngành sẽ có xu hướng phát

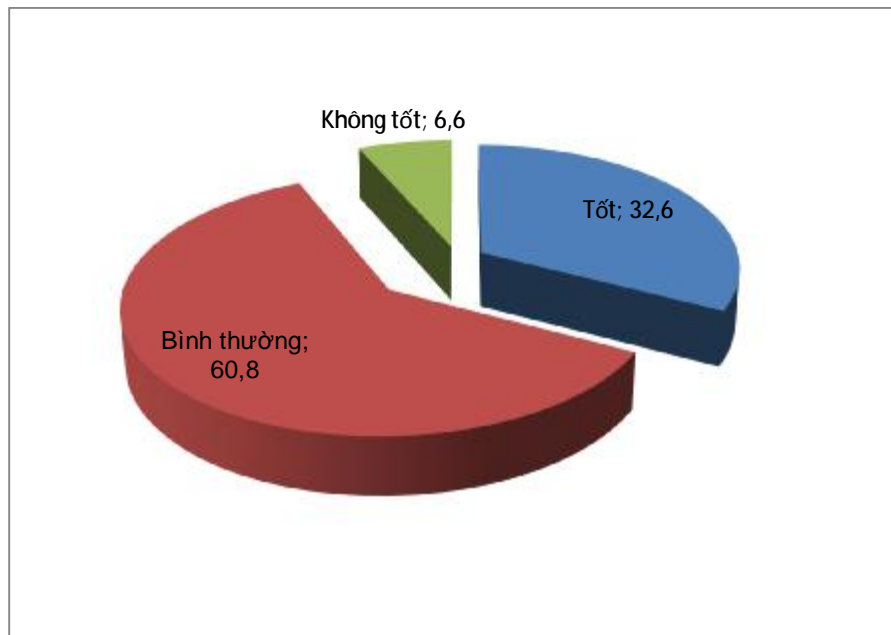
triển mạnh trong thời gian tới bởi lẽ Thạch Thất nói riêng và Việt Nam nói chung đang hướng tới phát triển một nền nông nghiệp sạch.

Kết quả khảo sát 112 lao động tham gia đào tạo nghề cho thấy, có 36/112 người, chiếm tỷ lệ 32,6% ý kiến đánh giá hiệu quả đào tạo nghề là tốt; có 68/112 người, chiếm tỷ lệ 60,8% cho rằng hiệu quả đào tạo nghề bình thường. Tuy vậy, còn 6,6% ý kiến cho rằng hoạt động đào tạo nghề chưa hiệu quả, đa số những người này đồng tình rằng hoạt động đào tạo còn thiếu hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động đào tạo, kết quả phiếu khảo sát cho thấy có 14/18 người lao động này hiện chưa có việc làm.

**Bảng 2.17: Kết quả khảo sát người lao động về hiệu quả đào tạo nghề**

Tổng		Ý kiến đánh giá					
		Tốt		Bình thường		Không tốt	
Người	%	Người	%	Người	%	Người	%
112	100	36	32,6	68	60,8	18	6,6

(Nguồn: Thống kê từ phiếu khảo sát)



**Biểu 2.17: Kết quả khảo sát người lao động về hiệu quả đào tạo nghề**

(Nguồn: Phòng LĐTBXH huyện Thạch Thất)

Hình thức tạo việc làm sau học nghề của người lao động cũng khá đa dạng. Trong số 98/112 lao động đã có việc làm sau đào tạo thì có 12 lao động là chủ cơ sở sản xuất nhỏ về lĩnh vực mộc dân dụng, mây tre giang đan; 45 lao động làm việc trong cơ sở làng nghề truyền thống sản xuất mây tre giang đan; 32 lao động làm công nhân may trong khu công nghiệp; còn lại 9 lao động trồng nấm, rau an toàn.

### **2.7.2. Một số hạn chế còn tồn tại**

- Công tác tuyên truyền về đào tạo nghề và các chế độ, chính sách liên quan đến đào tạo nghề trên địa bàn huyện tuy đã được đẩy mạnh nhưng vẫn chưa sâu rộng, đến nay vẫn còn một bộ phận lao động nông thôn chưa nắm biết cụ thể về các chính sách hỗ trợ dạy nghề theo Quyết định 1956. Công tác tư vấn học nghề, việc làm cho lao động nông thôn còn mang tính hình thức; chưa cung cấp kịp thời cho lao động nông thôn những thông tin cần thiết: như thông tin về các nghề mà doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng, mức lương tối thiểu doanh nghiệp trả, thông tin về quy hoạch nông thôn mới, quy hoạch sản xuất....

- Công tác tổ chức điều tra, khảo sát về nhu cầu học nghề hàng năm chưa sát với thực tiễn, chưa đúng thời điểm. Do vậy, việc lựa chọn của nhiều nghề đưa vào đào tạo chưa phù hợp, còn phải thay đổi nhiều lần, hiệu quả đào tạo nghề tạo việc làm đạt tỷ lệ chưa cao.

- Cơ cấu đào tạo nghề còn bất cập, thiếu lao động có tay nghề và công nhân kỹ thuật.

- Mặc dù mỗi năm số lớp đào tạo nghề được mở tương đối lớn song chỉ giải quyết được 70% nhu cầu học nghề của người lao động. Vì sao lại có vấn đề này, trao đổi với lãnh đạo phòng LĐTBXH huyện Thạch Thất, tác giả được biết do nguồn kinh phí hỗ trợ cho công tác đào tạo nghề còn hạn chế, và

hiện trên địa bàn huyện một số doanh nghiệp lớn do điều kiện sản xuất ngày càng thu hẹp nên nhu cầu tuyển dụng lao động ít.

- Chương trình đào tạo nghề còn chậm đổi mới, chưa cập nhật với sự thay đổi của xã hội và yêu cầu của thị trường. Nhiều lao động sau khi tham gia khóa học nghề được tuyển dụng vào làm việc tại các doanh nghiệp vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu công việc. Nguyên nhân là do đào tạo nghề chủ yếu đào tạo theo chương trình có sẵn, chưa đổi mới nội dung, chương trình phù hợp với đặc điểm của người lao động, của nhu cầu sử dụng của các doanh nghiệp.

- Cơ sở vật chất tổ chức đào tạo nghề chưa đáp ứng được nhu cầu. Có 7,1% học viên không hài lòng về cơ sở vật chất. Kết quả khảo sát từ 5 doanh nghiệp có tuyển dụng lao động sau học nghề cho thấy, có 0% ý kiến cho rằng học viên sử dụng được trên 75% lượng kiến thức đã được đào tạo vào trong công việc, 20% ý kiến cho rằng người lao động chỉ sử dụng dưới 25% kiến thức được đào tạo vào trong công việc. Điều đáng nói là trong số 20% ý kiến của các doanh nghiệp cho rằng người lao động sử dụng 50% - 75% kiến thức là các doanh nghiệp có đào tạo học viên tại chỗ theo vị trí việc làm, do đó người lao động nắm bắt được yêu cầu công việc và trang bị kỹ năng trong quá trình đào tạo.

- Các ngành nghề đào tạo mới chỉ phù hợp với nhu cầu của địa phương mà chưa bám sát yêu cầu của thị trường lao động. Phần lớn các đơn vị dạy nghề chủ yếu đào tạo một số nghề như: may công nghiệp, hàn, trồng lúa chất lượng cao... Trong khi chưa chú trọng đầu tư cho các ngành kỹ thuật công nghệ cao như: Cơ khí chế tạo máy, công nghệ sửa chữa – lắp ráp ô tô, xe máy v.v. . Có một thực tế trên thị trường lao động hiện nay là nhu cầu lao động về lĩnh vực lao động giúp việc gia đình và đào tạo nghề trước khi đi xuất

khẩu lao động nhiều nhưng chưa có đơn vị nào đào tạo đội ngũ lao động trong lĩnh vực này.

- Trước khi ký hợp đồng dạy nghề với Phòng Lao động- TBXH, các đơn vị dạy nghề ký cam kết 3 bên giữa đơn vị dạy nghề, học viên và đơn vị tiếp nhận 100% lao động vào làm việc sau đào tạo. Tuy nhiên, sau khi kết thúc đào tạo số lượng lao động được tuyển dụng vào làm việc tại doanh nghiệp, cơ sở sản xuất là rất ít, chủ yếu là tự tạo việc làm.

- Thiếu cán bộ chuyên trách phụ trách giám sát về hoạt động đào tạo nghề do đó việc giám sát hoạt động đào tạo nghề ở địa phương còn chưa chặt chẽ.

- Khả năng sử dụng công nghệ, năng lực sáng tạo của người lao động chưa cao, chiếm trên 10%.

- Người lao động chưa có ý thức chủ động trong việc học nghề, chưa thấy được tầm quan trọng của việc học nghề, vẫn còn nặng tư tưởng kén nghề, chọn việc

- Kết thúc đợt kiểm tra, giám sát những tồn tại hạn chế trong quá trình thực hiện được Phòng Lao động – TBXH, phòng Kinh tế (là đơn vị tham mưu UBND tổ chức các lớp học) và các đơn vị dạy nghề nghiêm túc rút kinh nghiệm, khắc phục cho các lớp sau. Tuy nhiên, do huyện Thạch Thất chưa bố trí được cán bộ chuyên trách công tác đào tạo nghề, cán bộ phụ trách đang phải kiêm nhiệm. Do vậy, việc thường xuyên giám sát lớp học bị hạn chế, mỗi lớp học Phòng Lao động – TBXH, Phòng Kinh tế chỉ tổ chức kiểm tra được 2 – 3 lần/khóa học. Công tác quản lý lớp học tại địa phương của các cơ quan, ban, ngành có liên quan cấp xã chưa sát sao do tâm lý cả nể, chưa kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm nội quy lớp học trong quá trình đào tạo.

Với những tồn tại, hạn chế nêu trên, huyện Thạch Thất cần thực hiện đồng bộ các giải pháp, nhất quán và dài hạn kết hợp với sự vào cuộc quyết

tâm của các cấp chính quyền địa phương cũng như các cơ sở dạy nghề, các doanh nghiệp và toàn thể nhân dân trên địa bàn huyện.

### **2.7.3. Nguyên nhân của những hạn chế**

Đối với huyện Thạch Thất, tuy đào tạo nghề nói chung và đào tạo nghề cho LĐNT nói riêng đã có nhiều chuyển biến. Tuy nhiên công tác đào tạo nghề cho LĐNT vẫn còn bộc lộ những tồn tại, hạn chế:

- Hiện nay, cấp huyện và cấp xã chưa hình thành được Quỹ việc làm mà chủ yếu vẫn dựa vào nguồn vốn cho vay giải quyết việc làm của Trung ương và Thành phố cấp, do đó, kinh phí chi cho hoạt động đào tạo nghề tương đối eo hẹp, chưa giải quyết hết nhu cầu tham gia học nghề của người lao động. Hàng năm, chỉ giải quyết được 70% nhu cầu học nghề.

Ngoài ra, vì thiếu kinh phí nên công tác điều tra, khảo sát nhu cầu học nghề, công tác tuyên truyền, khảo sát nhu cầu về lao động của thị trường lao động tới người lao động chưa được thực hiện sâu rộng, hiệu quả.

- Một số cơ quan, ban, ngành nhận thức chưa đầy đủ về đào tạo nghề cho lao động nông thôn, coi đào tạo nghề là biện pháp tình thế, có tính thời điểm. Do vậy, chưa có sự vào cuộc quyết liệt của lãnh đạo các cấp.

- Nhiều nông dân chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của việc học nghề, nhiều gia đình chỉ cho con em học nghề khi không đủ điều kiện vào các trường đại học, cao đẳng.

- Công tác quản lý, giám sát đào tạo nghề chưa được thường xuyên do thiếu cán bộ chuyên trách về đào tạo nghề.

- Cơ sở vật chất của các cơ sở đào tạo nghề đã được tăng cường, nhưng so với yêu cầu thực tiễn còn chưa đáp ứng. Các công nghệ sản xuất thay đổi hết sức nhanh chóng đòi hỏi hệ thống thiết bị dạy học phải có sự thay đổi phù hợp. Tuy nhiên nguồn kinh phí để đầu tư cho các trang thiết bị còn hạn hẹp. Mặc dù huy động kinh phí đã theo hướng xã hội hóa nên mức kinh phí để



tăng cường và đổi mới thiết bị dạy học ngày càng tăng. Nhưng mức đó chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế. Vì vậy tập trung hóa và xã hội hóa các nguồn lực trong các cơ sở đào tạo nghề, nhất là các cơ sở đào tạo nhiều lao động nông thôn là vấn đề đặt ra một các cấp thiết.

- Đội ngũ cán bộ của các cơ sở đào tạo nghề tuy có trình độ chuẩn hóa. Nhưng trong bối cảnh trong vùng có nhiều cơ sở đào tạo bậc cao hơn, sự cạnh tranh trong thu hút nguồn lao động có chất lượng cao giữa các cơ sở đào tạo trên địa bàn huyện càng trở nên gay gắt, thế yếu thường thuộc về các cơ sở đào tạo nghề, nhất là đào tạo nghề cho LĐNT.

- Mặc dù chất lượng đào tạo nghề tuy đã được nâng lên nhưng so với yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa còn thấp. Ngành nghề đào tạo còn đơn điệu chưa bao quát được hết những ngành nghề cần đào tạo. Thời gian đào tạo chưa phù hợp với nội dung và yêu cầu rèn kỹ năng nghề để người lao động có thể tìm kiếm việc làm. Sự phối hợp giữa các cơ sở đào tạo nghề nông thôn với các cơ sở sử dụng lao động chưa cao dẫn đến chất lượng chưa phù hợp, cơ sở sử dụng lao động tiếp tục đào tạo lại hoặc người lao động phải mất nhiều thời gian mới tiếp cận được yêu cầu của cơ sở sử dụng lao động.

## **CHƯƠNG 3**

### **GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN HUYỆN THẠCH THẮT**

#### **3.1. Định hướng phát triển kinh tế xã hội huyện Thạch Thắt thành phố Hà Nội**

##### **3.1.1. Định hướng phát triển kinh tế xã hội**

Mặc dù đạt được nhiều thành tựu trong phát triển KTXH song hiện nay huyện Thạch Thắt về cơ bản vẫn là huyện thuần nông, đời sống của người dân gặp nhiều khó khăn. Để thúc đẩy sự phát triển KTXH của địa phương trong thời gian tới, Nghị quyết Đảng bộ huyện Thạch Thắt lần thứ XXIII xác định mục phát triển kinh tế xã hội của huyện từ nay đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030 như sau:

- Phấn đấu là một huyện công nghiệp, dịch vụ và đô thị;
- Duy trì tốc độ phát triển kinh tế nhanh và bền vững;
- Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu lao động và cơ cấu ngành kinh tế theo hướng tăng dần tỷ trọng các ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp - dịch vụ, giảm dần tỷ trọng nông lâm nghiệp;
- Phát triển đời sống văn hóa, tinh thần cho người dân; đảm bảo an ninh chính trị trên địa bàn.

Để đạt được những mục tiêu phát triển kinh tế xã hội trên đây, chính quyền huyện Thạch Thắt xác định đào tạo nghề, giải quyết việc làm là giải pháp trọng tâm cần phải thực hiện với lộ trình nhất định với những giải pháp thiết thực có tính khả thi cao. Để đưa ra những chính sách và giải pháp thiết thực, định hướng đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Thạch Thắt cần dựa trên định hướng phát triển kinh tế xã hội của huyện và tốc độ, quy mô gia tăng dân số, cơ cấu lao động cũng như nhu cầu đào tạo của toàn huyện.

### 3.1.2. Định hướng phát triển nguồn nhân lực của huyện Thạch Thất

\* Quy mô dân số, nguồn lao động huyện Thạch Thất đến năm 2020

Căn cứ vào tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên hàng năm, huyện Thạch Thất dự kiến đến năm 2020 dân số của toàn huyện là 211.500 người. Bình quân mỗi năm tăng khoảng 3.100 người. Quy mô và cơ cấu dân số được thể hiện trong bảng 3.1 dưới đây.

**Bảng 3.1. Quy mô, cơ cấu dân số huyện Thạch Thất đến năm 2020**

Nội dung	DS dưới tuổi LĐ	DS trong tuổi LĐ					DS trên tuổi LĐ
		Tổng cộng	Số người có khả năng làm việc			Người không có khả năng LV	
			Tổng cộng	Người có VL thường xuyên	Người chưa có VL, mất VL		
Số người	54.000	128.000	122.800	121.100	1.700	52.00	29.500
Tỷ lệ (%)	<b>25,5</b>	<b>60,5</b>	96,0	98,6	1,4	4,0	<b>14,0</b>

Nguồn: Phòng LĐTBXH huyện Thạch Thất

Bảng 3.1 cho thấy, năm 2020 huyện Thạch Thất vẫn duy trì nguồn lao động dồi dào với hơn 60% số người trong độ tuổi lao động. Tuy vậy, tỷ lệ người lao động mất việc làm và không có khả năng hoạt động kinh tế của địa phương còn cao. Cụ thể như sau:

Dân số trong độ tuổi lao động là 128.000 người, chiếm 60,5 % dân số. Trong đó, số người có khả năng làm việc là: 122.800 người chiếm 96% tổng số người trong độ tuổi lao động.

Số người có việc làm thường xuyên là 121.100 người chiếm 98,6% số người có khả năng làm việc; Số người chưa có việc làm, mất việc làm trong năm là 1.700 người chiếm 1,4% số người có khả năng làm việc. Số người không có khả năng làm việc là: 5.200 người, chiếm 4% số người trong độ tuổi lao động.

Dân số dưới tuổi lao động là 54.000 người, chiếm 25,5 % dân số. Dân số trên độ tuổi lao động là 29.500 người, chiếm 14% dân số.

Trong thời gian tới, số người trên độ tuổi lao động có xu hướng ngày càng tăng, số người dưới độ tuổi lao động ngày càng giảm do tác động của quá trình già hóa dân số. Bên cạnh đó, số người mất việc làm và số người không có khả năng lao động chiếm tỷ lệ tương đối cao (5,4% tổng số người trong độ tuổi lao động). Do vậy, để hạn chế tình trạng lãng phí nguồn lực cũng như giúp người lao động ổn định cuộc sống, địa phương cần có kế hoạch đào tạo nghề giúp người lao động tìm được việc làm phù hợp.

*\* Chất lượng lao động huyện Thạch Thất đến năm 2020*

**Bảng 3.2. Chất lượng lao động huyện Thạch Thất năm 2020**

<b>Nội dung</b>	<b>Số người</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
<b>LĐ qua đào tạo</b>	<b>87.000</b>	<b>68</b>
LĐ có trình độ sơ cấp nghề	44.500	51%
LĐ có trình độ trung cấp nghề	23.500	27%
LĐ có trình độ CĐ trở lên	19.000	22%
<b>LĐ chưa qua đào tạo</b>	<b>40.941</b>	<b>32</b>

*Nguồn: Phòng LDTBXH huyện Thạch Thất*

Bảng số liệu 3.2 cho thấy, đến năm 2020 tỷ lệ lao động qua đào tạo tương đối cao. Trong đó, lực lượng lao động qua đào tạo chiếm 68% tổng số lực lượng lao động. Lực lượng lao động có trình độ sơ cấp nghề chiếm tỷ lệ cao nhất (51%), số người có trình độ trung cấp nghề là 27%, số người có trình độ cao đẳng trở lên chiếm 22%.

Tuy vậy, đến năm 2020, số lao động chưa qua đào tạo của huyện còn chiếm tỷ lệ tương đối lớn (32% tổng số người trong độ tuổi lao động).

*\* Cơ cấu lao động*

Cơ cấu lao động huyện Thạch Thất tới năm 2020 tiếp tục chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng các ngành công nghiệp – xây dựng, thương mại dịch vụ, giảm tỷ trọng trong ngành nông nghiệp. Cụ thể như sau:

- Lao động làm việc trong lĩnh vực công nghiệp xây dựng là 64.000 lao động, chiếm 52% số người có khả năng làm việc.

- Lao động làm việc trong lĩnh vực thương mại - dịch vụ là 30.500 lao động, chiếm 25% số người có khả năng làm việc.

- Lao động làm việc trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp - thủy sản là 28.300 lao động, chiếm 23% số người có khả năng làm việc.

*\* Nhu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp trên địa bàn huyện Thạch Thất*

Căn cứ vào tình hình phát triển kinh tế xã hội của địa phương, từ nay tới năm 2020 các doanh nghiệp trên địa bàn huyện Thạch Thất có nhu cầu tuyển dụng một lực lượng lao động lớn. Trong đó, các doanh nghiệp thuộc khu công nghiệp Thạch Thất Quốc Oai có nhu cầu tuyển dụng 944 lao động; Các doanh nghiệp thuộc khu công nghệ cao Hòa Lạc là 480 lao động; Các doanh nghiệp còn lại trên địa bàn huyện là 3886 lao động.

**Bảng 3.3: Nhu cầu tuyển dụng nhân lực của các doanh nghiệp huyện Thạch Thất giai đoạn 2019 - 2020**

STT	Tên doanh nghiệp	Năm 2019	Năm 2020	Tổng cộng
1	Các doanh nghiệp thuộc khu công nghiệp Thạch Thất – Quốc Oai:	483	461	944
2	Các doanh nghiệp thuộc khu công nghệ cao Hòa Lạc	271	209	480
3	Các doanh nghiệp còn lại trên địa bàn huyện	1.162	1.300	3.886

(Nguồn: Phòng LĐTBXH huyện Thạch Thất)

\* Dự báo nhu cầu học nghề của người lao động huyện Thạch Thất

Dự báo nhu cầu học nghề của lao động nông thôn huyện Thạch Thất trong hai năm 2019, 2020 vẫn tập trung vào ba nhóm ngành là nông nghiệp; phi nông nghiệp và dịch vụ. Trong đó, chủ yếu là nhóm ngành phi nông nghiệp. Cụ thể:

**Bảng 3.4: Nhu cầu học nghề huyện Thạch Thất giai đoạn 2019 - 2020**

STT	Nhóm nghề	Năm	
		2019	2020
<b>1</b>	<b>Nhóm nghề nông nghiệp và dịch vụ nông nghiệp</b>	<b>820</b>	<b>905</b>
	Trồng cây lương thực	170	180
	Chăn nuôi gia súc	205	215
	Trồng hoa cây cảnh	140	150
	Chế biến nông lâm thủy sản	105	150
	Thú y chăn nuôi	200	210
<b>2</b>	<b>Nhóm nghề phi nông nghiệp</b>	<b>2.615</b>	<b>2.920</b>
	Nghề mộc, điêu khắc	325	330
	Mây tre giang đan	210	280
	Cơ khí, tiện, gò hàn	430	480

	Điện, điện tử, điện lạnh	330	385
	Vận hành sửa chữa máy công nghiệp	130	140
	Xây dựng	260	290
	May công nghiệp	420	450
	Sửa chữa ô tô, xe máy	240	265
	<i>Các nghề khác</i>	270	300
<b>3</b>	<b>Nhóm nghề dịch vụ, thương mại</b>	<b>1.080</b>	<b>1.160</b>
	Chế biến món ăn	170	180
	Dịch vụ khách sạn, nhà hàng	145	170
	Các nghề khác	765	810
	<b>Tổng cộng</b>	<b>4.515</b>	<b>4.985</b>

*(Nguồn: Phòng LĐTBXH huyện Thạch Thất)*

### **3.2. Mục tiêu đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Thạch Thất thành phố Hà Nội**

*Căn cứ vào Đề án tăng cường công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm huyện Thạch Thất giai đoạn 2016 – 2020 được ban hành kèm theo Quyết định số 4413/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2016 của UBND huyện Thạch Thất, hoạt động đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Thạch Thất cần đạt được mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể như sau:*

**\* Mục tiêu chung:**

- Đào tạo nghề nói chung và đào tạo nghề cho lao động nông thôn nói riêng được coi là biện pháp trọng tâm của huyện Thạch Thất nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của địa phương. Huyện xác định đến năm 2020 đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động, thu hẹp khoảng cách giàu nghèo giữa các vùng và tầng lớp dân cư.

- Để đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao địa phương cần nâng cao hiệu quả hoạt động đào tạo nghề, coi trọng và bồi dưỡng lực lượng lao động giỏi về chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp.

- Gắn đào tạo nghề với giải quyết việc làm. Nâng cao chất lượng và trình độ tay nghề, tạo ra nhiều việc làm mới ổn định hơn, thực hiện tốt các biện pháp hỗ trợ giúp người lao động chưa có việc làm hoặc việc làm hiệu quả thấp được đào tạo, được giới thiệu việc làm và có việc làm đầy đủ, ổn định, phấn đấu giảm đến mức thấp nhất số người không có việc làm, thiếu việc làm hoặc việc làm chưa đầy đủ tại các làng nghề và doanh nghiệp.

- Ưu tiên đào tạo phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao nhằm nâng cao năng suất lao động, chất lượng nguồn nhân lực.

**\* Mục tiêu cụ thể:**

- Để đáp ứng nhu cầu đào tạo nghề, trong thời gian tới, huyện đề ra mục tiêu mở rộng quy mô cơ sở và ngành nghề đào tạo. Hiện nay, huyện Thạch Thất có 3 trung tâm dạy nghề với tổng số 16 nghề, dự kiến đến năm 2020 sẽ mở rộng quy mô đào tạo, bố trí trang thiết bị, giáo viên nhằm đưa số nghề đào tạo lên 24 nghề, tăng 08 nghề so với giai đoạn 2011-2015.

- Bình quân mỗi năm đào tạo khoảng 4.100 lao động, đến năm 2020 đào tạo cho 20.500 lao động theo các nhóm nghề sau:

+ Nhóm nghề nông nghiệp, lâm nghiệp là: 3.800 lao động

+ Nhóm nghề phi nông nghiệp là: 11.700 lao động

+ Nhóm nghề thương mại dịch vụ là: 5.000 lao động

- Nâng thời gian sử dụng lao động từ 85,5% lên 90% vào năm 2020

- Tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo lên 65,5% vào năm 2020.

### **3.3. Một số giải pháp phát triển đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Thạch Thất**



### ***3.3.1. Đổi mới hình thức tuyên truyền nâng cao nhận thức về đào tạo nghề cho người lao động và chính quyền các cấp***

Đào tạo nghề cho lao động nông thôn là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, giải quyết việc làm, ổn định cuộc sống, giảm nghèo bền vững, thực hiện chính sách an sinh xã hội quốc gia. Trong những năm qua, được sự quan tâm, chỉ đạo của trung ương, thành ủy, việc thực hiện Đề án 1956 về đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện Thạch Thất đã được triển khai tới các ban ngành đoàn thể, UBND các xã, thị trấn và đã đạt được nhiều kết quả. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được thì việc thực hiện đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn tại địa phương này còn tồn tại một số hạn chế. Một trong những nguyên nhân của tình trạng này là nhận thức của một số cán bộ lãnh đạo các ban ngành đoàn thể còn hạn chế, thụ động và ỷ lại trong triển khai đề án; người lao động nông thôn chưa coi trọng việc học nghề, còn tư tưởng kén nghề, chọn nghề. Công tác tuyên truyền về đào tạo nghề và các chế độ, chính sách liên quan đến đào tạo nghề trên địa bàn huyện tuy đã được đẩy mạnh nhưng vẫn chưa sâu rộng, còn một bộ phận lao động nông thôn chưa nắm biết cụ thể về các chính sách hỗ trợ dạy nghề. Công tác tư vấn học nghề, việc làm cho lao động nông thôn còn mang tính hình thức. Vì vậy, trong thời gian tới cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền hơn nữa, đổi mới hình thức và phương pháp tuyên truyền nhằm thay đổi nhận thức về việc học nghề, khuyến khích người lao động học nghề để phát triển kinh tế gia đình. Công tác tuyên truyền cần tập trung vào một số nội dung sau đây:

- Nội dung tuyên truyền cần tập trung vào kết quả triển khai Đề án 1956; hiệu quả của việc dạy nghề gắn với việc làm, tăng thu nhập cho các hộ gia đình, góp phần xóa đói giảm nghèo; nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp chủ yếu trong thực hiện Đề án 1956, trong đó tập trung phổ biến các cơ chế, chính

sách hỗ trợ học nghề, tạo việc làm; tuyên truyền nhân rộng những mô hình điển hình, cá nhân điển hình lao động nông thôn sau khi học nghề áp dụng hiệu quả vào trong sản xuất hoặc tạo việc làm.

- Về hình thức tuyên truyền: Đăng tải, phát sóng tin, bài về dạy nghề cho lao động nông thôn Đài truyền hình thành phố và đài truyền thanh huyện, Cổng Thông tin điện tử. Cần thành lập và duy trì hoạt động của Tổ thông tin đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn”. Có thể tổ chức chương trình đối thoại trực tiếp giữa Phòng LĐTBXH huyện Thạch Thất và nhân dân về chủ đề “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Thạch Thất nhằm giải đáp những vướng mắc cho người dân và giúp họ hiểu rõ hơn về tầm quan trọng của hoạt động đào tạo nghề.

- Để phát huy vai trò của cán bộ các ban ngành đoàn thể trong đào tạo nghề cần tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ hội nông dân các cấp để làm nhiệm vụ tuyên truyền, tư vấn về việc làm và học nghề. Ngoài ra, các cấp hội đoàn thể như Hội Phụ nữ, Đoàn thanh niên các cấp triển khai các hoạt động tuyên truyền tư vấn học nghề, việc làm.

### ***3.3.2. Làm tốt công tác điều tra, khảo sát và dự báo nhu cầu học nghề của người lao động theo yêu cầu của thị trường lao động***

Để công tác dạy nghề cho lao động nông thôn mang lại hiệu quả tốt thì phải được gắn với chính sách tạo việc làm, song cần thiết hơn là phải lựa chọn các nghề phù hợp với đặc điểm, nhu cầu cụ thể tại địa phương. Hiện nay, công tác tổ chức điều tra, khảo sát về nhu cầu học nghề hàng năm chưa sát với thực tiễn, chưa đúng thời điểm. Do vậy, việc lựa chọn của nhiều nghề đưa vào đào tạo chưa phù hợp, còn phải thay đổi nhiều lần, hiệu quả đào tạo nghề tạo việc làm đạt tỷ lệ chưa cao. Để công tác điều tra, khảo sát nhu cầu đào tạo nghề cho lao động nông thôn được hiệu quả cần tập trung vào một số điểm như sau:

*Thứ nhất*, đối với đối tượng tham gia học nghề: Đối tượng tham gia học nghề là người trong độ tuổi lao động, có trình độ học vấn và sức khoẻ phù hợp với nghề cần đào tạo. Trong đó, ưu tiên dạy nghề cho các đối tượng là con đối tượng chính sách người có công, hộ nghèo, người tàn tật, người thuộc vùng dân tộc thiểu số, người bị thu hồi đất canh tác. Trước khi tham gia đào tạo nghề, người lao động cần được tư vấn rõ ràng về nhu cầu, nguyện vọng tạo việc làm sau đào tạo của bản thân: Sẽ tự tạo việc làm cho mình hoặc được giới thiệu việc làm. Đào tạo nghề hiện nay gắn với nhu cầu của người lao động do đó trong quá trình khảo sát người tư vấn học nghề cần ghi lại cụ thể, rõ ràng nhu cầu học nghề của người lao động.

*Thứ hai*, khảo sát nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp trên địa bàn về số lượng, trình độ chuyên môn, tay nghề, vị trí việc làm, lương và các chế độ phúc lợi xã hội. Trong phiếu khảo sát cần thiết kể tỉ mỉ về yêu cầu vị trí việc làm (trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức, kinh nghiệm, sức khỏe...vv), chế độ lương thưởng và các phúc lợi xã hội..vv.

*Thứ ba*, Điều tra viên cần phải là những người có chuyên môn và kinh nghiệm tham gia các cuộc điều tra, có tinh thần trách nhiệm, được huấn luyện về nghiệp vụ điều tra. Nội dung điều tra phải được ghi chép lại đầy đủ theo đúng mẫu quy định, đảm bảo tính trung thực của thông tin. Đội ngũ điều tra viên cần phải là những người được đào tạo, tập huấn để trở thành những tư vấn viên chuyên nghiệp.

*Thứ tư*, hàng năm tiến hành điều tra bổ sung nhu cầu học nghề của người lao động trong các hộ gia đình, để làm căn cứ xây dựng kế hoạch đào tạo nghề cho phù hợp với nhu cầu của người lao động, nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp. Chỉ đào tạo nghề khi đã xác định được vị trí việc làm của người học.

### ***3.3.3. Đổi mới nội dung, chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội của địa phương***

- *Về chương trình đào tạo:* Hiện nay huyện Thạch Thất đang áp dụng chương trình dạy nghề trình độ sơ cấp nghề có thời gian đào tạo dưới 3 tháng, đối với nghề nông nghiệp, phi nông nghiệp theo chương trình, giáo trình do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tổng cục Dạy nghề ban hành. Đối với lao động có trình độ từ Trung cấp trở lên để vào làm việc tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, Khu Công nghiệp Thạch Thất - Quốc Oai giao Trung tâm dạy nghề Huyện liên kết với các trường cao đẳng, trường nghề ... tổ chức tuyển sinh, đào tạo theo giáo trình của cấp có thẩm quyền phê duyệt. Hạn chế của các chương trình định sẵn này là chậm đổi mới, khoảng cách giữa kiến thức được học với yêu cầu thực tế còn xa vời. Do đó, để nâng cao hiệu quả đào tạo, giáo trình cần được điều chỉnh theo hướng linh hoạt, mềm dẻo, loại bỏ những nội dung không cần thiết kết hợp với sử dụng phương pháp giảng dạy tiên tiến, lấy ý kiến của các doanh nghiệp với tư cách là người sử dụng lao động để làm cơ sở điều chỉnh và đổi mới nội dung chương trình đào tạo.

- *Về ngành nghề đào tạo:* Như đã phân tích ở trên, hiện nay, các ngành nghề đào tạo mới chỉ phù hợp với nhu cầu của địa phương mà chưa bám sát yêu cầu của thị trường lao động. Theo dự báo nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp trên địa bàn huyện trong 3 năm 2018-2020 tập trung đào tạo các nghề điện, điện tử, dịch vụ - thương mại, cơ kim khí. Đối với các đơn vị dạy nghề trên địa bàn huyện tập trung đào tạo các nghề được cấp phép đào tạo như: Hàn, may công nghiệp, mộc dân dụng. Tuy vậy, có một thực tế trên thị trường lao động hiện nay là nhu cầu lao động về lĩnh vực lao động giúp việc gia đình và đào tạo nghề trước khi đi xuất khẩu lao động nhiều nhưng chưa có đơn vị nào đào tạo đội ngũ lao động trong lĩnh vực này. Do vậy, trong thời gian tới cần tổ chức liên kết với các trường nghề trên địa bàn Thành phố

nhằm đào tạo những ngành nghề mới theo nhu cầu của thị trường lao động và nhu cầu của các doanh nghiệp trên địa bàn huyện.

- *Về phương thức đào tạo:* Tiếp tục duy trì quy mô đào tạo tối đa 35 học viên/lớp, phương thức đào tạo theo phương thức đặt hàng dạy nghề theo quy định tại Quyết định số 3441/QĐ-UBND ngày 25/7/2011 của UBND Thành phố và các quy định hiện hành về tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Đối với nghề phi nông nghiệp tập trung tổ chức đào tạo theo vị trí làm việc tại doanh nghiệp, theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp để doanh nghiệp tuyển dụng vào làm việc theo hợp đồng lao động đã ký kết. Đối với các nghề nông nghiệp, tập trung đào tạo cho các đối tượng nông dân nông cốt tại địa phương, đủ điều kiện áp dụng kiến thức nghề sau khi học, nội dung đào tạo phải phù hợp với đặc điểm của quy trình sản xuất, quy trình sinh trưởng của cây trồng, vật nuôi.

\* *Xác định đối tượng đào tạo nhằm đáp ứng cho khu công nghệ cao, khu công nghiệp Thạch Thất - Quốc Oai, đào tạo nghề để đi xuất khẩu lao động, đào tạo nghề cho các doanh nghiệp, các làng nghề, trong đó:*

+ Đào tạo nghề cho khu công nghệ cao, khu công nghiệp Thạch Thất - Quốc Oai, căn cứ vào nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp để đào tạo, những ngành nghề doanh nghiệp cần, đào tạo trực tiếp tại các doanh nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp, tập trung chủ yếu vào các ngành, các nghề: Điện, điện tử, cơ kim khí, may công nghiệp; chương trình đào tạo áp dụng chương trình đào tạo của các trường cao đẳng, trung cấp nghề đã được phê duyệt và theo yêu cầu của các doanh nghiệp.

+ Đào tạo nghề cho lao động đi làm việc tại nước ngoài tập chung vào những ngành nghề như xây dựng, hàn, cơ kim khí, may, đối tượng đào tạo tập chung vào lao động có độ tuổi từ 20 đến 35 tuổi, có nhu cầu đi xuất khẩu lao

động, nội dung đào tạo theo định hướng của các công ty có chức năng đưa lao động đi làm việc tại nước ngoài.

+ Đối với lao động đào tạo cho các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất kinh doanh, các làng nghề. Tập trung chủ yếu vào các ngành nghề mộc mỹ nghệ, cơ kim khí, may... đối tượng đào tạo là lao động nông thôn, chương trình đào tạo áp dụng chương trình sơ cấp do tổng cục dạy nghề phê duyệt.

#### ***3.3.4. Phát triển đội ngũ giáo viên dạy nghề và đầu tư hệ thống cơ sở vật chất phục vụ đào tạo nghề***

- Để nâng cao hiệu quả đào tạo nghề cần đảm bảo đội ngũ giáo viên đủ về số lượng và tốt về chất lượng. Hiện nay, Thạch Thất đã hoàn thành việc quy hoạch các cụm làng nghề, nhiều làng nghề truyền thống được khôi phục và phát triển tạo việc làm cho hàng ngàn lao động khu vực nông thôn. Tuy vậy, hiện nay phần lớn lao động làm việc trong các làng nghề học nghề theo kiểu người cũ dạy người mới nên trình độ tay nghề của người lao động nhìn chung chưa cao. Do đó, trong thời gian tới cần chú trọng phát triển đội ngũ giáo viên thông qua việc huy động các nghệ nhân, cán bộ có tay nghề cao tại các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất kinh doanh, nông dân sản xuất giỏi để tham gia dạy nghề, truyền nghề, nhân cấy nghề trong các làng nghề. Để đảm bảo chất lượng giáo viên tham gia đào tạo nghề, hàng năm, phải tổ chức điều tra, khảo sát, đánh giá chất lượng đội ngũ giáo viên dạy nghề.

- Đầu tư cơ sở vật chất cho cơ sở dạy nghề do huyện quản lý. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa dạy nghề theo hướng khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư thiết lập các cơ sở dạy nghề cho lao động nông thôn, thu hút các cơ sở dạy nghề tư thực, các cơ sở giáo dục, các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất kinh doanh tham gia hướng dẫn dạy nghề cho lao động nông thôn.

### ***3.3.5. Tăng cường vai trò kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước trong đào tạo nghề cho lao động nông thôn***

Kiểm tra, giám sát là hoạt động cần thiết để đảm bảo các đơn vị tham gia dạy nghề dạy đúng nội dung, chương trình đào tạo. Tuy vậy, công tác kiểm tra còn chưa được sát sao và thường xuyên do cán bộ kiểm tra phải kiêm nhiệm nhiều việc. Để hoạt động kiểm tra hiệu quả, trong thời gian tới cần tập trung vào một số điểm như sau:

- Về nhân sự, bố trí 01 cán bộ phụ trách chính về mảng đào tạo nghề.
- Xây dựng tiêu chí kiểm tra, giám sát việc thực hiện đề án 1956 tạo việc làm cho lao động nông thôn trong tất cả các khâu: khảo sát nhu cầu học nghề; định hướng, tư vấn học nghề; tuyên truyền, phổ biến chính sách đào tạo nghề; hiệu quả giải quyết việc làm sau đào tạo.
- Tăng số lượng các buổi giám sát của đoàn giám sát cấp huyện và cấp xã để đảm bảo các lớp học được tiến hành theo nội dung, chương trình giảng dạy.
- Báo cáo tình hình thực hiện đề án sau mỗi buổi giám sát và thực hiện báo cáo tổng kết theo quý hoặc 6 tháng một lần để rút kinh nghiệm, chỉ ra những kết quả đạt được, những vấn đề còn tồn tại từ đó đưa ra các biện pháp khắc phục.

### ***3.3.6. Đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm cho người lao động***

Đào tạo nghề cho người lao động nói chung và lao động nông thôn nói riêng cần đi đôi với giải quyết việc làm. Để giải quyết việc làm thì hoạt động đào tạo nghề cần tập trung vào các vấn đề như sau:

- Thứ nhất, việc lựa chọn ngành nghề đào tạo phụ thuộc vào nhu cầu đào tạo nhân lực của thị trường lao động chứ không chỉ là nhu cầu của người lao động.

+ Nhu cầu nhân lực thời kỳ cách mạng 4.0

- + Nhu cầu phát triển KTXH của địa phương
- + Nhu cầu của các doanh nghiệp
- + Nhu cầu của xã hội

- Trước khi ký hợp đồng dạy nghề với Phòng Lao động- TBXH, các đơn vị dạy nghề ký cam kết 3 bên giữa đơn vị dạy nghề, học viên và đơn vị tiếp nhận 100% lao động vào làm việc sau đào tạo. Tuy nhiên, sau khi kết thúc đào tạo số lượng lao động được tuyển dụng vào làm việc tại doanh nghiệp, cơ sở sản xuất là rất ít, chủ yếu là tự tạo việc làm. Do đó, cần tích cực đẩy mạnh hợp tác và liên kết với các trường dạy nghề trong Thành phố để đào tạo nghề cho người lao động theo địa chỉ và đào tạo theo nhu cầu của người lao động sau đào tạo người lao động phải có việc làm theo đúng nghề được đào tạo, tỷ lệ có việc làm sau đào tạo phải đảm bảo 85%.

- Đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác giáo dục định hướng nghề nghiệp trong các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông để học sinh có suy nghĩ và định hướng nghề nghiệp, khuyến khích người lao động học nghề để phát triển kinh tế gia đình.

- Tăng cường các biện pháp hỗ trợ trực tiếp cho người lao động được đăng ký tham gia học nghề, trong quá trình học nghề người lao động được vay vốn ưu đãi từ Ngân hàng Chính sách xã hội. Sau khi học nghề được hỗ trợ vay vốn để phát triển kinh tế tạo việc làm.

- + Tăng số vốn vay tạo việc làm sau học nghề
- + Kéo dài thời gian quay vòng vốn từ 36 lên 48 hoặc 52 tháng.



## KẾT LUẬN

Trong giai đoạn thực hiện công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước, đào tạo nghề cho lao động nông thôn được coi là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước ta nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, giúp người lao động có điều kiện chuyển đổi nghề nghiệp, tìm và tự tạo việc làm từ đó có thu nhập ổn định nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân, thu hẹp khoảng cách giàu nghèo, thực hiện mục tiêu an sinh xã hội quốc gia.

Thực hiện nghiên cứu đề tài: Đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Thạch Thất thành phố Hà Nội đề tài đã đạt được một số kết quả sau đây:

Thứ nhất, hệ thống hóa cơ sở lý luận về đào tạo nghề cho người lao động nói chung và lao động nông thôn nói riêng.

Thứ hai, trình bày có hệ thống việc thực hiện công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Thạch Thất, thành phố Hà nội trên từng khâu: tuyên truyền, khảo sát nhu cầu học nghề; xây dựng kế hoạch đào tạo nghề; tổ chức đào tạo nghề; kiểm tra, giám sát và đánh giá sau đào tạo.

Bên cạnh những kết quả đạt được căn bản như tỷ lệ lao động qua đào tạo hàng năm tăng mạnh, cơ cấu lao động chuyển dịch phù hợp với chuyển dịch cơ cấu kinh tế, công tác đào tạo nghề còn tồn tại một số hạn chế trong khâu khảo sát nhu cầu học nghề; chậm đổi mới chương trình đào tạo; hệ thống cơ sở vật chất chưa đáp ứng được nhu cầu của thị trường và yêu cầu của công việc..v.v.

Thứ ba, trên cơ sở chỉ ra một số những hạn chế còn tồn tại trên đây, đề tài đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả đào tạo nghề cho địa phương trong giai đoạn tiếp theo.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong quá trình triển khai, nghiên cứu, phân tích và đánh giá vấn đề đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Thạch Thất thành phố Hà Nội song đề tài của tác giả không tránh khỏi những thiếu sót. Rất mong nhận được ý kiến đóng góp của quý thầy cô để luận văn hoàn chỉnh hơn.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. C.Mác – Ph.Ăngghen (1994), *Toàn tập(23)*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr 641.
2. Trần Xuân Cầu (2012), *Giáo trình Kinh tế nguồn nhân lực*, NXB Đại học Kinh tế Quốc Dân
3. Nguyễn Văn Đại (2012), *Đào tạo nghề cho lao động nông thôn vùng Đồng bằng Sông Hồng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.
4. Lê Thanh Hà (2007), *Giáo trình quản trị nhân lực tập 2*, NXB Lao động-Xã hội, Hà Nội, tr.61
5. Nguyễn Khắc Hải (2016), *Đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội*, Luận văn thạc sĩ Quản trị nhân lực, Trường Đại học Lao động xã hội.
6. Nguyễn Lâm (2007), *Từ điển Hán Việt*, NXB Văn học, tr 394.
7. Hoàng Phê (2010), *Từ điển Tiếng Việt*, NXB Từ điển bách khoa, Hà Nội.
8. Lê Thu Thảo (2011), *Giải quyết việc làm và đảm bảo đời sống cho người lao động sau khi bị thu hồi đất trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở tỉnh Nghệ An*, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Đà Nẵng.
9. Nguyễn Tiệp (2011), *Giáo trình Nguồn nhân lực*, NXB Lao động xã hội.
10. Thủ tướng Chính phủ, *Đề án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020* ban hành kèm theo quyết định số 1956/QĐ-TTg ban hành ngày 27 tháng 11 năm 2009.
11. UBND huyện Thạch Thất, *Báo cáo tình hình thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg năm 2014, kế hoạch thực hiện năm 2015*.
12. UBND huyện Thạch Thất, *Báo cáo tình hình thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg năm 2015, kế hoạch thực hiện năm 2016*.

13. UBND huyện Thạch Thất, Báo cáo tình hình thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg năm 2016, kế hoạch thực hiện năm 2017.
14. UBND huyện Thạch Thất, Báo cáo tình hình thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg năm 2017, kế hoạch thực hiện năm 2018.
15. UBND huyện Thạch Thất, Báo cáo tình hình thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg năm 2018.
16. UBND huyện Thạch Thất, Kế hoạch giải quyết việc làm, đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2014.
17. UBND huyện Thạch Thất, Kế hoạch giải quyết việc làm, đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2015.
18. UBND huyện Thạch Thất, Kế hoạch giải quyết việc làm, đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2016.
19. UBND huyện Thạch Thất, Kế hoạch giải quyết việc làm, đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2017.
20. UBND huyện Thạch Thất, Kế hoạch giải quyết việc làm, đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2018.
21. UBND huyện Thạch Thất, Đề án tăng cường công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm huyện Thạch Thất giai đoạn 2016 – 2020.
22. Quốc Hội, Luật Giáo dục nghề nghiệp, Luật số 74/2014/QH13 ban hành ngày 27 tháng 11 năm 2014.
23. Quốc Hội, Bộ luật Lao động, Luật số
24. Nguyễn Thị Hồng Vân (2015), *Đào tạo nghề cho người lao động huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội*, Luận văn thạc sĩ Quản trị nhân lực, Trường Đại học Lao động xã hội.
25. Thực trạng lực lượng lao động Việt Nam và một số vấn đề đặt ra, Tạp chí Tài chính: <http://tapchitaichinh.vn/nghien-cuu-trao-doi/thuc-trang-luc-luong-lao-dong-viet-nam-va-mot-so-van-de-dat-ra-302133.html>

26. Nhiều cách làm hiệu quả trong đào tạo nghề cho lao động nông thôn

<https://mic.gov.vn/Daotaonghe/Pages/TinTuc/97127/Nhieu-cach-lam-hieu-qua-trong-dao-tao-nghe-cho-lao-dong-nong-thon.html>

27. Đào tạo nghề cho lao động nông thôn: Nâng cao tay nghề, cải thiện thu nhập, Báo Bà Rịa Vũng Tàu: <http://baobariavungtau.com.vn/xahoi/201901/dao-tao-nghe-cho-lao-dong-nong-thon-nang-cao-tay-nghe-cai-thien-thu-nhap-832872/>

<http://baobariavungtau.com.vn/xahoi/201901/dao-tao-nghe-cho-lao-dong-nong-thon-nang-cao-tay-nghe-cai-thien-thu-nhap-832872/>

## PHỤ LỤC 1

### ĐỀ ÁN 1956 VỀ ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN

Ngày 27 tháng 11 năm 2009, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1956/QĐ-TTg phê duyệt Đề án *Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020 (gọi tắt là Đề án 1956)*.

#### \* Mục tiêu của đề án

- Mục tiêu chung của đề án là bình quân hàng năm đào tạo nghề cho khoảng 1 triệu lao động nông thôn, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề, nhằm tạo việc làm, tăng thu nhập của lao động nông thôn; góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động và cơ cấu kinh tế.

Đề án được chia làm 3 giai đoạn: 2009 – 2010; 2011 – 2015; 2016 – 2020. Trong giai đoạn 2016 – 2020, đào tạo nghề cho 6.000.000 lao động nông thôn, trong đó, khoảng 5.500.000 lao động nông thôn được học nghề (1.400.000 người học nghề nông nghiệp; 4.100.000 người học nghề phi nông nghiệp), trong đó, đặt hàng dạy nghề khoảng 380.000 người thuộc diện hộ nghèo, người dân tộc thiểu số, lao động nông thôn bị thu hồi đất canh tác có khó khăn về kinh tế. Tỷ lệ có việc làm sau khi học nghề trong giai đoạn này tối thiểu đạt 80%.

#### \* Đối tượng của đề án

- Lao động nông thôn trong độ tuổi lao động, có trình độ học vấn và sức khỏe phù hợp với nghề cần học. Trong đó ưu tiên dạy nghề cho các đối tượng là người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, hộ nghèo, hộ có thu nhập tối đa bằng 150% thu nhập của hộ nghèo, người dân tộc thiểu số, người tàn tật, người bị thu hồi đất canh tác.

**\* Chính sách của đề án**

- Chính sách đối với người học

+ Theo quy định của đề án, lao động nông thôn tham gia học nghề tùy thuộc vào từng đối tượng mà được hưởng chính sách ưu đãi khác nhau như: hỗ trợ chi phí học nghề, hỗ trợ tiền ăn, hỗ trợ tiền đi lại.

- Lao động nông thôn sau khi học nghề được vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia về việc làm để tự tạo việc làm.

- Chính sách đối với giáo viên, giảng viên

+ Đối với giáo viên, cán bộ quản lý dạy nghề, người dạy nghề (cán bộ kỹ thuật, kỹ sư, người lao động có tay nghề cao tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh và các trung tâm khuyến nông, lâm, ngư, nông dân sản xuất giỏi tham gia dạy nghề lao động nông thôn) được hưởng phụ cấp lưu động hoặc trả tiền công giảng dạy theo quy định.

- Chính sách đối với cơ sở đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Các cơ sở đào tạo nghề tùy vào trình độ phát triển kinh tế xã hội của từng địa phương cụ thể được hỗ trợ đầu tư phòng học lý thuyết, xưởng thực hành, ký túc xá, nhà công vụ cho giáo viên, nhà ăn, ô tô bán tải hoặc thuyền máy để chuyên chở thiết bị, cán bộ, giáo viên đi dạy nghề lưu động..v.v.

Có thể nói, Đề án 1956 là chủ trương lớn mang tính nhân văn của Đảng và Nhà nước ta nhằm tạo bản lề phục vụ cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn. Mặc dù trong quá trình thực hiện còn bộc lộ những hạn chế song những kết quả đạt được từ chương trình này là không thể phủ nhận. Thông qua chương trình, hàng triệu lao động đã có cơ hội nâng cao trình độ chuyên môn, có cơ hội chuyển đổi nghề nghiệp tạo việc làm nâng cao thu nhập ổn định cuộc sống, đảm bảo an sinh xã hội.

## PHỤ LỤC 2

### BẢNG HỎI DÀNH CHO HỌC VIÊN THAM GIA HỌC NGHỀ

Thưa anh/chị!

Tôi là Vũ Thị Phương Thúy, học viên chuyên ngành Quản trị nhân lực, Trường Đại học Lao động Xã hội. Hiện nay, tôi đang thực hiện đề tài luận văn thạc sĩ “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội”, để có cơ sở đánh giá công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Thạch Thất giai đoạn 2014 – 2018 tôi đã thiết kế phiếu khảo sát dưới đây, xin gửi tới anh chị để lấy ý kiến. Anh/chị vui lòng trả lời đầy đủ các câu hỏi trong phiếu này bằng cách đánh dấu X vào ô trống . Tôi xin cam đoan, mọi thông tin thu thập được từ phiếu khảo sát chỉ nhằm mục đích phục vụ cho bài nghiên cứu này.

*Tôi xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ quý báu của anh chị!*

<b>I. THÔNG TIN CHUNG</b>	
Giới tính	<input type="radio"/> Nam <input type="radio"/> Nữ
Năm sinh	<input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/>
Nghề nghiệp hiện tại (nếu có): .....	
Tên cơ sở đào tạo nghề anh/chị học:.....	

### **II. THÔNG TIN CỤ THỂ:**

**Câu 1: Anh/ chị biết tới chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn qua kênh thông tin nào dưới đây?**

- Quảng cáo trên tivi
- Mạng internet
- Qua hội nghị, đài truyền thanh địa phương
- Phương tiện khác

**Câu 2: Anh/chị đánh giá như thế nào về đội ngũ giáo viên tham gia dạy nghề, về nội dung đào tạo, về nguồn tài liệu và cơ sở vật chất dạy và học?**

(A. Rất không hài lòng; B. Không hài lòng; C. Bình thường; D. Hài lòng; E. Rất hài lòng)

(Với mỗi tiêu chí, chỉ đánh dấu X vào một ô tương ứng với mức độ anh/chị chọn)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá				
	A	B	C	D	E
<b>Về giáo viên</b>					
1. Giáo viên có thái độ nghiêm túc, tận tâm với người học					
2. Giáo viên có chuyên môn sâu về nội dung bài học					
<b>Về nguồn tài liệu học tập và cơ sở vật chất</b>					
1. Tài liệu học tập phong phú, phù hợp với trình độ người học					
2. Thiết bị dạy học và thực hành, cơ sở vật chất được trang bị đầy đủ, phù hợp với yêu cầu công việc					

**Câu 3: Đánh giá của anh/chị về việc áp dụng các nội dung, chương trình đã được đào tạo vào công việc hiện tại của mình như thế nào?**

- Sử dụng trên 75% kiến thức đã học
- Sử dụng từ 50% - 75% kiến thức đã học
- Sử dụng từ 25% - 50% kiến thức đã học
- Sử dụng dưới 25% kiến thức đã học
- Hoàn toàn không sử dụng kiến thức đã học

**Câu 4: Anh/ chị nhận xét gì về việc đào tạo kết hợp giữa 30% học lý thuyết với 70% học thực hành?**

- Rất hợp lý



- Nên tăng thời gian học lý thuyết
- Nên tăng thời gian học thực hành

**Câu 5: Sau khi học nghề anh chị đã có việc làm hay chưa?**

- Đã có việc làm
- Chưa có việc làm
- Khác

**Câu 6: Hình thức việc làm sau học nghề của anh/chị là:**

- Làm công ăn lương
- Chủ cơ sở sản xuất
- Tự tạo việc làm
- Tự tạo việc làm

**Câu 7: Trong quá trình tham gia học nghề anh chị gặp phải khó khăn gì?**

- Khoảng cách đi lại xa
- Tốn kém
- Khác

**Câu 8: Anh/chị đánh giá như thế nào về hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Thạch Thất?**

- Tốt
- Bình thường
- Chưa tốt
- Khác

**Câu 9: Theo anh/chị, để công tác đào tạo nghề cho người lao động được hiệu quả cần tập trung vào nội dung nào?**

- Bổ sung kiến thức cho người lao động
- Tăng cường khả năng thực hành
- Kết hợp cả bổ sung lý thuyết và khả năng thực hành
- Khác

**Xin chân thành cảm ơn anh/chị đã tham gia cuộc phỏng vấn này.**

## PHỤ LỤC 3

### BẢNG HỎI DÀNH CHO DOANH NGHIỆP

Thưa anh/chị!

Tôi là Vũ Thị Phương Thúy, học viên chuyên ngành Quản trị nhân lực, Trường Đại học Lao động Xã hội, hiện nay, tôi đang thực hiện đề tài luận văn thạc sĩ “*Đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội*”, để có cơ sở đánh giá công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Thạch Thất giai đoạn 2014 – 2018 tôi đã thiết kế phiếu khảo sát dưới đây, xin gửi tới anh chị để lấy ý kiến. Anh/chị vui lòng trả lời đầy đủ các câu hỏi trong phiếu này bằng cách đánh dấu X vào ô trống **O**. Mỗi ý kiến của anh/chị là một đóng góp quan trọng giúp vấn đề đào tạo nghề cho lao động trên địa bàn huyện Thạch Thất được hoàn thiện hơn.

*Xin chân thành cảm ơn sự đóng góp của anh/chị!*

<b>I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP</b>
1. Tên doanh nghiệp: .....
2. Địa chỉ: .....
3. Ngành nghề kinh doanh: .....

#### II. THÔNG TIN CỤ THỂ

**Câu 1: Anh/chị có biết đến đề án 1956 về đào tạo nghề cho lao động nông thôn được triển khai trên địa bàn huyện Thạch Thất?**

- Có
- Không

**Câu 2: Anh/ chị biết thông tin đó qua kênh thông tin nào?**

- Qua quảng cáo trên tivi
- Qua mạng internet
- Qua đài truyền thanh địa phương
- Kênh thông tin khác

**Câu 3: Doanh nghiệp của anh/chị có sử dụng lao động nào đã qua các chương trình đào tạo cho lao động nông thôn của địa phương không?**

- Đang sử dụng
- Đã từng sử dụng
- Không sử dụng

**Câu 4: Theo anh/chị, người lao động đã áp dụng các nội dung, chương trình được đào tạo vào công việc hiện tại của họ như thế nào?**

- Sử dụng trên 75% kiến thức đã học
- Sử dụng từ 50% - 75% kiến thức đã học
- Sử dụng từ 25% - 50% kiến thức đã học
- Sử dụng dưới 25% kiến thức đã học

**Câu 5: Nhận xét của anh/chị về các kỹ năng của người lao động có được sau khi tham gia các khóa đào tạo nghề của địa phương** (A. Tốt; B. Khá; C. Trung bình; D. Thấp; E. Rất thấp)

(Với mỗi tiêu chí, chỉ đánh dấu X vào một ô tương ứng với mức độ anh/chị chọn)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá				
	A	B	C	D	E
Kiến thức chuyên môn					
Kỹ năng thực hành					
Khả năng tiếp cận công nghệ					
Khả năng sáng tạo					
Kỹ năng làm việc nhóm					

***Câu 6: Trong thời gian tới, theo anh/chị đào tạo nghề cho người lao động cần tập trung vào nội dung nào?***

- Bổ sung kiến thức về nghề đó cho người lao động
- Tăng cường khả năng thực hành
- Kết hợp cả bổ sung lý thuyết và khả năng thực hành

***Xin chân thành cảm ơn anh/chị đã tham gia cuộc phỏng vấn này.***

**PHỤ LỤC 4**

**CÂU HỎI PHỎNG VẤN SÂU DÀNH CHO CHỦ THÊ THAM GIA  
ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN**

**I. Thông tin chung**

- 1. Họ và tên:.....
- 2. Cơ quan công tác:.....
- 3. Chức vụ:.....
- 4. Vai trò trong đào tạo nghề cho lao động nông thôn:.....

**II. Nội dung phỏng vấn**

- 1. Xin ông/bà cho biết những thuận lợi và khó khăn trong đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Thạch Thất thời gian qua?

.....  
.....  
.....  
.....

- 2. Ông bà đánh giá như thế nào về hiệu quả công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn ở huyện Thạch Thất?

.....  
.....  
.....  
.....

- 3. Để công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn được hiệu quả trong thời gian tới cần có những biện pháp như thế nào?

.....  
.....  
.....

*Cảm ơn ông/bà đã tham gia cuộc phỏng vấn này.*